UBND XÃ ĐẠI PHÚC **TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 19 /TB-TTPVHCC	*Đại Phúc, ngày 15 tháng 10 năm 2026*

THÔNG BÁO
V/v công khai danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Đại Phúc

Căn cứ Nghị định số 385/2026/NĐ-CP ngày 09/10/2026 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Dịch vụ công quốc gia; sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 và Nghị định số 309/2026/NĐ-CP ngày 05/8/25026 của Chính Phủ.

Căn cứ các Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính (TTHC) của các Bộ, ngành và của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ *https://dichvucong.gov.vn/)*

Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Đại Phúc thông báo công khai danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, cụ thể như sau:

1. Nội dung công khai

- Tổng số thủ tục hành chính: 2.131 thủ tục. *Trong đó:*

+ TTHC thuộc thẩm quyền cấp xã: 389 thủ tục *(trong đó có 05 thủ tục hành chính liên thông).*

+ TTHC cấp tỉnh: 1.742 thủ tục.

(Có danh mục TTHC kèm theo)

2. Phạm vi áp dụng: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân có nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính.

3. Hình thức

- Niêm yết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Đại Phúc, tỉnh Thái Nguyên.

- Địa chỉ:

+ Điểm 1: Xóm Đình, xã Đại Phúc, tỉnh Thái Nguyên.

+ Điểm 2: Xóm Phúc Xuân, xã Đại Phúc, tỉnh Thái Nguyên.

+ Điểm 3: Xóm Phúc Tân, xã Đại Phúc, tỉnh Thái Nguyên.

- Công khai trên Trang thông tin điện tử xã Đại Phúc (http://daiphuc.thainguyen.gov.vn)

4. Thời gian thực hiện

Các danh mục TTHC được thường xuyên rà soát, cập nhật theo Quyết định công bố danh mục TTHC của Bộ, ngành và Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để kịp thời công khai các TTHC theo đúng quy định.

5. Các cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Đại Phúc có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ tổ chức, cá nhân tra cứu Danh mục TTHC và thực hiện nộp hồ sơ theo quy định.

Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Đại Phúc thông báo đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và Nhân dân biết và thực hiện./.

Nơi nhận:
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- UBND các phường, xã trên địa bàn tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các phòng chuyên môn, các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã;
- Các xóm trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, TTPVHCC.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Hảo

Phụ lục 1.1

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

Nhóm các lĩnh vực thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Xây dựng

(Kèm theo Thông báo số 19/TB-UBND ngày 15/10/2026 của UBND xã Đại Phúc)

STT		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
I		**Lĩnhvực Hàng hải và đường thủy nội địa**			
1	1	1.115949	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	1595/QĐ-BXD	
2	2	1.115950	Công bố mở bến thủy nội địa, bến khách ngang sông, kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án và bến dân sinh	1136/QĐ-BXD	
3	3	2.001211	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	870/QĐ-BXD	
4	4	2.001212	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	870/QĐ-BXD	
5	5	1.009453	Cho ý kiến về thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án và bến dân sinh	1136/QĐ-BXD	
6	6	2.001214	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	870/QĐ-BXD	
7	7	2.001215	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	870/QĐ-BXD	
8	8	2.001218	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	870/QĐ-BXD	
9	9	1.009465	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa	1136/QĐ-BXD	
10	10	1.009452	Cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	1136/QĐ-BXD	

11	11	2.001659	Xóa đăng ký phương tiện	461/QĐ-BXD	
12	12	1.004036	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	461/QĐ-BXD	
13	13	1.003970	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	461/QĐ-BXD	
14	14	1.003930	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	461/QĐ-BXD	
15	15	1.004047	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	461/QĐ-BXD	
16	16	1.006391	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	461/QĐ-BXD	
17	17	1.004088	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	461/QĐ-BXD	
18	18	2.001711	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	461/QĐ-BXD	
19	19	1.004002	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	461/QĐ-BXD	
20	20	1.005040	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	461/QĐ-BXD	
21	21	2.001217	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	870/QĐ-BXD	

22	22	1.002372	Xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải	461/QĐ-BXD	
II		**Lĩnh vực Quy hoạch đô thị và nông thôn**			
23	1	1.014155	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	898/QĐ-BXD	
24	2	1.014159	Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	898/QĐ-BXD	
25	3	1.014157	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	898/QĐ-BXD	
26	4	1.014156	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	1218/QĐ-BXD	
27	5	1.014158	Thủ tục phê duyệt, chấp thuận quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	709/QĐ-BXD	
III		**Lĩnh vực Hoạt động xây dựng**			
28	1	1.013232	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	1077/QĐ-BXD	
29	2	1.013228	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo	1077/QĐ-BXD	

			giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ		
30	3	1.013227	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	1077/QĐ-BXD	
31	4	1.013229	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ:	1077/QĐ-BXD	
32	5	1.013226	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	1077/QĐ-BXD	
33	6	1.013225	Cấp giấy phép xây dựng mới, có thời hạn đối với công trình cấp III, cấp IV và công trình nhà ở riêng lẻ của hộ gia đình, cá nhân (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	1077/QĐ-BXD	

34	7	1.013239	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	1077/QĐ-BXD	
IV		**Lĩnh vực đường bộ**			
35	1	1.013061	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	2503/QĐ-BXD	
36	2	2.001921	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	1139/QĐ-BXD	
37	3	1.013274	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	1139/QĐ-BXD	
38	4	1.000314	Chấp thuận vị trí đấu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	1139/QĐ-BXD	
V		**Lĩnh vực Nhà ở và công sở**			
39	1	1.014632	Đăng ký mua, thuê mua, thuê nhà ở xã hội, vay vốn để hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	651/QĐ-BXD	
40	2	1.012888	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	903/QĐ-BXD	
VI		**Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật**			
41	1	1.002693	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	1813/QĐ-BXD	

42		6.006597	Thủ tục phê duyệt đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên do Nhà nước đầu tư, quản lý	721/QĐ-BXD	
43		6.006596	Thủ tục phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên do Nhà nước đầu tư, quản lý	721/QĐ-BXD	
44		6.006595	Thủ tục xử lý tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư, quản lý	721/QĐ-BXD	
45		6.006594	Thủ tục giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư, quản lý	721/QĐ-BXD	

Phụ lục 1.2

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

Nhóm các lĩnh vực thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Nội vụ

(Kèm theo Thông báo số 19/TB-UBND ngày 15/10/2026 của UBND xã Đại Phúc)

Stt		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
I		**Lĩnh vực Người có công**			
1	1	2.001396	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	320/QĐ-BNV	
2	2	2.002307	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	547/QĐ-LĐTBXH	
3	3	1.010777	Cấp đổi Bằng "Tổ quốc ghi công"	556/QĐ-BNV	
4	4	1.010783	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Nội vụ quản lý	556/QĐ-BNV	
5	5	1.010788	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	556/QĐ-BNV	
6	6	1.010772	Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công"	556/QĐ-BNV	
7	7	1.010778	Cấp lại Bằng "Tổ quốc ghi công"	556/QĐ-BNV	
8	8	1.010781	Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	556/QĐ-BNV	
9	9	1.010805	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	556/QĐ-BNV	
10	10	1.010810	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	556/QĐ-BNV	
11	11	1.010815	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng.	556/QĐ-BNV	
12	12	1.013744	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong	639/QĐ-BNV	

			thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng thuộc diện Trung ương quản lý		
13	13	1.013749	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng	639/QĐ-BNV	
14	14	1.001257	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	320/QĐ-BNV	
15	15	2.001157	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	320/QĐ-BNV	
16	16	2.002308	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	547/QĐ-LĐTBXH	
17	17	1.010802	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	556/QĐ-BNV	
18	18	1.010804	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt	556/QĐ-BNV	

			Nam anh hùng"		
19	19	1.010811	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	556/QĐ-BNV	
20	20	1.010818	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	556/QĐ-BNV	
21	21	1.010819	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	556/QĐ-BNV	
22	22	1.010820	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	556/QĐ-BNV	
23	23	1.010801	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	556/QĐ-BNV	
24	24	1.010803	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	556/QĐ-BNV	
25	25	1.010814	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	556/QĐ-BNV	
26	26	1.010816	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	556/QĐ-BNV	
27	27	1.010817	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	556/QĐ-BNV	

28	28	1.010821	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	320/QĐ-BNV	
29	29	1.010824	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	320/QĐ-BNV	
30	30	1.010825	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	320/QĐ-BNV	
31	31	1.010829	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	320/QĐ-BNV	
32	32	1.010833	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	320/QĐ-BNV	
33	33	1.010830	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	320/QĐ-BNV	
34	34	1.013750	Thăm viếng mộ liệt sĩ.	639/QĐ-BNV	
35	35	1.010774	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước	556/QĐ-BNV	
36	36	1.014359	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm	1136/QĐ-BNV	

			nhiệm vụ quốc tế		
37	37	1.004964	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a	547/QĐ-LĐTBXH	
38	38	1.010812	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	556/QĐ-BNV	
39	39	1.010775	Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" đối với người hy sinh thuộc các trường hợp quy định tại Điều 14 Pháp lệnh nhưng chưa được cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 01 tháng 01 năm 1995 đến ngày 30 tháng 9 năm 2006	556/QĐ-BNV	
40	40	2.002303	Lập danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý	516/QĐ-LĐTBXH	
II		**Lĩnh vực Quản lý Nhà nước về Hội, Quỹ**			
41	1	1.013710	Hỗ trợ chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	627/QĐ-BNV	
42	2	1.013709	Cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	627/QĐ-BNV	
43	3	1.013708	Hội tự giải thể	627/QĐ-BNV	
44	4	1.013707	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	627/QĐ-BNV	

46	5	1.013706	Thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	627/QĐ-BNV	
47	6	1.013704	Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	627/QĐ-BNV	
48	7	1.013703	Thành lập hội	627/QĐ-BNV	
49	8	1.013702	Công nhận ban vận động thành lập hội	627/QĐ-BNV	
50	9	1.014946	THỦ TỤC HỢP NHẤT, SÁP NHẬP, CHIA, TÁCH QUỸ (Cấp xã)	217/QĐ-BNV	
51	10	1.014943	THỦ TỤC CÔNG NHẬN QUỸ ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG VÀ CÔNG NHẬN HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ; CÔNG NHẬN HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ KHI THAY ĐỔI, BỔ SUNG THÀNH VIÊN HOẶC HẾT NHIỆM KỲ (Cấp xã)	217/QĐ-BNV	
52	11	1.014944	THỦ TỤC CÔNG NHẬN ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG) QUỸ; ĐỔI TÊN QUỸ (Cấp xã)	217/QĐ-BNV	
53	12	1.014945	THỦ TỤC CHO PHÉP QUỸ HOẠT ĐỘNG TRỞ LẠI SAU KHI BỊ ĐÌNH CHỈ CÓ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG (Cấp xã)	217/QĐ-BNV	
54	13	1.014942	THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ CÔNG NHẬN ĐIỀU LỆ QUỸ (Cấp xã)	217/QĐ-BNV	
55	14	1.014947	THỦ TỤC QUỸ TỰ GIẢI THỂ (Cấp xã)	217/QĐ-BNV	
III		**Lĩnh vực Quảng lý lao động ngoài nước**			
56	1	1.013734	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết .	641/QĐ-BNV	
IV		**Lĩnh vực Việc làm**			

57	1	2.002821	Hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động ở khu vực nông thôn, người lao động là thanh niên	1561/QĐ-BNV	
58	2	1.014318	THỦ TỤC TUYỂN CHỌN TỔNG CÔNG TRÌNH SƯ DỰ ÁN	997/QĐ-BNV	
V		**Lĩnh vực Công chức, viên chức**			
59	1	1.014.111	Thi tuyển công chức	958/QĐ-BNV	
60	2	1.014113	Xét tuyển công chức	958/QĐ-BNV	
VI		**Lĩnh vực Lao động**			
61	1	1.014.352	Thủ tục tuyển chọn chuyên gia	1091/QĐ-BNV	
VII		**Lao động, tiền lương**			
62	1	2.001955	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	321/QĐ-BNV	

Phụ lục 1.3

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

Nhóm các lĩnh vực thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Y tế

(Kèm theo Thông báo số 19/TB-UBND ngày 15/10/2026 của UBND xã Đại Phúc)

Stt		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
I		**Lĩnh vực Bảo trợ xã hội**			
1	1	1.116908	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	3033/QĐ-BYT	
2	2	1.116907	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	3033/QĐ-BYT	
3	3	1.116910	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	3033/QĐ-BYT	
4	4	1.116909	Thực hiện trợ cấp xã hội và nhận chăm sóc, nuôi dưỡng, hỗ trợ kinh phí nhận chăm sóc, nuôi dưỡng hằng tháng	3033/QĐ-BYT	
5	5	1.014027	Thực hiện trợ cấp hưu trí xã hội	3033/QĐ-BYT	
6	6	1.001653	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	3033/QĐ-BYT	
7	7	1.014028	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	3033/QĐ-BYT	
8	8	1.001699	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	970/QĐ-BYT	
II		**Lĩnh vực Trẻ em**			
9	1	1.004946	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	1095/QĐ-BYT	
10	2	1.004941	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	1095/QĐ-BYT	

11	3	2.001944	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	1095/QĐ-BYT	
12	4	2.001942	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	1095/QĐ-BYT	
13	5	2.001947	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	1095/QĐ-BYT	
14	6	1.004944	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	1095/QĐ-BYT	
15		1.115116	Đề nghị sử dụng kinh phí từ Quỹ Bảo trợ trẻ em cho người chưa thành niên là bị hại	1294/QĐ-BYT	
III		**Lĩnh vực An toàn thực phẩm**			
16	1	1.013855	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	2076/QĐ-BYT	
IV		**Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội**			
17	1	2.001661	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	2179/QĐ-BYT	
V		**Lĩnh vực Thi đua khen thưởng**			
18	1	1.012422	Đề nghị xét tặng Danh hiệu "Thầy thuốc Nhân dân", "Thầy thuốc Ưu tú"	2077/QĐ-BYT	
VI		**Bảo hiểm y tế**			
19	1	1.014193	Thủ tục khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế	2555/QĐ-BYT	

Phụ lục 1.4

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

Nhóm các lĩnh vực thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp Môi trường

(Kèm theo Thông báo số 19/TB-UBND ngày 15/10/2026 của UBND xã Đại Phúc)

Stt		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
I		**Lĩnh vực Đất đai**			
1	1	1.012.766	Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng	379/QĐ-BNNMT	
2	2	1.012756	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý.	379/QĐ-BNNMT	
3	3	1.012783	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	379/QĐ-BNNMT	
4	4	1.012793	Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp	379/QĐ-BNNMT	
5	5	1.012784	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.	379/QĐ-BNNMT	
6	6	1.012785	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	379/QĐ-BNNMT	
7	7	1.012786	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	379/QĐ-BNNMT	
8	8	1.012787	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản	379/QĐ-BNNMT	
9	9	1.012821	Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất	379/QĐ-BNNMT	

10	10	1.013833	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên	2304/QĐ-BNNMT	
11	11	1.013947	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp	2304/QĐ-BNNMT	
12	12	1.014.275	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.	3380/QĐ-BNNMT	
13	13	1.013.978	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	2304/QĐ-BNNMT	
14	14	1013965	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích.	2304/QĐ-BNNMT	
15	15	1.013967	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	2304/QĐ-BNNMT	
16	16	1.013962	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn,	2304/QĐ-BNNMT	

			vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở		
17	17	1.013950	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất.	2304/QĐ-BNNMT	
18	18	1.013949	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	2304/QĐ-BNNMT	
19	19	1.013953	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa	2304/QĐ-BNNMT	
20	20	1.013952	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư.	2304/QĐ-BNNMT	
21	21	1.012818	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	379/QĐ-BNNMT	

22	22	1.012817	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	379/QĐ-BNNMT	
23	23	1.012812	Hòa giải tranh chấp đất đai	379/QĐ-BNNMT	
24	24	1.012796	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	379/QĐ-BNNMT	
25	25	1.012753	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	379/QĐ-BNNMT	
26	26	1.014284	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển.	3380/QĐ-BNNMT	
27	27	1.013979	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	2304/QĐ-BNNMT	
II		**Lĩnh vực Thủy sản**			
28	1	1.004359	Cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản	379/QĐ-BNNMT	
29	2	1.004680	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	3331/QĐ-BNNMT	
30	3	1.004656	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	3331/QĐ-BNNMT	
31	4	1.004498	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	3331/QĐ-BNNMT	

32	5	1.014.801	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã)	339/QĐ-BNNMT	
33	6	1.004478	Công bố mở cảng cá loại III	1154/QĐ-BNN-TCTS	
34	7	1.003956	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	4866/QĐ-BNN-TCTS	
III		**Lĩnh vực Tài nguyên nước**			
35	1	1.011518	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước .	379/QĐ-BNNMT	
36	2	1.001662	Đăng ký khai thác nước dưới đất	379/QĐ-BNNMT	
IV		**Lĩnh vực Giảm nghèo**			
37	1	1.116215	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trong năm theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030	3121/QĐ-BNNMT	
38	2	1.116214	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ hằng năm theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030	3121/QĐ-BNNMT	
39	3	1.011609	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	967/QĐ-BNNMT	
40	4	1.011607	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	967/QĐ-BNNMT	
41	5	1.011608	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	967/QĐ-BNNMT	
42	6	1.011606	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	2306/QĐ-BNNMT	

43	7	3.000412	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	967/QĐ-BNNMT	
V		**Lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm**			
44	1	1.012922	Kiểm tra hiện trường rừng trồng bị thiệt hại	379/QĐ-BNNMT	
45	2	1.012531	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	1637/QĐ-BNNMT	
46	3	1.007919	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư	379/QĐ-BNNMT	
47	4	1.014832	Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	364/QĐ-BNNMT	
48	5	3.000502	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	2653/QĐ-BNNMT	
49	6	1.011471	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã	379/QĐ-BNNMT	
50	7	3.000250	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	379/QĐ-BNNMT	
VI		**Lĩnh vực Biển và Hải đảo**			
51	1	3.000439	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	2298/QĐ-BNNMT	

52	2	3.000443	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	2298/QĐ-BNNMT	
53	3	3.000441	Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	2298/QĐ-BNNMT	
54	4	3.000442	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	2298/QĐ-BNNMT	
VII		**Lĩnh vực Môi trường**			
55	1	1.010736	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường (cấp xã) (1.010736)	973/QĐ-BNNMT	
IX		**Lĩnh vực Kinh tế hạ tầng và Phát triển nông thôn**			
56	1	3.000611	Đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP	2742/QĐ-BNNMT	
57	2	1.003434	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	379/QĐ-BNNMT	
XI		**Lĩnh vực Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai**			
58	1	1.010091	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	1827/QĐ-BNNMT	
59	2	1.010092	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	1827/QĐ-BNNMT	
XII		**Lĩnh vực Chăn nuôi**			
60	1	1.012837	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	2303/QĐ-BNNMT	

61	2	1.012836	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liều tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	2303/QĐ-BNNMT	
XIII		**Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật**			
62	1	1.014776	Cấp, cấp lại mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói	3072/QĐ-BNNMT	
63	2	1.008004	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	3085/QĐ-BNN-TT	
XIV		**Lĩnh vực Kiểm lâm**			
64	1	1.012694	Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	379/QĐ-BNNMT	
XV		**Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản**			
65	1	2.001827	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	1908/QĐ-BNNMT	
XVI		**Lĩnh vực thủy lợi**			
66	1	1.014864	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	1750/QĐ-BNNMT	
67	2	1.014863	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch	1750/QĐ-BNNMT	

			UBND cấp xã		
68	3	1.014859	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	1750/QĐ-BNNMT	
69	4	1.014860	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	1750/QĐ-BNNMT	
70	5	1.014852	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	1750/QĐ-BNNMT	
71	6	1.014853	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	1750/QĐ-BNNMT	
72	7	1.014851	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	1750/QĐ-BNNMT	
73	8	1.014850	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	1750/QĐ-BNNMT	
74	9	1.014848	Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	1750/QĐ-BNNMT	

75	10	2.001627	Thẩm định quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt	1750/QĐ-BNNMT	
76	11	2.001621	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	1750/QĐ-BNNMT	
77	12	1.003471	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	1750/QĐ-BNNMT	
78	13	1.003446	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	1750/QĐ-BNNMT	
79	14	1.003440	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	1750/QĐ-BNNMT	
80	15	1.003347	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	1750/QĐ-BNNMT	
81	16	1.014862	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	1750/QĐ-BNNMT	
82	17	1.014849	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	1750/QĐ-BNNMT	

XVII		**Lĩnh vựcThú y**			
83	1	1.013997	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	2313/QĐ-BNNMT	

Phụ lục 1.5

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

Nhóm các lĩnh vực thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Tư pháp

(Kèm theo Thông báo số 19/TB-UBND ngày 15/10/2026 của UBND xã Đại Phúc)

Stt		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
I		**Lĩnh vực chứng thực**			
1	1	2.000942	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính giao dịch đã được chứng thực	858/QĐ-BTP	
2	2	2.000992	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng	858/QĐ-BTP	
3	3	2.000884	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	858/QĐ-BTP	
4	4	2.000908	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	858/QĐ-BTP	
5	5	2.000913	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ giao dịch	858/QĐ-BTP	
6	6	2.000927	Sửa lỗi sai sót trong giao dịch	858/QĐ-BTP	
7	7	2.001016	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	858/QĐ-BTP	
8	8	2.001019	Chứng thực di chúc	858/QĐ-BTP	
9	9	2.001035	Chứng thực giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	858/QĐ-BTP	

10	10	2.001406	Chứng thực văn bản phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	858/QĐ-BTP	
11	11	2.000815	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	858/QĐ-BTP	
12	12	2.001008	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng	858/QĐ-BTP	
II		**Lĩnh vực Hòa giải Cơ sở**			
13	1	2.000930	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	QĐ2338-BTP	
14	2	2.000950	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	QĐ2338-BTP	
15	3	1.002211	Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)	QĐ2338-BTP	
16	4	2.000424	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	QĐ2338-BTP	
17	5	2.002080	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	QĐ2338-BTP	
III		**Lĩnh vực Đăng ký biện pháp bảo đảm**			
18	1	1.011441	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	570/QĐ-BTP	

IV		**Lĩnh vực Hộ tịch**			
19	1	1.004873	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	QĐ/0001-BTP	
20	2	1.004845	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	QĐ/0001-BTP	
21	3	1.004884	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	QĐ/0001-BTP	
22	4	1.004827	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QĐ/0001-BTP	
23	5	1.004772	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QĐ/0001-BTP	
24	6	2.002189	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QĐ/0001-BTP	
25	7	1.004746	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	QĐ/0001-BTP	
26	8	1.003583	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	QĐ/0001-BTP	
27	9	2.002516	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	163/QĐ-BTP	
28	10	2.000806	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	QĐ/0001-BTP	
29	11	1.001766	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	QĐ/0001-BTP	
30	12	2.000779	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QĐ/0001-BTP	
31	13	1.001695	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QĐ/0001-BTP	
32	14	1.001669	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	QĐ/0001-BTP	

33	15	2.000756	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	QĐ/0001-BTP	
34	16	2.000748	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	QĐ/0001-BTP	
35	17	2.000554	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QĐ/0001-BTP	
36	18	2.000547	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	QĐ/0001-BTP	
37	19	2.000528	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	QĐ/0001-BTP	
38	20	2.000522	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	QĐ/0001-BTP	
39	21	2.000513	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	QĐ/0001-BTP	
40	22	2.000497	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	QĐ/0001-BTP	
41	23	1.000893	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QĐ/0001-BTP	
42	24	1.000689	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	QĐ/0001-BTP	
43	25	1.000593	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	QĐ/0001-BTP	
44	26	1.000419	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	QĐ/0001-BTP	
45	27	1.000110	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QĐ/0001-BTP	

46	28	1.000094	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QĐ/0001-BTP	
47	29	1.000080	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QĐ/0001-BTP	
48	30	3.000322	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	163/QĐ-BTP	
49	31	3.000323	Đăng ký giám sát việc giám hộ	163/QĐ-BTP	
50	32	1.005461	Đăng ký lại khai tử	QĐ/0001-BTP	
51	33	1.000656	Thủ tục đăng ký khai tử	QĐ/0001-BTP	
52	34	1.004837	Thủ tục đăng ký giám hộ	QĐ/0001-BTP	
53	35	2.000635	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	QĐ/0001-BTP	
54	36	1.004859	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	QĐ/0001-BTP	
55	37	1.000894	Thủ tục đăng ký kết hôn	QĐ/0001-BTP	
56	38	1.001193	Thủ tục đăng ký khai sinh	QĐ/0001-BTP	
57	39	1.001022	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	QĐ/0001-BTP	
58	40	2.001023	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	1868/QĐ-BTP	
59	41	2.000986	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	1868/QĐ-BTP	
IV		**Lĩnh vực Nuôi con nuôi**			
60	1	2.002363	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	1848/QĐ-BTP	

61	2	2.002349	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	1848/QĐ-BTP	
62	3	2.001263	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	1848/QĐ-BTP	
63	4	2.001255	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	1848/QĐ-BTP	
V		**Lĩnh vực Bồi thường Nhà nước**			
64	1	2.002165	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	1539/QĐ-BTP	

Phụ lục 1.6

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

Nhóm các lĩnh vực thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch

(Kèm theo Thông báo số 19/TB-UBND ngày 15/10/2026 của UBND xã Đại Phúc)

Stt		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
I		**Lĩnh vực Văn hóa**			
1	1	1.013791	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	2069/QĐ-BVHTTDL	
2	2	1.003622	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	3684/QĐ-BVHTTDL	
II		**Lĩnh vực Di sản văn hóa**			
3	1	1.014310	Thủ tục hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	3101/QĐ-BVHTTDL	
4	2	1.014312	Thủ tục thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	3101/QĐ-BVHTTDL	
III		**Lĩnh vực Gia đình**			
5	1	1.012084	Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân	3657/QĐ-BVHTTDL	
6	2	1.012085	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	3657/QĐ-BVHTTDL	
IV		**Lĩnh vực Thể dục thể thao**			
7	1	2.000794	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở	109/QĐ-BVHTTDL	
V		**Lĩnh vực Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử**			
8	1	1.013794	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	2069/QĐ-BVHTTDL	

9	2	1.013793	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	2069/QĐ-BVHTTDL	
10	3	1.013792	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	4508/QĐ-BVHTTDL	
VI		**Lĩnh vực Xuất Bản, In và Phát hành**			
11	1	3.000576	Thủ tục khai báo hoạt động phát hành xuất bản phẩm	1198/QĐ-BVHTTDL	
12	2	3.000569	Thủ tục xác nhận đăng ký hoạt động in (cấp xã)	1198/QĐ-BVHTTDL	
13	3	3.000570	Thủ tục xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in (cấp xã)	1198/QĐ-BVHTTDL	

Phụ lục 1.7

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

Nhóm các lĩnh vực thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Tài chính

(Kèm theo Thông báo số 19/TB-UBND ngày 15/10/2026 của UBND xã Đại Phúc)

Stt		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
I		**Lĩnh vựcThành lập và hoạt động của Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã**			
1	1	1.004982	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1998/QĐ-BTC	
2	2	1.005378	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1998/QĐ-BTC	
3	3	2.001958	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1998/QĐ-BTC	
4	4	1.004901	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1998/QĐ-BTC	
5	5	1.005277	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập; Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực	1998/QĐ-BTC	
6	6	1.005280	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	1998/QĐ-BTC	
7	7	2.002649	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1998/QĐ-BTC	
8	8	2.002642	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	1998/QĐ-BTC	

9	9	2.002639	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	1998/QĐ-BTC	
10	10	2.002637	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	1998/QĐ-BTC	
11	11	2.002636	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo.	1998/QĐ-BTC	
12	12	2.002635	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.	1998/QĐ-BTC	
13	13	2.002638	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác/ Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/ Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	1998/QĐ-BTC	
14	14	2.002123	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh; Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1998/QĐ-BTC	
15	15	2.002648	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1998/QĐ-BTC	
16	16	2.002643	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1998/QĐ-BTC	

17	17	2.002641	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	1998/QĐ-BTC	
18	18	1.004979	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực	1998/QĐ-BTC	
19	19	1.005010	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1998/QĐ-BTC	
II		**Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của Tổ hợp tác không đăng ký**			
20	1	2.002228	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác không đăng ký	1994/QĐ-BTC	
21	2	2.002226	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác không đăng ký	1994/QĐ-BTC	
III		**Lĩnh vực Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (Hộ kinh doanh)**			
22	1	1.001612	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	1995/QĐ-BTC	
23	2	2.000575	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	1995/QĐ-BTC	
24	3	2.000720	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	1995/QĐ-BTC	
25	4	1.001570	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký của hộ kinh doanh	1995/QĐ-BTC	

26	5	1.001266	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	1995/QĐ-BTC	
27	6	1.014035	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh	1995/QĐ-BTC	
28	7	1.014034	Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh	1995/QĐ-BTC	
IV		**Lĩnh vực Tài sản kết cấu Hạ tầng chợ do Nhà nước đàu tư, quản lý**			
29	1	1.012568	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	1825/QĐ-BCT	
30	2	1.012569	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	1825/QĐ-BCT	
V		**Lĩnh vực Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách Nhà nước**			
31	1	1.013040	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	2869/QĐ-BTC	
VI		**Lĩnh vực Hải quan**			
32	1	1.006468	Thủ tục hải quan đối với hàng hoá kinh doanh tạm nhập-tái xuất	2770/QĐ-BTC	
VII		**Lĩnh vực Hỗ trợ tổ hợp tác, Hợp tác xã, liên hiệp Hợp tác xã**			
33	1	2.002668	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2103/QĐ-BTC	
VIII		**Lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản**			
34	1	1.116679	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	2329/QĐ-BCT	

35	2	1.116678	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	2329/QĐ-BCT	
IX		**Lĩnh vực Tài chính đất đai**			
36	1	1.115148	Thủ tục tính hoặc tính lại tiền sử dụng đất theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 12 Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ	1037/QĐ-BTC	

Phụ lục 1.8

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

Nhóm các lĩnh vực thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục

(Kèm theo Thông báo số 19/TB-UBND ngày 15/10/2026 của UBND xã Đại Phúc)

Stt		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
I		**Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp**			
1	1	2.002284	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	683/QĐ-BGDĐT	
2	2	2.001960	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	683/QĐ-BGDĐT	
II		**Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân**			
3	1	1.014997	Xét, cấp học bổng chính sách đối với học viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục dành cho thương binh, người khuyết tật	1823/QĐ-BGDĐT	
4	2	1.014335	Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thuộc tổ chức kinh tế, doanh nghiệp nhà nước	2624/QĐ-BGDĐT	
5	3	1.014337	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục; trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục, cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục; cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu	2624/QĐ-BGDĐT	

6	4	1.008725	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	843/QĐ-BGDĐT	
7	5	1.001714	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	2108/QĐ-BGDĐT	
8	6	2.002770	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	951/QĐ-BGDĐT	
9	7	1.008950	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	985/QĐ-BGDĐT	
10	8	1.014336	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông	2624/QĐ-BGDĐT	
11	9	1.001622	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	985/QĐ-BGDĐT	
12	10	1.008951	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	2108/QĐ-BGDĐT	
13	11	2.002771	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí	951/QĐ-BGDĐT	
14	12	1.003702	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	2108/QĐ-BGDĐT	

III		**Lĩnh vực Thi, tuyển sinh**			
15	1	1.005090	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	2108/QĐ-BGDĐT	
IV		**Lĩnh vực Giáo dục Trung học**			
16	1	3.000182	Tuyển sinh trung học cơ sở	2108/QĐ-BGDĐT	
V		**Lĩnh vực Giáo dục Mầm non**			
17	1	1.116841	Giải thể nhóm lớp mầm non độc lập dân lập, tư thục (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập nhóm lớp)	2855/QĐ-BGDĐT	
18	2	1.116840	Sáp nhập, chia, tách nhóm lớp mầm non độc lập dân lập, tư thục	2855/QĐ-BGDĐT	
19	3	1.116839	Cho phép thành lập nhóm, lớp mầm non độc lập dân lập, tư thục	2855/QĐ-BGDĐT	
20	4	1.116838	Giải thể trường mầm non (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	2855/QĐ-BGDĐT	
21	5	1.116837	Sáp nhập, chia, tách trường mầm non	2855/QĐ-BGDĐT	
22	6	1.116836	Cấp phép hoạt động giáo dục đối với trường mầm non	2855/QĐ-BGDĐT	
23	7	1.116835	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài đề nghị thành lập sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	843/QĐ-BGDĐT	
24	8	1.014996	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài đề nghị thành lập sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	843/QĐ-BGDĐT	
VI		**Lĩnh vực Cơ sở giáo dục khác**			

25	1	1.116846	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, cấp trung học cơ sở	2855/QĐ-BGDĐT	
26	2	1.116823	Sáp nhập, chia, tách lớp dành cho người khuyết tật tư thục ngoài cơ sở giáo dục	2855/QĐ-BGDĐT	
27	3	1.116822	Giải thể lớp độc lập tư thục (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập lớp)	2855/QĐ-BGDĐT	
28	4	1.116821	Sáp nhập, chia, tách lớp độc lập tư thục	2855/QĐ-BGDĐT	
29	5	1.116820	Cho phép thành lập lớp độc lập tư thục	2855/QĐ-BGDĐT	
30	6	1.116819	Giải thể lớp dành cho người khuyết tật tư thục ngoài cơ sở giáo dục (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập)	2855/QĐ-BGDĐT	
31	7	1.116818	Cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật tư thục ngoài cơ sở giáo dục	2855/QĐ-BGDĐT	

Phụ lục 1.9

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

Nhóm các lĩnh vực thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Dân tộc và Tôn giáo

(Kèm theo Thông báo số 19/TB-UBND ngày 15/10/2026 của UBND xã Đại Phúc)

Stt		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
I		**Lĩnh vực Tín ngưỡng, tôn giáo**			
1	1	1.012584	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG TRONG ĐỊA BÀN MỘT XÃ (CẤP XÃ)	363/QĐ-BDTTG	
2	2	1.012585	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA NHÓM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	363/QĐ-BDTTG	
3	3	1.012592	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	363/QĐ-BDTTG	
4	4	1.013798	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ GIẢNG ĐẠO NGOÀI ĐỊA BÀN PHỤ TRÁCH, CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC TRONG MỘT XÃ	364/QĐ-BDTTG	
5	5	1.013797	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC CUỘC LỄ NGOÀI CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC Ở MỘT XÃ	364/QĐ-BDTTG	
6	6	1.012591	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ BỔ SUNG HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	134/QĐ-BDTTG	
7	7	1.012590	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	134/QĐ-BDTTG	

8	8	1.013796	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO, TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC, TỔ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT XÃ	364/QĐ-BDTTG	
9	9	1.012582	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG ĐẾN ĐỊA BÀN XÃ KHÁC (CẤP XÃ)	363/QĐ-BDTTG	
II		**Lĩnh vực Công tác dân tộc**			
10	1	1.012222	Công nhận người có uy tín	364/QĐ-BDTTG	
11	2	1.012223	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	364/QĐ-BDTTG	

Phụ lục 1.10

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

Nhóm các lĩnh vực thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Công thương

(Kèm theo Thông báo số 19/TB-UBND ngày 15/10/2026 của UBND xã Đại Phúc)

Stt		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
I		**Lĩnh vực Điện lực**			
1	1	1.115377	Thông báo phát triển nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ đấu nối với hệ thống điện quốc gia tại cấp điện áp hạ áp	1537/QĐ-BCT	
II		**Lĩnh vực An toàn thực phẩm**			
2	1	2.000591	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	926/QĐ-BCT	
III		**Lĩnh vực An toàn đập, hồ chứa thủy điện**			
3	1	2.000206	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	01/QĐ-BCT	
IV		**Lĩnh vực Cụm công nghiệp**			
4	1	1.012427	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp	1040/QĐ-BCT	
V		**Lĩnh vực Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng**			
5	1	2.002620	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	1372/QĐ-BCT	
VI		**Lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản**			

6	1	1.116679	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	2329/QĐ-BCT	
7	2	1.116678	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	2329/QĐ-BCT	

Phụ lục 1.11

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
ĐẶC THÙ DO UBND TỈNH THÁI NGUYÊN BAN HÀNH

(Kèm theo Thông báo số 19/TB-UBND ngày 15/10/2026 của UBND xã Đại Phúc)

STT		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
I		**Lĩnh vực Đất đai**			
1	1	1.116095	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	2198/QĐ-UBND	
2	2	1.116.096	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp có sai sót	2198/QĐ-UBND	
3	3	1.116097	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	2198/QĐ-UBND	
4	4	1.116098	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	2198/QĐ-UBND	
5	5	1.116099	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng	2198/QĐ-UBND	
6	6	1.116100	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	2198/QĐ-UBND	
7	7	1.116101	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	2198/QĐ-UBND	
8	8	1.116102	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử	2198/QĐ-UBND	

			dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa		
9	9	1.116103	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở	2198/QĐ-UBND	
10	10	1.116104	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài và cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 12 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP)	2198/QĐ-UBND	

11	11	1.116105	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	2198/QĐ-UBND	
12	12	1.116106	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích	2198/QĐ-UBND	
13	13	1.116107	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	2198/QĐ-UBND	
14	14	1.116108	Hòa giải tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền cấp xã	2198/QĐ-UBND	
15	15	1.116109	Trình tự, thủ tục gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư	2198/QĐ-UBND	
16	16	1.116110	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp (Trường hợp thửa đất gốc đã có Giấy chứng nhận, phần diện tích đất tăng thêm chưa được cấp Giấy chứng nhận)	2198/QĐ-UBND	
17	17	1.116111	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	2198/QĐ-UBND	
18	18	1.116112	Xác định diện tích đất ở đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 20 Nghị định 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ	2198/QĐ-UBND	

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH
(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày /10/2026 của UBND xã Đại Phúc)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Số quyết định	Lĩnh vực
1	3.000242	Cấp văn bản cho phép sử dụng thẻ ABTC tại địa phương	4246/QĐ-BCA-QLXNC	Quản lý xuất nhập cảnh
2	1.000168	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	01/QĐ-BCT	Thương mại quốc tế
3	1.000172	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá	1040/QĐ-BCT	Công nghiệp tiêu dùng
4	1.000264	Đăng ký xác nhận Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan xuất khâu mật ong tự nhiên sang Nhật Bản	01/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
5	1.000350	Cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	1040/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
6	1.000358	Gia hạn Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	01/QĐ-BCT	Thương mại quốc tế
7	1.000398	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu ICO (cho hàng cà phê xuất khẩu)	1213/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
8	1.000366	Cấp Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN	1213/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
9	1.000363	Cấp phép nhập khẩu tự động thuốc lá điếu, xì gà	01/QĐ-BCT	Công nghiệp tiêu dùng
10	1.000431	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VK	01/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
11	1.000376	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	1040/QĐ-BCT	Thương mại quốc tế
12	1.000361	Cấp lại Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	01/QĐ-BCT	Thương mại quốc tế
13	1.000382	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu EAV	01/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
14	1.000400	Cấp chứng thư xuất khẩu cho hàng dệt may xuất khẩu sang Mêhico	01/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
15	1.000432	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AJ	01/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
16	1.000430	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu DA59 (cho hàng hóa xuất khẩu đi Châu Phi)	1213/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu

17	1.000421	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép quá cảnh hàng hóa	2040/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
18	1.000450	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) không ưu đãi mẫu B	1213/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
19	1.000477	Thủ tục cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định pháp luật	2040/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
20	1.000490	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu A	1213/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
21	1.000664	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VC	1213/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
22	1.000603	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AK	01/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
23	1.000774	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	1040/QĐ-BCT	Thương mại quốc tế
24	1.000695	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu E	1213/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
25	1.000665	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu D	01/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
26	1.000686	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VJ	01/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
27	1.000676	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu S	1213/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
28	1.000694	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AANZ	01/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
29	1.000890	Thủ tục Cấp Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu	2040/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
30	1.000911	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	01/QĐ-BCT	Công nghiệp tiêu dùng
31	1.000948	Cấp lại Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	01/QĐ-BCT	Công nghiệp tiêu dùng
32	1.000905	Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập	2040/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
33	1.000949	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu	1040/QĐ-BCT	Công nghiệp tiêu dùng
34	1.000965	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ	01/QĐ-BCT	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ
35	1.000957	Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác	2040/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
36	1.000981	Cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	1040/QĐ-BCT	Công nghiệp tiêu dùng
37	1.000998	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ	01/QĐ-BCT	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ
38	1.001062	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất	2040/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu

39	1.001104	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	01/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
40	1.001158	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa	01/QĐ-BCT	Công nghiệp hỗ trợ
41	1.001238	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	2040/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
42	1.001274	Cấp Giấy chứng nhận hàng hóa không thay đổi xuất xứ (CNM)	1213/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
43	1.001335	Chấp thuận Nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước	1040/QĐ-BCT	Công nghiệp tiêu dùng
44	1.001382	Cấp Giấy phép quá cảnh đối với hàng hóa của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	1213/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
45	1.001383	Cấp lại Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O)	1213/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
46	1.001441	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	1040/QĐ-BCT	Thương mại quốc tế
47	1.002960	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Venezuela	1213/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
48	1.002939	Thủ tục đăng ký kinh doanh tại khu (điểm) chợ biên giới	01/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
49	1.003401	Thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	01/QĐ-BCT	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ
50	1.003400	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Thổ Nhĩ Kỳ	1213/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
51	1.003522	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) giáp lưng	1213/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
52	1.003683	Thẩm định, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất	1213/QĐ-BCT	Hóa chất
53	1.003477	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Peru	1213/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
54	1.003698	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp	1213/QĐ-BCT	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ
55	1.003860	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	01/QĐ-BCT	An toàn thực phẩm
56	1.003929	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	04/QĐ-BCT	An toàn thực phẩm
57	1.003951	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	04/QĐ-BCT	An toàn thực phẩm

58	1.003705	Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp	1298/QĐ-BCT	Quản lý bán hàng đa cấp
59	1.005190	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại	01/QĐ-BCT	Giám định thương mại
60	1.004191	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy phép: kinh doanh tạm nhập, tái xuất; tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác; tạm xuất, tái nhập; kinh doanh chuyển khẩu	2040/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
61	1.005405	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	1040/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
62	1.005406	Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	1040/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
63	1.008667	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu EUR.1	1648/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
64	1.007968	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu AHK	1213/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
65	1.010696	Cấp Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ	2729/QĐ-BCT	Lưu thông hàng hóa trong nước
66	1.008361	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VN-CU	1213/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
67	1.010762	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu RCEP	220/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
68	1.008882	Cấp sửa đổi, bổ sung Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN	1213/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
69	1.010056	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu EUR.1 trong UKVFTA	937/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
70	1.012427	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp	1040/QĐ-BCT	Cụm Công nghiệp
71	1.012471	Xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ tại Hội đồng cấp tỉnh	1200/QĐ-BCT	Nghề thủ công mỹ nghệ
72	1.012567	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp tỉnh quản lý	1825/QĐ-BCT	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý
73	1.013005	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia	1537/QĐ-BCT	Điện lực
74	1.013004	Cấp giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia	1537/QĐ-BCT	Điện lực

75	1.013049	Đăng ký mới để nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp	1213/QĐ-BCT	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ
76	1.013050	Đăng ký bổ sung để nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp	1213/QĐ-BCT	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ
77	1.013340	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8	1213/QĐ-BCT	Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm
78	1.013351	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8	1213/QĐ-BCT	Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm
79	1.013058	Cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	3225/QĐ-BCT	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ
80	1.013350	Cấp điều chỉnh Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8	1213/QĐ-BCT	Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm
81	1.013401	Cấp giấy phép hoạt động phát điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1040/QĐ-BCT	Điện
82	1.013395	Điều chỉnh danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp	609/QĐ-BCT	Điện lực
83	1.013398	Điều chỉnh phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	628 /QĐ-BCT	An toàn đập, hồ chứa thuỷ điện
84	1.013399	Thẩm định, phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1752/QĐ-BCT	An toàn đập, hồ chứa thuỷ điện
85	1.013400	Điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1752/QĐ-BCT	An toàn đập, hồ chứa thuỷ điện
86	1.013394	Phê duyệt danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp	609/QĐ-BCT	Điện lực
87	1.013417	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)	1040/QĐ-BCT	Điện
88	1.013411	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1040/QĐ-BCT	Điện
89	1.013412	Cấp giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1040/QĐ-BCT	Điện
90	1.013416	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1040/QĐ-BCT	Điện
91	1.013418	Cấp gia hạn giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1040/QĐ-BCT	Điện

92	1.013652	Thủ tục hành chính cấp tỉnh: Phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1213/QĐ-BCT	Khoáng sản
93	1.013421	Thu hồi giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	623/QĐ-BCT	Điện
94	1.013420	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng	1040/QĐ-BCT	Điện
95	1.013643	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu BR9	1213/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
96	1.013419	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1040/QĐ-BCT	Điện
97	1.013642	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu GSTP	1213/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
98	1.013778	Thủ tục gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh	2040/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
99	1.013987	Chấp thuận các tài liệu quản lý an toàn đối với các công trình dầu khí thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	555/QĐ-BCT	Dầu khí
100	1.014126	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	1213/QĐ-BCT	Khoáng sản
101	1.014127	Thu hồi giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	1213/QĐ-BCT	Khoáng sản
102	1.014119	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu VI	1213/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
103	1.014125	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	1213/QĐ-BCT	Khoáng sản
104	1.014571	Cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa trong Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam	3697/QĐ-BCT	Sở giao dịch hàng hóa
105	1.014572	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa trong Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam	3697/QĐ-BCT	Sở giao dịch hàng hóa
106	1.014700	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1	1213/QĐ-BCT	Hóa chất
107	1.014701	cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1	1213/QĐ-BCT	Hóa chất
108	1.014702	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1	1213/QĐ-BCT	Hóa chất

109	1.014703	cấp gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1	1213/QĐ-BCT	Hóa chất
110	1.014707	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm	1213/QĐ-BCT	Hóa chất
111	1.014720	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện	1213/QĐ-BCT	Hóa chất
112	1.014713	cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc Bộ Công Thương quản lý (phân cấp về cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	1213/QĐ-BCT	Hóa chất
113	1.014711	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc Bộ Công Thương quản lý (Phân cấp về cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	1213/QĐ-BCT	Hóa chất
114	1.014710	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện	1213/QĐ-BCT	Hóa chất
115	1.014709	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm	1213/QĐ-BCT	Hóa chất
116	1.014708	Thủ tục cấp lại Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm	1213/QĐ-BCT	Hóa chất
117	1.014712	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc Bộ Công Thương quản lý (Phân cấp về cho Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh)	1213/QĐ-BCT	Hóa chất
118	1.014714	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất có điều kiện	1213/QĐ-BCT	Hóa chất
119	1.014729	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	87/QĐ-BCT	Hóa chất
120	1.014726	Thủ tục cấp điều chỉnh Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1213/QĐ-BCT	Hóa chất
121	1.014721	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất có điều kiện	1213/QĐ-BCT	Hóa chất
122	1.014723	Thủ tục cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc UBND cấp tỉnh	1213/QĐ-BCT	Hóa chất
123	1.014724	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1213/QĐ-BCT	Hóa chất
124	1.014727	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc UBND cấp tỉnh	1213/QĐ-BCT	Hóa chất

125	1.014722	Cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1213/QĐ-BCT	Hóa chất
126	1.014730	Thủ tục cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	87/QĐ-BCT	Hóa chất
127	1.014725	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc UBND cấp tỉnh	1213/QĐ-BCT	Hóa chất
128	1.014728	Thủ tục cấp Giấy phép sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	1213/QĐ-BCT	Hóa chất
129	1.014818	Cấp điều chỉnh Giấy xác nhận ưu đãi thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	179/QĐ-BCT	Công nghiệp hỗ trợ
130	1.014820	Cấp lại Giấy xác nhận ưu đãi thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	179/QĐ-BCT	Công nghiệp hỗ trợ
131	1.014735	Thủ tục cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	1213/QĐ-BCT	Hóa chất
132	1.014733	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	1213/QĐ-BCT	Hóa chất
133	2.000002	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	1507/QĐ-BCT	Xúc tiến thương mại
134	1.014731	Thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	87/QĐ-BCT	Hóa chất
135	2.000001	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam.	1507/QĐ-BCT	Xúc tiến thương mại
136	1.014732	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	1213/QĐ-BCT	Hóa chất
137	2.000004	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	1507/QĐ-BCT	Xúc tiến thương mại
138	1.014734	Thủ tục cấp lại Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất kiểm soát đặc biệt nhóm 2	1213/QĐ-BCT	Hóa chất
139	2.000026	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại nước ngoài	1507/QĐ-BCT	Xúc tiến thương mại
140	2.000046	Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy các sản phẩm, hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia	01/QĐ-BCT	Chất lượng sản phẩm hàng hóa
141	2.000033	Thông báo hoạt động khuyến mại	1507/QĐ-BCT	Xúc tiến thương mại

142	2.000063	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	1040/QĐ-BCT	Thương mại quốc tế
143	2.000117	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	01/QĐ-BCT	An toàn thực phẩm
144	2.000131	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại Việt Nam.	1507/QĐ-BCT	Xúc tiến thương mại
145	2.000133	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài.	1507/QĐ-BCT	Xúc tiến thương mại
146	2.000140	Cấp chứng chỉ kiểm định viên	01/QĐ-BCT	An toàn vệ sinh lao động
147	2.000129	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	1040/QĐ-BCT	Thương mại quốc tế
148	2.000066	Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên	01/QĐ-BCT	An toàn vệ sinh lao động
149	2.000110	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	01/QĐ-BCT	Giám định thương mại
150	2.000115	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	01/QĐ-BCT	An toàn thực phẩm
151	2.000172	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	01/QĐ-BCT	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ
152	2.000191	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	01/QĐ-BCT	bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng
153	2.000221	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	01/QĐ-BCT	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ
154	2.000209	Nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại	01/QĐ-BCT	Công nghiệp tiêu dùng
155	2.000210	Cấp lại chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp	01/QĐ-BCT	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ
156	2.000229	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp	01/QĐ-BCT	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ
157	2.000255	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa trừ các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn; gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí)	1040/QĐ-BCT	Thương mại quốc tế
158	2.000272	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP	1040/QĐ-BCT	Thương mại quốc tế
159	2.000260	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu X	1213/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu

160	2.000322	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	1040/QĐ-BCT	Thương mại quốc tế
161	2.000314	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp của Cơ quan cấp Giấy phép	01/QĐ-BCT	Thương mại quốc tế
162	2.000334	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện dích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m2	01/QĐ-BCT	Thương mại quốc tế
163	2.000309	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	1298/QĐ-BCT	Quản lý bán hàng đa cấp
164	2.000330	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	1040/QĐ-BCT	Thương mại quốc tế
165	2.000327	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	01/QĐ-BCT	Thương mại quốc tế
166	2.000303	Xuất nhập khẩu Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AI	01/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
167	2.000324	Kiểm tra kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương	1298/QĐ-BCT	Quản lý bán hàng đa cấp
168	2.000339	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	01/QĐ-BCT	Thương mại quốc tế
169	2.000340	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	01/QĐ-BCT	Thương mại quốc tế
170	2.000347	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	1040/QĐ-BCT	Thương mại quốc tế
171	2.000351	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP	1040/QĐ-BCT	Thương mại quốc tế
172	2.000362	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	1040/QĐ-BCT	Thương mại quốc tế

173	2.000361	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	1040/QĐ-BCT	Thương mại quốc tế
174	2.000370	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn	1040/QĐ-BCT	Thương mại quốc tế
175	2.000450	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	01/QĐ-BCT	Thương mại quốc tế
176	2.000535	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	926/QĐ-BCT	An toàn thực phẩm
177	2.000609	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp	1298/QĐ-BCT	Quản lý bán hàng đa cấp
178	2.000591	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	926/QĐ-BCT	An toàn thực phẩm
179	2.000631	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	1298/QĐ-BCT	Quản lý bán hàng đa cấp
180	2.000645	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	1040/QĐ-BCT	Lưu thông hàng hóa trong nước
181	2.000665	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	01/QĐ-BCT	Thương mại quốc tế
182	2.000664	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	01/QĐ-BCT	Lưu thông hàng hóa trong nước
183	2.000647	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	1040/QĐ-BCT	Lưu thông hàng hóa trong nước
184	2.000662	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	1040/QĐ-BCT	Thương mại quốc tế
185	2.000648	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	1040/QĐ-BCT	Lưu thông hàng hóa trong nước
186	2.000669	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	1040/QĐ-BCT	Lưu thông hàng hóa trong nước
187	2.000666	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	01/QĐ-BCT	Lưu thông hàng hóa trong nước
188	2.000672	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	1040/QĐ-BCT	Lưu thông hàng hóa trong nước
189	2.000673	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	1040/QĐ-BCT	Lưu thông hàng hóa trong nước
190	2.001272	Đăng ký thương nhân hoạt động thương mại biên giới Việt Nam - Lào	01/QĐ-BCT	Thương mại biên giới và miền núi

191	2.001292	Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	01/QĐ-BCT	An toàn đập, hồ chứa thuỷ điện
192	2.001300	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	01/QĐ-BCT	An toàn đập, hồ chứa thuỷ điện
193	2.001282	Thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc diện áp dụng biện pháp tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu	2040/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
194	2.001474	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	1507/QĐ-BCT	Xúc tiến thương mại
195	2.001433	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	01/QĐ-BCT	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ
196	2.001315	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu quân phục để làm mẫu phục vụ hoạt động gia công	2040/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
197	2.001384	Phê duyệt phương án cắm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện	01/QĐ-BCT	An toàn đập, hồ chứa thuỷ điện
198	2.001322	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	01/QĐ-BCT	An toàn đập, hồ chứa thuỷ điện
199	2.001434	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	01/QĐ-BCT	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ
200	2.001313	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	01/QĐ-BCT	An toàn đập, hồ chứa thuỷ điện
201	2.001372	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu CPTPP	01/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
202	2.001595	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	01/QĐ-BCT	An toàn thực phẩm
203	2.001573	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp	1298/QĐ-BCT	Quản lý bán hàng đa cấp
204	2.001575	Cấp Giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp	1213/QĐ-BCT	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ
205	2.001682	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	04/QĐ-BCT	An toàn thực phẩm
206	2.001660	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	01/QĐ-BCT	An toàn thực phẩm
207	2.002606	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	1507/QĐ-BCT	Xúc tiến thương mại
208	2.002605	Sửa đổi giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	1507/QĐ-BCT	Xúc tiến thương mại

209	2.002166	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	1040/QĐ-BCT	Thương mại quốc tế
210	2.002676	Thông báo phát triển nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ đấu nối với hệ thống điện quốc gia tại cấp điện áp từ trung áp trở lên	1537/QĐ-BCT	Điện lực
211	2.002604	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	1507/QĐ-BCT	Xúc tiến thương mại
212	2.002607	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	1507/QĐ-BCT	Xúc tiến thương mại
213	2.002608	Chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	1507/QĐ-BCT	Xúc tiến thương mại
214	2.002834	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện	1213/QĐ-BCT	Hóa chất
215	2.002817	Cấp lại Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa trong Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam	3697/QĐ-BCT	Sở giao dịch hàng hóa
216	2.002836	Thủ tục cấp gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	87/QĐ-BCT	Hóa chất
217	1.012222	Công nhận người có uy tín	364/QĐ-BDTTG	Công tác dân tộc
218	1.012592	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	134/QĐ-BDTTG	Tín ngưỡng, tôn giáo
219	1.012607	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO, TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC, TỔ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở NHIỀU XÃ THUỘC MỘT TỈNH (CẤP TỈNH)	134/QĐ-BDTTG	Tín ngưỡng, tôn giáo
220	1.012606	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC CUỘC LỄ NGOÀI CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC Ở NHIỀU XÃ THUỘC MỘT TỈNH HOẶC Ở NHIỀU TỈNH (CẤP TỈNH)	134/QĐ-BDTTG	Tín ngưỡng, tôn giáo

221	1.012605	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ GIẢNG ĐẠO NGOÀI ĐỊA BÀN PHỤ TRÁCH, CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC Ở NHIỀU XÃ THUỘC MỘT TỈNH HOẶC Ở NHIỀU TỈNH (CẤP TỈNH)	134/QĐ-BDTTG	Tín ngưỡng, tôn giáo
222	1.012616	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ MỞ LỚP BỒI DƯỠNG VỀ TÔN GIÁO CHO NGƯỜI CHUYÊN HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO (CẤP TỈNH)	134/QĐ-BDTTG	Tín ngưỡng, tôn giáo
223	1.012628	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ NGƯỜI ĐƯỢC BỔ NHIỆM, BẦU CỬ, SUY CỬ LÀM CHỨC VIỆC CỦA TỔ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT TỈNH (CẤP TỈNH)	134/QĐ-BDTTG	Tín ngưỡng, tôn giáo
224	1.012632	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CHO TỔ CHỨC CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT TỈNH (CẤP TỈNH)	363/QĐ-BDTTG	Tín ngưỡng, tôn giáo
225	1.012629	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ NGƯỜI ĐƯỢC BỔ NHIỆM, BẦU CỬ, SUY CỬ LÀM CHỨC VIỆC ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG HỢP QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 2 ĐIỀU 34 CỦA LUẬT TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO (CẤP TỈNH)	134/QĐ-BDTTG	Tín ngưỡng, tôn giáo
226	1.012639	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỰ GIẢI THỂ CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT TỈNH THEO QUY ĐỊNH CỦA HIẾN CHƯƠNG (CẤP TỈNH)	134/QĐ-BDTTG	Tín ngưỡng, tôn giáo
227	1.012637	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ GIẢI THỂ TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT TỈNH THEO QUY ĐỊNH CỦA HIẾN CHƯƠNG CỦA TỔ CHỨC (CẤP TỈNH)	134/QĐ-BDTTG	Tín ngưỡng, tôn giáo
228	1.012655	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho nhóm người nước ngoài sinh hoạt tôn giáo tập trung (Cấp Tỉnh)	134/QĐ-BDTTG	Tín ngưỡng, tôn giáo
229	1.012648	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ MỜI TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI VÀO VIỆT NAM THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO Ở MỘT TỈNH (CẤP TỈNH)	134/QĐ-BDTTG	Tín ngưỡng, tôn giáo

230	1.012646	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ MỜI CHỨC SẮC, NHÀ TU HÀNH LÀ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI ĐẾN GIẢNG ĐẠO CHO TỔ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT TỈNH (CẤP TỈNH)	134/QĐ-BDTTG	Tín ngưỡng, tôn giáo
231	1.012641	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP ĐĂNG KÝ PHÁP NHÂN PHI THƯƠNG MẠI CHO TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT TỈNH (CẤP TỈNH)	363/QĐ-BDTTG	Tín ngưỡng, tôn giáo
232	1.012645	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI TÊN CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO, TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT TỈNH (CẤP TỈNH)	134/QĐ-BDTTG	Tín ngưỡng, tôn giáo
233	1.012653	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI CƯ TRÚ HỢP PHÁP TẠI VIỆT NAM ĐẾN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁC (CẤP TỈNH)	363/QĐ-BDTTG	Tín ngưỡng, tôn giáo
234	1.012656	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI CƯ TRÚ HỢP PHÁP TẠI VIỆT NAM TRONG ĐỊA BÀN MỘT TỈNH (CẤP TỈNH)	363/QĐ-BDTTG	Tín ngưỡng, tôn giáo
235	1.012657	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA NHÓM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI CƯ TRÚ HỢP PHÁP TẠI VIỆT NAM (CẤP TỈNH)	134/QĐ-BDTTG	Tín ngưỡng, tôn giáo
236	1.012658	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI CƯ TRÚ HỢP PHÁP TẠI VIỆT NAM (CẤP TỈNH)	363/QĐ-BDTTG	Tín ngưỡng, tôn giáo
237	1.012661	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THÀNH LẬP, CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT TỈNH (CẤP TỈNH)	363/QĐ-BDTTG	Tín ngưỡng, tôn giáo
238	1.012660	Thủ tục đề nghị cho người nước ngoài học tại cơ sở đào tạo tôn giáo ở Việt nam (Cấp Tỉnh)	134/QĐ-BDTTG	Tín ngưỡng, tôn giáo

239	1.012664	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ SỬA ĐỔI HIẾN CHƯƠNG CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT TỈNH (CẤP TỈNH)	134/QĐ-BDTTG	Tín ngưỡng, tôn giáo
240	1.012659	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THUYÊN CHUYỂN CHỨC SẮC, CHỨC VIỆC, NHÀ TU HÀNH LÀ NGƯỜI ĐANG BỊ BUỘC TỘI HOẶC CHƯA ĐƯỢC XOÁ ÁN TÍCH (CẤP TỈNH)	134/QĐ-BDTTG	Tín ngưỡng, tôn giáo
241	1.012672	Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (Cấp Tỉnh)	363/QĐ-BDTTG	Tín ngưỡng, tôn giáo
242	1.014339	Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	363/QĐ-BDTTG	Tín ngưỡng, tôn giáo
243	1.003734	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin	985/QĐ-BGDĐT	Thi, tuyển sinh
244	1.002982	Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người	2108/QĐ-BGDĐT	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
245	1.005142	Đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông	1584/QĐ-BGDĐT	Thi, tuyển sinh
246	1.012944	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	1425/QĐ-BGDĐT	Giáo dục trung học
247	1.012953	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục	1425/QĐ-BGDĐT	Giáo dục trung học
248	1.012956	Giải thể trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	1425/QĐ-BGDĐT	Giáo dục trung học
249	2.002811	Phê duyệt Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài	2750/QĐ-BGDĐT	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
250	2.002812	Gia hạn hoặc điều chỉnh Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài	2750/QĐ-BGDĐT	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
251	3.000181	Tuyển sinh trung học phổ thông	2108/QĐ-BGDĐT	Giáo dục trung học
252	3.000317	Sáp nhập, chia, tách trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	1181/QĐ-BGDĐT	Giáo dục thường xuyên
253	3.000465	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	985/QĐ-BGDĐT	Văn bằng, chứng chỉ
254	1.000449	Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng	753/QĐ-BKHCN	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng

255	1.002655	Kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu có mức độ rủi ro cao đối với sản phẩm, hàng hóa thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông	2527/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet
256	1.003249	Gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông	2527/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet
257	1.003370	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng	2527/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet
258	1.003300	Cấp giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông	2527/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet
259	1.003659	Cấp giấy phép bưu chính (phạm vi nội tỉnh)	2528/QĐ-BKHCN	Bưu chính
260	1.003633	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn (phạm vi nội tỉnh)	2528/QĐ-BKHCN	Bưu chính
261	1.003687	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính (phạm vi nội tỉnh)	2528/QĐ-BKHCN	Bưu chính
262	1.004186	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng không và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện
263	1.004354	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	2528/QĐ-BKHCN	Bưu chính
264	1.004373	Đăng ký bản thoả thuận kết nối mẫu	2629/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet
265	1.004366	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	2528/QĐ-BKHCN	Bưu chính
266	1.004379	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (phạm vi nội tỉnh)	2528/QĐ-BKHCN	Bưu chính
267	1.004430	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	2528/QĐ-BKHCN	Bưu chính
268	1.004429	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	2528/QĐ-BKHCN	Bưu chính
269	1.004470	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (phạm vi nội tỉnh)	2528/QĐ-BKHCN	Bưu chính
270	1.004376	Cấp giấy phép bưu chính (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	2528/QĐ-BKHCN	Bưu chính
271	1.004428	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	2528/QĐ-BKHCN	Bưu chính
272	1.004426	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng không và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện

273	1.004500	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện
274	1.004962	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của các doanh nghiệp viễn thông (trừ doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất).	2527/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet
275	1.005442	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (phạm vi nội tỉnh)	2528/QĐ-BKHCN	Bưu chính
276	1.005444	Cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng	2527/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet
277	1.005445	Gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng	2527/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet
278	1.010250	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với các giấy phép mẫu 1đ, 1i, 1g1, 1h1	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện
279	1.010265	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện
280	1.010259	Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng không và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện
281	1.010266	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện
282	1.010267	Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện

283	1.010268	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện
284	1.010277	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện
285	1.010272	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện
286	1.010282	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu có hoạt động tuyến quốc tế	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện
287	1.010278	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện
288	1.010276	Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện
289	1.010280	Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện
290	1.010281	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu có hoạt động tuyến quốc tế	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện
291	1.010279	Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện
292	1.010285	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện
293	1.010284	Cấp đổi Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện

294	1.010287	Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện
295	1.010286	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện
296	1.010283	Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu có hoạt động tuyến quốc tế	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện
297	1.010288	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện
298	1.010294	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện
299	1.010297	Cấp đổi Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện
300	1.010304	Cấp đổi Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện
301	1.010293	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện

302	1.010295	Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện
303	1.010296	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện
304	1.010316	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện
305	1.010308	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện
306	1.010317	Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện
307	1.010901	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	2528/QĐ-BKHCN	Bưu chính
308	1.010902	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (phạm vi nội tỉnh)	2528/QĐ-BKHCN	Bưu chính
309	1.011892	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng không và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện
310	1.013353	Báo cáo đăng ký chuyển giao New gTLD	2466/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet
311	1.013356	Đề nghị cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam ".vn"	2466/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet

312	1.013354	Báo cáo hoạt động Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới (New gTLD)	2466/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet
313	1.012353	Thủ tục xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	753/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
314	1.013370	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	2527/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet
315	1.013355	Báo cáo hoạt động cung cấp dịch vụ Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam	2466/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet
316	1.013377	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	2527/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet
317	1.013375	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	2527/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet
318	1.013383	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia	2527/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet
319	1.013381	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông	2527/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet
320	1.013384	Gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia	2527/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet
321	1.013382	Cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia	2527/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet
322	1.013376	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	2527/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet

323	1.013379	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	2527/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet
324	1.013385	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (trừ doanh nghiệp có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông	2527/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet
325	1.013900	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2527/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet
326	1.013903	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	2527/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet

327	1.013899	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	2527/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet
328	1.013901	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	2527/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet
329	1.013904	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	2527/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet
330	1.013888	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông	1442/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet
331	1.013907	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	2527/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet

332	1.013819	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2527/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet
333	1.013906	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).	2527/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet
334	1.013885	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông	1442/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet
335	1.013905	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2527/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet

336	1.013902	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	2527/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet
337	1.013897	Thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ fax gia tăng giá trị	2527/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet
338	1.013877	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	2527/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet
339	1.013909	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2527/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet
340	1.013908	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) và giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông	2527/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet
341	1.013912	Đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông	2527/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet
342	1.013910	Phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá	2527/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet
343	1.013911	Hoàn trả số thuê bao di động H2H được phân bổ theo phương thức đấu giá	2527/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet
344	1.013918	Thủ tục Chấp thuận chuyển giao công nghệ	672/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
345	1.013916	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	2075/QĐ-BKHCN	Sở hữu trí tuệ
346	1.013922	Thủ tục thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	2075/QĐ-BKHCN	Sở hữu trí tuệ
347	1.013919	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.	2075/QĐ-BKHCN	Sở hữu trí tuệ

348	1.013924	Thủ tục ghi nhận tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	2075/QĐ-BKHCN	Sở hữu trí tuệ
349	1.013925	Thủ tục ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp	2075/QĐ-BKHCN	Sở hữu trí tuệ
350	1.013927	Thủ tục Cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ -	672/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
351	1.013928	Thủ tục ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	2075/QĐ-BKHCN	Sở hữu trí tuệ
352	1.013944	Thủ tục Xác nhận phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư -	675/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
353	1.013954	Thủ tục xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp	2075/QĐ-BKHCN	Sở hữu trí tuệ
354	1.013942	Thủ tục xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	2075/QĐ-BKHCN	Sở hữu trí tuệ
355	1.013968	Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	2075/QĐ-BKHCN	Sở hữu trí tuệ
356	1.013973	Thủ tục ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế	2075/QĐ-BKHCN	Sở hữu trí tuệ
357	1.013976	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).	2527/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet
358	1.014015	Chuyển nhượng quyền sử dụng số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch vụ ứng dụng tin nhắn ngắn, mã mạng di động H2H phân bổ qua phương thức đấu giá	2527/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet
359	1.014012	Phân bổ mã mạng di động H2H, số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch vụ tin nhắn ngắn theo phương thức đấu giá	2527/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet
360	1.014382	Thủ tục đặt và tổ chức xét tặng giải thưởng của tổ chức, cá nhân không cư trú, không hoạt động tại Việt Nam	2540/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
361	1.014389	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ	2498/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
362	1.014393	Công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển (Sở Khoa học và Công nghệ)	3212/QĐ-BKHCN.	Hoạt động khoa học và công nghệ
363	1.014391	Cấp Giấy chứng nhận văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	3659/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
364	1.014388	Cho phép thành lập và phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài	3212/QĐ-BKHCN.	Hoạt động khoa học và công nghệ

365	1.014394	Thành lập đơn vị trực thuộc ở nước ngoài của tổ chức khoa học và công nghệ	2498/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
366	1.014392	Thay đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	3659/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
367	1.014383	Thủ tục đặt và tổ chức xét tặng giải thưởng của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam	2540/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
368	1.014390	Thay đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)	2498/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
369	1.014431	Thủ tục công nhận trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh	3578/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
370	1.014432	Thủ tục công nhận trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo	3578/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
371	1.014433	Thủ tục công nhận cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	3578/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
372	1.014440	Thủ tục cấp lại Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh	3578/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
373	1.014436	Thủ tục công nhận nhà đầu tư cá nhân khởi nghiệp sáng tạo	3578/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
374	1.014435	Thủ tục công nhận chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo	3578/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
375	1.014437	Thủ tục cấp lại Giấy công nhận trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh, Giấy công nhận cá nhân, nhóm cá nhân khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận nhà đầu tư cá nhân khởi nghiệp sáng tạo	3578/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
376	1.014439	Thủ tục công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo	3578/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
377	1.014445	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (Nghị định số 268/2025/NĐ-CP)	3578/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
378	1.014438	Thủ tục công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh	3578/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
379	1.014446	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (Nghị định số 268/2025/NĐ-CP)	3578/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ

380	1.014451	Thủ tục đăng ký thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo tài trợ, đặt hàng về đổi mới công nghệ; phát triển tài sản trí tuệ, nâng cao năng suất, chất lượng; hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo.	3578/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
381	1.014444	Thủ tục đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không sử dụng ngân sách nhà nước	3578/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
382	1.014454	Thủ tục đề xuất tham gia chương trình hỗ trợ voucher.	3578/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
383	1.014453	Thủ tục đề nghị hỗ trợ lãi suất vay.	3578/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
384	1.014452	Thủ tục sửa đổi, chấm dứt Hợp đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo.	3578/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
385	1.014540	Thủ tục hỗ trợ thực tập, nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài (cấp tỉnh)	4211/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
386	1.014539	Thủ tục hỗ trợ hoạt động truyền thông khoa học , công nghệ và đổi mới sáng tạo phổ biến tri thức (cấp tỉnh)	4211/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
387	1.014460	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	3659/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
388	1.014536	Thủ tục hỗ trợ tổ chức hội thảo khoa học tại Việt Nam (cấp tỉnh)	4211/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
389	1.014461	Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	3659/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
390	1.014538	Thủ tục hỗ trợ hoạt động sáng kiến, giải pháp cải tiến kỹ thuật hoặc hợp lý hóa sản xuất (cấp tỉnh)	4211/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
391	1.014459	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	3659/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
392	1.014537	Thủ tục hỗ trợ phát triển tạp chí khoa học (cấp tỉnh)	4211/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
393	1.014549	Thủ tục hỗ trợ tham dự và báo cáo kết quả nghiên cứu tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế (cấp tỉnh)	4211/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
394	1.014541	Thủ tục hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ dành cho tổ chức (cấp tỉnh)	2796/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ

395	1.014551	Thủ tục hỗ trợ công bố công trình khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế (cấp tỉnh)	4211/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
396	1.014547	Thủ tục hỗ trợ mời nhà khoa học xuất sắc nước ngoài đến Việt Nam trao đổi học thuật ngắn hạn (cấp tỉnh)	4211/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
397	1.014638	Bổ sung, sửa đổi Giấy phép, cấp lại do mất, thất lạc Giấy phép cho phép thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài	2645/QĐ-BKHCN	Công nghiệp công nghệ số, công nghệ thông tin, điện tử
398	1.014637	Cho phép thương nhân thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài	2645/QĐ-BKHCN	Công nghiệp công nghệ số, công nghệ thông tin, điện tử
399	1.014636	Cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu	2645/QĐ-BKHCN	Công nghiệp công nghệ số, công nghệ thông tin, điện tử
400	1.014642	Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát nơtron, electron và hạt mang điện khác-	3172/QĐ-BKHCN	An toàn bức xạ và hạt nhân
401	1.014656	Cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ (trừ người phụ trách an toàn cơ sở sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp))	3814/QĐ-BKHCN	An toàn bức xạ và hạt nhân
402	1.014648	Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - chấm dứt hoạt động của cơ sở bức xạ	3172/QĐ-BKHCN	An toàn bức xạ và hạt nhân
403	1.014645	Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Thay đổi quy mô và phạm vi hoạt động của cơ sở bức xạ	3172/QĐ-BKHCN	An toàn bức xạ và hạt nhân
404	1.014657	Khai báo nguồn phóng xạ, chất thải phóng xạ, vật liệu hạt nhân nguồn, vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân, thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp.	2607/QĐ-BKHCN	An toàn bức xạ và hạt nhân
405	1.014660	Thanh lý nguồn phóng xạ đã qua sử dụng	3172/QĐ-BKHCN	An toàn bức xạ và hạt nhân
406	1.014661	Phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ cấp cơ sở	3172/QĐ-BKHCN	An toàn bức xạ và hạt nhân

407	1.014665	Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Lắp đặt nguồn phóng xạ; Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị bức xạ	3172/QĐ-BKHCN	An toàn bức xạ và hạt nhân
408	1.014667	Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ;	3172/QĐ-BKHCN	An toàn bức xạ và hạt nhân
409	1.014666	Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Đánh giá hoạt độ phóng xạ;	3172/QĐ-BKHCN	An toàn bức xạ và hạt nhân
410	1.014673	Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Thử nghiệm thiết bị bức xạ	3172/QĐ-BKHCN	An toàn bức xạ và hạt nhân
411	1.014671	Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Tẩy xạ.	3172/QĐ-BKHCN	An toàn bức xạ và hạt nhân
412	1.014674	Khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp)	248/QĐ-BKHCN	An toàn bức xạ và hạt nhân
413	1.014678	Cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp))	3172/QĐ-BKHCN	An toàn bức xạ và hạt nhân
414	1.014891	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa.	1263/QĐ-BKHCN	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
415	1.014881	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường.	1263/QĐ-BKHCN	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
416	1.014882	Thủ tục chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường	1263/QĐ-BKHCN	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
417	1.014885	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viện đo lường	1263/QĐ-BKHCN	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
418	1.014878	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận	2479/QĐ-BKHCN	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
419	1.014876	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận	2479/QĐ-BKHCN	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
420	1.014879	Thủ tục chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.	1263/QĐ-BKHCN	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng

421	1.014880	Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	1263/QĐ-BKHCN	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
422	1.014889	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa.	1263/QĐ-BKHCN	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
423	1.014877	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận	2479/QĐ-BKHCN	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
424	1.014888	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	1263/QĐ-BKHCN	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
425	1.014883	Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận, cấp thẻ, cấp lại thẻ kiểm định viên đo lường.	1263/QĐ-BKHCN	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
426	1.014892	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật	1263/QĐ-BKHCN	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
427	1.014895	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý.	1263/QĐ-BKHCN	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
428	1.014894	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật	1263/QĐ-BKHCN	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
429	1.014893	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật	1263/QĐ-BKHCN	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
430	1.014897	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý.	1263/QĐ-BKHCN	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
431	1.014896	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý.	1263/QĐ-BKHCN	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
432	2.000212	Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng	753/QĐ-BKHCN	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
433	2.001856	Công bố, công bố lại chất lượng dịch vụ viễn thông đối với các dịch vụ thuộc “Danh mục dịch vụ viễn thông bắt buộc quản lý chất lượng"	2629/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet
434	2.002249	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	753/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ

435	2.002248	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	753/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
436	2.002548	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	753/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
437	2.002546	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	753/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
438	2.002544	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	753/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
439	2.002776	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện
440	2.002724	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước	753/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
441	2.002783	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện
442	2.002779	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện
443	2.002711	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước	753/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
444	2.002780	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện
445	2.002778	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện
446	2.002781	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện
447	2.002782	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện
448	2.002775	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện
449	2.002777	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện

450	2.002785	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện
451	2.002786	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện
452	2.002788	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện
453	2.002784	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện
454	2.002789	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện
455	2.002787	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện
456	2.002790	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	2776/QĐ-BKHCN	Tần số vô tuyến điện
457	2.002847	Thủ tục đăng ký hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập	851/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet
458	1.000049	Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	1931/QĐ-BNNMT	Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý
459	1.000025	Phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp	379/QĐ-BNNMT	Quản lý doanh nghiệp
460	1.000045	Xác nhận bảng kê lâm sản	379/QĐ-BNNMT	Kiểm lâm
461	1.000055	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	379/QĐ-BNNMT	Lâm nghiệp và Kiểm lâm
462	1.000943	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh)	379/QĐ-BNNMT	Khí tượng, thủy văn
463	1.000970	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh)	379/QĐ-BNNMT	Khí tượng, thủy văn
464	1.000969	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh)	2084/QĐ-BNNMT	Biển và hải đảo
465	1.000942	Trả lại giấy phép nhận chìm (cấp tỉnh)	379/QĐ-BNNMT	Biển và hải đảo
466	1.002338	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	3279/QĐ-BNN-VP	Thú y
467	1.001686	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	1649/QĐ-BNNMT	Thú y
468	1.002992	Cấp lại Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (trong trường hợp bị sai sót; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký)	1829/QĐ-BNNMT	Thú y

469	1.002571	Đăng ký, Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật trên cạn tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật trên cạn tham gia hội chợ, triển lãm	1829/QĐ-BNNMT	Thú y
470	1.002560	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật	678/QĐ-BNN-BVTV	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
471	1.003221	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	379/QĐ-BNNMT	Thủy lợi
472	1.003203	Phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	379/QĐ-BNNMT	Thủy lợi
473	1.003232	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	379/QĐ-BNNMT	Thủy lợi
474	1.003211	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	379/QĐ-BNNMT	Thủy lợi
475	1.003026	Gia hạn Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (GMP)	1829/QĐ-BNNMT	Thú y
476	1.003395	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu	559/QĐ-BNN-BVTV	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
477	1.003586	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	4866/QĐ-BNN-TCTS	Thủy sản
478	1.003650	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	4866/QĐ-BNN-TCTS	Thủy sản
479	1.003634	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	4866/QĐ-BNN-TCTS	Thủy sản
480	1.003666	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	3663/QĐ-BNNMT	Thủy sản
481	1.003681	Xóa đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	4866/QĐ-BNN-TCTS	Thủy sản
482	1.003814	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra thông thường thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1908/QĐ-BNNMT	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản
483	1.003870	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	1750/QĐ-BNNMT	Thủy lợi

484	1.003867	Thẩm định quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt	379/QĐ-BNNMT	Thủy lợi
485	1.003880	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	1750/QĐ-BNNMT	Thủy lợi
486	1.003971	Cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật	3279/QĐ-BNN-VP	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
487	1.003984	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	4307/QĐ-BNN-BVTV	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
488	1.004022	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	3279/QĐ-BNN-VP	Thú y
489	1.004117	Đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại	379/QĐ-BNNMT	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
490	1.004096	Gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen	379/QĐ-BNNMT	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
491	1.004150	Cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen	379/QĐ-BNNMT	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
492	1.004179	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 12 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP)	379/QĐ-BNNMT	Tài nguyên nước
493	1.004232	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	379/QĐ-BNNMT	Tài nguyên nước
494	1.004211	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	379/QĐ-BNNMT	Tài nguyên nước
495	1.004283	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	379/QĐ-BNNMT	Tài nguyên nước
496	1.004228	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	379/QĐ-BNNMT	Tài nguyên nước
497	1.004237	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (cấp tỉnh)	379/QĐ-BNNMT	Tổng hợp
498	1.004223	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	379/QĐ-BNNMT	Tài nguyên nước
499	1.004359	Cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản	379/QĐ-BNNMT	Thủy sản

500	1.004385	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	1750/QĐ-BNNMT	Thủy lợi
501	1.004363	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	1883/QĐ-BNNMT	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
502	1.004344	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá Việt Nam	1154/QĐ-BNN-TCTS	Thủy sản
503	1.004427	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	1750/QĐ-BNNMT	Thủy lợi
504	1.004692	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thuỷ sản lồng bè, đối tượng thuỷ sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý từ 02 xã, phường trở lên và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	379/QĐ-BNNMT	Thủy sản
505	1.004694	Công bố mở cảng cá loại I, loại II	1154/QĐ-BNN-TCTS	Thủy sản
506	1.004756	Cấp Chứng chỉ hành nghề thú y	1649/QĐ-BNNMT	Thú y
507	1.004794	Cấp, cấp lại Giấy phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm	379/QĐ-BNNMT	Thủy sản
508	1.004913	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	1154/QĐ-BNN-TCTS	Thủy sản
509	1.004819	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES	379/QĐ-BNNMT	Kiểm lâm
510	1.004839	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	379/QĐ-BNNMT	Thú y
511	1.004929	Cấp giấy phép nhập khẩu tàu cá, thuê tàu trần	379/QĐ-BNNMT	Thủy sản
512	1.004921	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ 02 xã trở lên)	3331/QĐ-BNNMT	Thủy sản
513	1.004923	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ 02 xã trở lên)	3331/QĐ-BNNMT	Thủy sản
514	1.005319	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y	3279/QĐ-BNN-VP	Thú y

515	1.005401	Giao khu vực biển (cấp tỉnh)	379/QĐ-BNNMT	Biển và hải đảo
516	1.005399	Trả lại khu vực biển (cấp tỉnh)	379/QĐ-BNNMT	Biển và hải đảo
517	1.007916	Nộp tiền trồng rừng thay thế	379/QĐ-BNNMT	Lâm nghiệp và Kiểm lâm
518	1.005400	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển (cấp tỉnh)	2084/QĐ-BNNMT	Biển và hải đảo
519	1.007927	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	174/QĐ-BNN-BVTV	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
520	1.007929	Cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón	379/QĐ-BNNMT	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
521	1.007928	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	1674/QĐ-BNNMT	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
522	1.008122	Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1649/QĐ-BNNMT	Chăn nuôi
523	1.008672	Phê duyệt Phương án khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên	379/QĐ-BNNMT	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
524	1.008675	Cấp giấy phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	379/QĐ-BNNMT	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
525	1.008682	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	379/QĐ-BNNMT	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
526	1.009481	Công nhận khu vực biển (cấp tỉnh)	379/QĐ-BNNMT	Biển và hải đảo
527	1.010727	Cấp giấy phép môi trường (cấp Tỉnh) (1.010727)	379/QĐ-BNNMT	Môi trường
528	1.010729	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (cấp Tỉnh) (1.010729)	379/QĐ-BNNMT	Môi trường
529	1.011470	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng	379/QĐ-BNNMT	Lâm nghiệp và Kiểm lâm
530	1.011030	Công nhận kết quả khảo nghiệm sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	1649/QĐ-BNNMT	Chăn nuôi
531	1.010733	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (Cấp tỉnh) (1.010733)	1822/QĐ-BNNMT	Môi trường
532	1.011033	Cấp giấy phép nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi có chứa chất mới để khảo nghiệm, nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm, làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm hoặc sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu	1649/QĐ-BNNMT	Chăn nuôi

533	1.011475	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh động vật theo yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc phục vụ xuất khẩu trong trường hợp nước nhập khẩu yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp trung ương thẩm định, cấp Giấy chứng nhận)	1878/QĐ-BNNMT	Thú y
534	1.011518	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước .	379/QĐ-BNNMT	Tài nguyên nước
535	1.011478	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh động vật cấp tỉnh; vùng an toàn dịch bệnh động vật theo yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc phục vụ xuất khẩu trong trường hợp nước nhập khẩu yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp trung ương thẩm định, cấp Giấy chứng nhận)	1878/QĐ-BNNMT	Thú y
536	1.012062	Cấp giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	1674/QĐ-BNNMT	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
537	1.012064	Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	1674/QĐ-BNNMT	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
538	1.012072	Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	4953/QĐ-BNN-TT	Trồng trọt
539	1.012071	Sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ	4953/QĐ-BNN-TT	Trồng trọt
540	1.012503	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất	379/QĐ-BNNMT	Tài nguyên nước
541	1.012413	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng	379/QĐ-BNNMT	Kiểm lâm
542	1.012501	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	379/QĐ-BNNMT	Tài nguyên nước
543	1.012504	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất	379/QĐ-BNNMT	Tài nguyên nước
544	1.012756	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý.	379/QĐ-BNNMT	Đất đai
545	1.012766	Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng	379/QĐ-BNNMT	Đất đai
546	1.012783	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	379/QĐ-BNNMT	Đất đai

547	1.012781	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp	379/QĐ-BNNMT	Đất đai
548	1.012784	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.	379/QĐ-BNNMT	Đất đai
549	1.012782	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	379/QĐ-BNNMT	Đất đai
550	1.012793	Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp	379/QĐ-BNNMT	Đất đai
551	1.012786	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	379/QĐ-BNNMT	Đất đai
552	1.012785	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	379/QĐ-BNNMT	Đất đai
553	1.012791	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	379/QĐ-BNNMT	Đất đai
554	1.012787	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản	379/QĐ-BNNMT	Đất đai
555	1.012790	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp.	379/QĐ-BNNMT	Đất đai
556	1.012805	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân cấp tỉnh	379/QĐ-BNNMT	Đất đai
557	1.012821	Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất	379/QĐ-BNNMT	Đất đai
558	1.012834	Quyết định hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	379/QĐ-BNNMT	Chăn nuôi
559	1.012832	Đề xuất hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	379/QĐ-BNNMT	Chăn nuôi

560	1.012835	Đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi	705/QĐ-BNNMT	Chăn nuôi
561	1.012833	Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	379/QĐ-BNNMT	Chăn nuôi
562	1.013644	Cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều thuộc trách nhiệm của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh	1827/QĐ-BNNMT	Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai
563	1.013823	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng; gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	2304/QĐ-BNNMT	Đất đai
564	1.013827	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa.	2304/QĐ-BNNMT	Đất đai
565	1.013831	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	2304/QĐ-BNNMT	Đất đai
566	1.013825	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	2304/QĐ-BNNMT	Đất đai

567	1.013833	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên	2304/QĐ-BNNMT	Đất đai
568	1.013993	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014	2304/QĐ-BNNMT	Đất đai
569	1.013977	Đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cấp Giấy chứng nhận cho từng thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết cho chủ đầu tư dự án có nhu cầu	2304/QĐ-BNNMT	Đất đai
570	1.013992	Đăng ký biến động chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	2304/QĐ-BNNMT	Đất đai
571	1.013947	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp	2304/QĐ-BNNMT	Đất đai

572	1.013980	Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai hoặc bản án, quyết định của Tòa án, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành; quyết định hoặc phán quyết của Trọng tài thương mại Việt Nam về giải quyết tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn	2304/QĐ-BNNMT	Đất đai
573	1.013988	Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ trên Giấy chứng nhận đã cấp	2304/QĐ-BNNMT	Đất đai
574	1.013995	Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở của tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật về nhà ở nội dung đã đăng ký	2304/QĐ-BNNMT	Đất đai
575	1.014022	Thả động vật nuôi sinh sản tại cơ sở nuôi, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học về môi trường tự nhiên	04/QĐ-BNNMT	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
576	1.013994	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất	2304/QĐ-BNNMT	Đất đai
577	1.014133	Cấp tín chỉ các-bon theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước	1603/QĐ-BNNMT	Biến đổi khí hậu
578	1.014129	Đăng ký tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon	1603/QĐ-BNNMT	Biến đổi khí hậu
579	1.014132	Hủy đăng ký dự án	1603/QĐ-BNNMT	Biến đổi khí hậu
580	1.014136	Đăng ký/Điều chỉnh dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước	1603/QĐ-BNNMT	Biến đổi khí hậu

581	1.014131	Thay đổi thành phần tham gia dự án	1603/QĐ-BNNMT	Biến đổi khí hậu
582	1.014605	Cấp, cấp lại mã số rừng sản xuất là rừng trồng	01/QĐ-BNNMT	Lâm nghiệp và Kiểm lâm
583	1.014630	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	04/QĐ-BNNMT	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
584	1.014716	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành hoặc đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền	248/QĐ-BNNMT	Tài nguyên nước
585	1.014743	Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi	1878/QĐ-BNNMT	Chăn nuôi
586	1.014741	Công nhận kết quả khảo nghiệm dòng, giống vật nuôi	1878/QĐ-BNNMT	Chăn nuôi
587	1.014779	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	1649/QĐ-BNNMT	Thú y
588	1.014833	Cấp lại Giấy phép tiếp cận nguồn gen	375/QĐ-BNNMT	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
589	1.014834	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý từ 02 tỉnh, thành phố trở lên và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	1763/QĐ-BNNNMT	Thủy sản
590	1.014837	Điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng phòng hộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	364/QĐ-BNNMT	Lâm nghiệp và Kiểm lâm
591	1.014839	Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	364/QĐ-BNNMT	Kiểm lâm
592	1.014847	Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	498/QĐ-BNNMT	Thủy lợi
593	2.001064	Gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y	3279/QĐ-BNN-VP	Thú y
594	2.001236	Công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật	678/QĐ-BNN-BVTV	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
595	2.001062	Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc bảo vệ thực vật nhập khẩu	2519/QĐ-BNNMT	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
596	2.000873	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	3279/QĐ-BNN-VP	Thú y

597	2.001401	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	1750/QĐ-BNNMT	Thủy lợi
598	2.001427	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật	678/QĐ-BNN-BVTV	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
599	2.001426	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	1750/QĐ-BNNMT	Thủy lợi
600	2.001515	Cấp giấy vận chuyển mẫu bệnh phẩm thủy sản	1829/QĐ-BNNMT	Thú y
601	2.001558	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu mang theo người, gửi qua đường bưu điện	1829/QĐ-BNNMT	Thú y
602	2.001604	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra chặt thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1908/QĐ-BNNMT	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản
603	2.001524	Đăng ký vận chuyển mẫu bệnh phẩm thủy sản	1829/QĐ-BNNMT	Thú y
604	2.001770	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành .	379/QĐ-BNNMT	Tài nguyên nước
605	2.001694	Cấp, cấp lại Giấy phép nhập khẩu giống thủy sản không có tên trong Danh mục loài thuỷ sản được phép kinh doanh tại Việt Nam để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm	379/QĐ-BNNMT	Thủy sản
606	2.001804	Phê duyệt phương án, cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt	379/QĐ-BNNMT	Thủy lợi
607	2.001791	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	1750/QĐ-BNNMT	Thủy lợi
608	2.001795	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tich UBND cấp tỉnh	1750/QĐ-BNNMT	Thủy lợi

609	2.001793	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	1750/QĐ-BNNMT	Thủy lợi
610	2.001796	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	1750/QĐ-BNNMT	Thủy lợi
611	2.001872	Cấp Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (GMP)	1829/QĐ-BNNMT	Thú y
612	2.002338	Chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu được hưởng miễn thuế nhập khẩu theo hạn ngạch	1674/QĐ-BNNMT	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
613	2.002339	Chứng nhận lại chủng loại gạo thơm xuất khẩu được hưởng miễn thuế nhập khẩu theo hạn ngạch	1674/QĐ-BNNMT	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
614	2.002750	Công bố Danh mục khu đất dự kiến thực hiện dự án thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất	629/QĐ-BNNMT	Đất đai
615	2.002835	Đăng ký khai thác nước mặt, nước biển, đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	248/QĐ-BNNMT	Tài nguyên nước
616	2.002819	Cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung thông tin Giấy chứng nhận thuỷ sản, sản phẩm thủy sản đạt yêu cầu xuất khẩu vào Hoa Kỳ (COA)	3331/QĐ-BNNMT	Thủy sản
617	3.000125	Chấp thuận trao đổi quốc tế nguồn gen giống vật nuôi có trong danh mục giống vật nuôi cấm xuất khẩu để phục vụ nghiên cứu khoa học triển lãm, quảng cáo	1829/QĐ-BNNMT	Chăn nuôi
618	3.000179	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp	379/QĐ-BNNMT	Lâm nghiệp và Kiểm lâm
619	3.000435	Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh	2298/QĐ-BNNMT	Biển và hải đảo
620	3.000198	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	379/QĐ-BNNMT	Lâm nghiệp và Kiểm lâm
621	3.000496	Cấp sửa đổi, bổ sung thông tin mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES	04/QĐ-BNNMT	Kiểm lâm
622	1.000414	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	641/QĐ-BNV	Lao động, tiền lương

623	1.000502	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng dưới 90 ngày)	458/QĐ-BNV	Quản lý lao động ngoài nước
624	1.004964	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a	547/QĐ-LĐTBXH	Người có công
625	1.009466	Thành lập Hội đồng thương lượng tập thể	321/QĐ-BNV	Lao động, tiền lương
626	1.009467	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể.	321/QĐ-BNV	Lao động, tiền lương
627	1.010772	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công”	556/QĐ-BNV	Người có công
628	1.010778	Cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công”	556/QĐ-BNV	Người có công
629	1.010788	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	556/QĐ-BNV	Người có công
630	1.010777	Cấp đổi Bằng “Tổ quốc ghi công”	556/QĐ-BNV	Người có công
631	1.010781	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	556/QĐ-BNV	Người có công
632	1.010783	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Nội vụ quản lý	556/QĐ-BNV	Người có công
633	1.010803	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	556/QĐ-BNV	Người có công
634	1.010805	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	556/QĐ-BNV	Người có công
635	1.010804	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	556/QĐ-BNV	Người có công
636	1.010810	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	556/QĐ-BNV	Người có công
637	1.010815	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng.	556/QĐ-BNV	Người có công
638	1.010817	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	556/QĐ-BNV	Người có công
639	1.010825	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	320/QĐ-BNV	Người có công
640	1.010824	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	320/QĐ-BNV	Người có công

641	1.010830	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	320/QĐ-BNV	Người có công
642	1.010829	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	320/QĐ-BNV	Người có công
643	1.012091	Đề nghị việc sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc	499/QĐ-BNV	Lao động, tiền lương và bảo hiểm xã hội
644	1.010828	Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng	320/QĐ-BNV	Người có công
645	1.010826	Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công	320/QĐ-BNV	Người có công
646	1.013730	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng từ 90 ngày trở lên)	458/QĐ-BNV	Quản lý lao động ngoài nước
647	1.013744	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng thuộc diện Trung ương quản lý	639/QĐ-BNV	Người có công
648	1.013932	Sử dụng tài liệu lưu trữ tại lưu trữ lịch sử của nhà nước.	647/QĐ-BNV	Văn thư và Lưu trữ nhà nước
649	1.013746	Xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin bằng phương pháp thực chứng.	639/QĐ-BNV	Người có công
650	1.013748	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với thương binh không công tác trong quân đội, công an, người hưởng chính sách như thương binh có vết thương đặc biệt tái phát và điều chỉnh chế độ.	556/QĐ-BNV	Người có công
651	1.013747	Lấy mẫu để giám định ADN xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin.	639/QĐ-BNV	Người có công
652	1.013749	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng	639/QĐ-BNV	Người có công

653	1.014113	Xét tuyển công chức	958/QĐ-BNV	Công chức, viên chức
654	1.014196	Cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	526/QĐ-BNV	Việc làm
655	1.014197	Cấp lại giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	526/QĐ-BNV	Việc làm
656	1.014199	Cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	526/QĐ-BNV	Việc làm
657	1.014200	Cấp lại giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	526/QĐ-BNV	Việc làm
658	1.014198	Gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	526/QĐ-BNV	Việc làm
659	1.014318	THỦ TỤC TUYỂN CHỌN TỔNG CÔNG TRÌNH SƯ DỰ ÁN	997/QĐ-BNV	Lao động
660	1.014319	THỦ TỤC TUYỂN CHỌN KIẾN TRÚC SƯ TRƯỞNG CẤP BỘ, CẤP TỈNH, DỰ ÁN	997/QĐ-BNV	Lao động
661	1.014201	Gia hạn giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	526/QĐ-BNV	Việc làm
662	1.014352	Thủ tục tuyển chọn chuyên gia	1091/QĐ-BNV	Lao động
663	1.014748	Hưởng trợ cấp thất nghiệp (Cấp tỉnh)	107/QĐ-BNV	Việc làm
664	1.014751	Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp (Cấp tỉnh)	107/QĐ-BNV	Việc làm
665	1.014359	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế	1136/QĐ-BNV	Người có công
666	1.014747	Hỗ trợ người lao động tham gia đào tạo, nâng cao trình độ kỹ năng nghề (Cấp tỉnh)	107/QĐ-BNV	Việc làm
667	1.014746	Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm (Cấp tỉnh)	107/QĐ-BNV	Việc làm
668	1.014749	Thông báo hằng tháng về việc tìm kiếm việc làm (Cấp tỉnh)	107/QĐ-BNV	Việc làm
669	1.014752	Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp (Cấp tỉnh)	107/QĐ-BNV	Việc làm
670	1.014750	Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp (Cấp tỉnh)	107/QĐ-BNV	Việc làm
671	1.014754	Hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động (Cấp tỉnh)	107/QĐ-BNV	Việc làm

672	1.014753	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (Cấp tỉnh)	107/QĐ-BNV	Việc làm
673	2.000111	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động	323/QĐ-BNV	An toàn, vệ sinh lao động
674	2.001396	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	320/QĐ-BNV	Người có công
675	2.001955	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	321/QĐ-BNV	Lao động, tiền lương
676	2.002820	Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	1561/QĐ-BNV	Quản lý lao động ngoài nước
677	2.002307	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	547/QĐ-LĐTBXH	Người có công
678	2.002341	Giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động.	323/QĐ-BNV	An toàn, vệ sinh lao động
679	2.002308	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	547/QĐ-LĐTBXH	Người có công
680	2.002340	Giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Chi phí giám định thương tật, bệnh tật; trợ cấp hằng tháng hoặc một lần; trợ cấp phục vụ; hỗ trợ phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình; dưỡng sức, phục hồi sức khỏe; trợ cấp khi người lao động chết do tai nạn lao động; đóng bảo hiểm y tế cho người nghỉ việc hưởng trợ cấp bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng.	323/QĐ-BNV	An toàn, vệ sinh lao động
681	1.013126	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cảng, cơ sở, dự án tại địa phương	6225/QĐ-BQP	Ứng phó sự cố tràn dầu BQP
682	1.013127	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các Tổng kho xăng dầu, kho xăng dầu có tổng khối lượng dự trữ từ 50 m3 đến dưới 50.000 m3, các cảng xăng dầu có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng dưới 50.000 DWT	6225/QĐ-BQP	Ứng phó sự cố tràn dầu BQP
683	1.000016	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh)	2915/QĐ-BTC	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

684	1.005169	Đề nghị doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp thay đổi tên doanh nghiệp	2370/BTC-QĐ	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
685	1.009642	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh	1165/QĐ-BTC	Đầu tư tại Việt nam
686	1.009646	Thủ tục chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh	1165/QĐ-BTC	Đầu tư tại Việt nam
687	1.009644	Thủ tục điều chỉnh Quyết định chấp thuận nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh	1165/QĐ-BTC	Đầu tư tại Việt nam
688	1.009647	Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1165/QĐ-BTC	Đầu tư tại Việt nam
689	1.009645	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh	1165/QĐ-BTC	Đầu tư tại Việt nam
690	1.009665	Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1165/QĐ-BTC	Đầu tư tại Việt nam
691	1.009662	Thủ tục thông báo về việc tự quyết định chấm dứt hoạt động dự án của nhà đầu tư	1165/QĐ-BTC	Đầu tư tại Việt nam
692	1.009661	Thủ tục thông báo về việc tự quyết định ngừng hoạt động dự án của nhà đầu tư	1165/QĐ-BTC	Đầu tư tại Việt nam
693	1.009729	Thủ tục góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp	1165/QĐ-BTC	Đầu tư tại Việt nam
694	1.009671	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1165/QĐ-BTC	Đầu tư tại Việt nam
695	1.009664	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1165/QĐ-BTC	Đầu tư tại Việt nam
696	1.009731	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	1165/QĐ-BTC	Đầu tư tại Việt nam
697	1.009748	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế	1165/QĐ-BTC	Đầu tư tại Việt nam
698	1.009736	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	1165/QĐ-BTC	Đầu tư tại Việt nam
699	1.009759	Thủ tục chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế	1165/QĐ-BTC	Đầu tư tại Việt nam
700	1.009659	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh	1165/QĐ-BTC	Đầu tư tại Việt nam

701	1.009755	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của Ban quản lý khu kinh tế	1165/QĐ-BTC	Đầu tư tại Việt nam
702	1.009770	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế công nghệ cao, khu kinh tế	1165/QĐ-BTC	Đầu tư tại Việt nam
703	1.010029	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	2370/BTC-QĐ	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
704	1.010026	Thông báo: thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thay đổi người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, thành viên công ty TNHH là tổ chức, cổ đông là tổ chức nước ngoài	2370/BTC-QĐ	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
705	1.010010	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp; thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp	2370/BTC-QĐ	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
706	1.013040	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	2869/QĐ-BTC	Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước
707	1.014736	Lựa chọn, phê duyệt dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị	94/QĐ-BTC	Quản lý chương trình mục tiêu quốc gia
708	2.000368	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường; chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội	2370/BTC-QĐ	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp xã hội
709	2.000416	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội	2370/BTC-QĐ	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp xã hội
710	2.001610	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	2370/BTC-QĐ	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
711	2.001199	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	2370/BTC-QĐ	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
712	2.001583	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	2370/BTC-QĐ	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
713	2.002015	Cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	2370/BTC-QĐ	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
714	2.002009	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh; đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	2370/BTC-QĐ	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp

715	2.002011	Đăng ký thay đổi: thành viên hợp danh; thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần; chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết	2370/BTC-QĐ	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
716	2.002008	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ là giả mạo	2370/BTC-QĐ	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
717	2.002043	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	2370/BTC-QĐ	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
718	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính, đăng ký đổi tên của doanh nghiệp; Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế	2370/BTC-QĐ	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
719	2.002031	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương chuyển sang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, chi nhánh, địa điểm kinh doanh	2370/BTC-QĐ	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
720	2.002016	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp, hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	2370/BTC-QĐ	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
721	2.002029	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo đối với doanh nghiệp, chi nhánh, địa điểm kinh doanh, thông báo tạm ngừng hoạt động, tiếp tục hoạt động trước thời hạn đã thông báo đối với văn phòng đại diện	2370/BTC-QĐ	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
722	2.002020	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	2370/BTC-QĐ	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
723	2.002017	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	2370/BTC-QĐ	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
724	2.002044	Thông báo thay đổi thông tin: cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp (của công ty cổ phần không phải là công ty niêm yết và công ty đăng ký giao dịch chứng khoán)	2370/BTC-QĐ	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp

725	2.002023	Giải thể doanh nghiệp, giải thể trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	2370/BTC-QĐ	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
726	2.002018	Cấp lại Giấy chứng nhận, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	2370/BTC-QĐ	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
727	2.002034	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại	2370/BTC-QĐ	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
728	2.002033	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và ngược lại	2370/BTC-QĐ	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
729	2.002032	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	2370/BTC-QĐ	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
730	2.002042	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	2370/BTC-QĐ	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
731	2.002058	Xác nhận chuyên gia (cấp tỉnh)	1474/QĐ-BTC	Đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức
732	2.002045	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	2370/BTC-QĐ	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
733	2.002085	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty, tách công ty, hợp nhất công ty	2370/BTC-QĐ	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
734	2.002069	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh; thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	2370/BTC-QĐ	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
735	2.002057	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)	2370/BTC-QĐ	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
736	2.002060	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	2370/BTC-QĐ	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp

737	2.002418	Hỗ trợ tư vấn, công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị	1474/QĐ-BTC	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa
738	2.002635	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.	1998/QĐ-BTC	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
739	2.002725	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt	1165/QĐ-BTC	Đầu tư tại Việt nam
740	2.002732	Thủ tục Chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái	1474/QĐ-BTC	Quản lý nhà nước về khu công nghiệp, khu kinh tế
741	2.002731	Thủ tục chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái	1474/QĐ-BTC	Quản lý nhà nước về khu công nghiệp, khu kinh tế
742	2.002727	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt	1165/QĐ-BTC	Đầu tư tại Việt nam
743	2.002729	Thủ tục cấp/cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái	1474/QĐ-BTC	Quản lý nhà nước về khu công nghiệp, khu kinh tế
744	1.000404	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	516/QĐ-BTP	Tư vấn pháp luật
745	1.000390	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	516/QĐ-BTP	Tư vấn pháp luật
746	1.000426	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	1853/QĐ-BTP	Tư vấn pháp luật
747	1.000588	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	516/QĐ-BTP	Tư vấn pháp luật
748	1.000828	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư	1852/QĐ-BTP	Luật sư
749	1.000614	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	516/QĐ-BTP	Tư vấn pháp luật
750	1.000627	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	516/QĐ-BTP	Tư vấn pháp luật
751	1.000688	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư	1852/QĐ-BTP	Luật sư
752	1.000802	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề đấu giá	1458/QĐ-BTP	Đấu giá tài sản
753	1.001117	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	1998/QĐ-BTP	Giám định tư pháp
754	1.001122	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp cấp tỉnh	1998/QĐ-BTP	Giám định tư pháp
755	1.001216	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp	1998/QĐ-BTP	Giám định tư pháp

756	1.001233	Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	172/QĐ-BTP	Trợ giúp pháp lý
757	1.001248	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	1241/QĐ-BTP	Trọng tài thương mại
758	1.001600	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	813/QĐ-BTP	Quản tài viên
759	1.001609	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	1241/QĐ-BTP	Trọng tài thương mại
760	1.001928	Công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài	1852/QĐ-BTP	Luật sư
761	1.002079	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	1852/QĐ-BTP	Luật sư
762	1.002010	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	1262/QĐ-BTP	Luật sư
763	1.002055	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	1852/QĐ-BTP	Luật sư
764	1.002032	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	1852/QĐ-BTP	Luật sư
765	1.002153	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	1262/QĐ-BTP	Luật sư
766	1.002234	Sáp nhập công ty luật	1852/QĐ-BTP	Luật sư
767	1.002198	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	1852/QĐ-BTP	Luật sư
768	1.002218	Hợp nhất công ty luật	1852/QĐ-BTP	Luật sư
769	1.002181	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	1262/QĐ-BTP	Luật sư
770	1.002384	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	1852/QĐ-BTP	Luật sư
771	1.002368	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	1262/QĐ-BTP	Luật sư
772	1.002398	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	1852/QĐ-BTP	Luật sư
773	1.002681	Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với người đề nghị là luật sư nước ngoài, kiểm toán viên là người nước ngoài	813/QĐ-BTP	Quản tài viên
774	1.002626	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	813/QĐ-BTP	Quản tài viên
775	1.003160	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	1848/QĐ-BTP	Nuôi con nuôi
776	1.003179	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	1848/QĐ-BTP	Nuôi con nuôi

777	1.003198	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi	1848/QĐ-BTP	Nuôi con nuôi
778	1.003915	Cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá	1458/QĐ-BTP	Đấu giá tài sản
779	1.005136	Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	3713/QD-BTP	Quốc tịch
780	1.004878	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi	1848/QĐ-BTP	Nuôi con nuôi
781	1.008614	Thu hồi chứng chỉ hành nghề luật sư	1852/QĐ-BTP	Luật sư
782	1.008709	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	1852/QĐ-BTP	Luật sư
783	1.008885	Chấm dứt hoạt động Trung tâm trọng tài theo Điều lệ của Trung tâm trọng tài	1856/QĐ-BTP	Trọng tài thương mại
784	1.008628	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý	1852/QĐ-BTP	Luật sư
785	1.005464	Đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	523/QĐ-BTP	Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa
786	1.008887	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của Tổ chức trọng tài nước ngoài hoặc Tổ chức trọng tài nước ngoài thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện tại Việt Nam đã chấm dứt hoạt động ở nước ngoài	1856/QĐ-BTP	Trọng tài thương mại
787	1.008904	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	1241/QĐ-BTP	Trọng tài thương mại
788	1.008888	Cấp lại Giấy phép thành lập của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	1856/QĐ-BTP	Trọng tài thương mại
789	1.008890	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	1241/QĐ-BTP	Trọng tài thương mại

790	1.008624	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 18 của Luật Luật sư	1852/QĐ-BTP	Luật sư
791	1.008907	Cấp Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại	1940/QĐ-BTP	Hòa giải thương mại
792	1.008906	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	1241/QĐ-BTP	Trọng tài thương mại
793	1.008886	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	1241/QĐ-BTP	Trọng tài thương mại
794	1.008905	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng Chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1241/QĐ-BTP	Trọng tài thương mại
795	1.008889	Đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	1241/QĐ-BTP	Trọng tài thương mại
796	1.008908	Cấp lại Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	1940/QĐ-BTP	Hòa giải thương mại
797	1.008925	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa hành viên	1444/QĐ-BTP	Thừa hành viên
798	1.008913	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được cấp Giấy phép thành lập	1940/QĐ-BTP	Hòa giải thương mại
799	1.008911	Cấp Giấy phép thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	1940/QĐ-BTP	Hòa giải thương mại
800	1.008915	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được cấp Giấy phép thành lập	1940/QĐ-BTP	Hòa giải thương mại
801	1.008921	Công nhận tương đương đào tạo nghiệp vụ Thừa hành viên	1444/QĐ-BTP	Thừa hành viên
802	1.008922	Bổ nhiệm Thừa hành viên	1444/QĐ-BTP	Thừa hành viên
803	1.008924	Bổ nhiệm lại Thừa hành viên	1444/QĐ-BTP	Thừa hành viên
804	1.008923	Miễn nhiệm Thừa hành viên	1444/QĐ-BTP	Thừa hành viên

805	1.008909	Bổ sung hoạt động hòa giải thương mại cho Trung tâm trọng tài	1940/QĐ-BTP	Hòa giải thương mại
806	1.008914	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	1940/QĐ-BTP	Hòa giải thương mại
807	1.008927	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa hành viên	1444/QĐ-BTP	Thừa hành viên
808	1.008926	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa hành viên	1444/QĐ-BTP	Thừa hành viên
809	1.008916	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh, địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hoà giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh	1940/QĐ-BTP	Hòa giải thương mại
810	1.008910	Thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở Trung tâm hòa giải thương mại sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác; đăng ký hoạt động Trung tâm hoà giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	1940/QĐ-BTP	Hòa giải thương mại
811	1.008928	Cấp lại Thẻ Thừa hành viên	1444/QĐ-BTP	Thừa hành viên
812	1.009284	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc	1940/QĐ-BTP	Hòa giải thương mại
813	1.009832	Cấp lại thẻ giám định viên tư pháp	1998/QĐ-BTP	Giám định tư pháp
814	1.009283	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài (cấp tỉnh)	1940/QĐ-BTP	Hòa giải thương mại
815	1.011445	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất	570/QĐ-BTP	Đăng ký biện pháp bảo đảm
816	1.011443	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	570/QĐ-BTP	Đăng ký biện pháp bảo đảm

817	1.011444	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	570/QĐ-BTP	Đăng ký biện pháp bảo đảm
818	1.011442	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	570/QĐ-BTP	Đăng ký biện pháp bảo đảm
819	1.011441	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	570/QĐ-BTP	Đăng ký biện pháp bảo đảm
820	1.013804	Bổ nhiệm lại công chứng viên	2009/QĐ-BTP	Công chứng
821	1.013803	Bổ nhiệm công chứng viên	857/QĐ-BTP	Công chứng
822	1.013805	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm)	2009/QĐ-BTP	Công chứng
823	1.013816	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	1859/QĐ-BTP	Công chứng
824	1.013808	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	1859/QĐ-BTP	Công chứng
825	1.013806	Công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài	2009/QĐ-BTP	Công chứng
826	1.013812	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	1859/QĐ-BTP	Công chứng
827	1.013807	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	1859/QĐ-BTP	Công chứng
828	1.013810	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	1859/QĐ-BTP	Công chứng
829	1.013832	Thu hồi Thẻ công chứng viên	1859/QĐ-BTP	Công chứng
830	1.013834	Thành lập Văn phòng công chứng	1859/QĐ-BTP	Công chứng
831	1.013830	Cấp lại Thẻ công chứng viên	1859/QĐ-BTP	Công chứng
832	1.013818	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	1859/QĐ-BTP	Công chứng
833	1.013835	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	1859/QĐ-BTP	Công chứng
834	1.013840	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	1859/QĐ-BTP	Công chứng
835	1.013852	Bán Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân	1859/QĐ-BTP	Công chứng
836	1.013839	Hợp nhất Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	1859/QĐ-BTP	Công chứng
837	1.013836	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	1859/QĐ-BTP	Công chứng

838	1.013846	Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của toàn bộ thành viên hợp danh của Văn phòng công chứng	1859/QĐ-BTP	Công chứng
839	1.013837	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng do bị mất, hỏng	1859/QĐ-BTP	Công chứng
840	1.013842	Sáp nhập Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	1859/QĐ-BTP	Công chứng
841	1.013848	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận chuyển nhượng vốn góp	1859/QĐ-BTP	Công chứng
842	1.013843	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	1859/QĐ-BTP	Công chứng
843	1.013849	Chuyển đổi Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân thành Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	1859/QĐ-BTP	Công chứng
844	1.013856	Công nhận Điều lệ của Văn phòng công chứng được thành lập trước ngày 01/7/2025	1859/QĐ-BTP	Công chứng
845	1.013853	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được bán	1859/QĐ-BTP	Công chứng
846	1.013859	Cấp thẻ công chứng viên	1859/QĐ-BTP	Công chứng
847	2.000518	Thủ tục cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	172/QĐ-BTP	Trợ giúp pháp lý
848	2.000515	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động	1940/QĐ-BTP	Hòa giải thương mại
849	2.000568	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp	1998/QĐ-BTP	Giám định tư pháp
850	2.000555	Cấp Giấy đăng ký hoạt động của văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh của văn phòng giám định tư pháp	1998/QĐ-BTP	Giám định tư pháp
851	2.000592	Thủ tục giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý	172/QĐ-BTP	Trợ giúp pháp lý
852	2.000587	Thủ tục cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	172/QĐ-BTP	Trợ giúp pháp lý
853	2.000635	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	QĐ/0001-BTP	Hộ tịch
854	2.000596	Thủ tục đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	1540/QĐ-BTP	Trợ giúp pháp lý
855	2.000822	Thành lập, đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài	1241/QĐ-BTP	Trọng tài thương mại
856	2.000840	Thủ tục chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý	172/QĐ-BTP	Trợ giúp pháp lý

857	2.000819	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Trung tâm Trọng tài	1241/QĐ-BTP	Trọng tài thương mại
858	2.000829	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý	3791/QĐ-BTP	Trợ giúp pháp lý
859	2.000894	Miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định tư pháp	1998/QĐ-BTP	Giám định tư pháp
860	2.000908	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	858/QĐ-BTP	Chứng thực
861	2.000954	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	1540/QĐ-BTP	Trợ giúp pháp lý
862	2.000977	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với Luật sư	1170/QĐ-BTP	Trợ giúp pháp lý
863	2.000970	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	1170/QĐ-BTP	Trợ giúp pháp lý
864	2.001225	Phê duyệt Trang thông tin đấu giá trực tuyến	1458/QĐ-BTP	Đấu giá tài sản
865	2.001117	Cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên trong trường hợp chứng chỉ bị mất hoặc bị hư hỏng không thể sử dụng được	813/QĐ-BTP	Quản tài viên
866	2.001130	Cấp Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư, kiểm toán viên, người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng và có thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 05 năm trở lên	813/QĐ-BTP	Quản tài viên
867	2.001680	Thủ tục rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý	172/QĐ-BTP	Trợ giúp pháp lý
868	2.001716	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	1940/QĐ-BTP	Hòa giải thương mại
869	2.001687	Thủ tục thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	172/QĐ-BTP	Trợ giúp pháp lý
870	2.002038	Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	3713/QĐ-BTP	Quốc tịch
871	2.002036	Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	3713/QĐ-BTP	Quốc tịch
872	2.002039	Nhập quốc tịch Việt Nam ở trong nước	3713/QĐ-BTP	Quốc tịch
873	2.001895	Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	3713/QĐ-BTP	Quốc tịch
874	2.002139	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá tài sản	1458/QĐ-BTP	Đấu giá tài sản
875	2.002191	Phục hồi danh dự (cấp tỉnh)	1539/QĐ-BTP	Bồi thường nhà nước
876	3.000444	Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng	1859/QĐ-BTP	Công chứng
877	2.002516	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	163/QĐ-BTP	Hộ tịch
878	1.000560	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh	5001/QĐ-BVHTTDL	Thể dục thể thao
879	1.000564	Thủ tục xét tặng "Giải thưởng Nhà nước" về văn học, nghệ thuật	1158/QĐ-BVHTTDL	Thi đua – Khen thưởng

880	2.002192	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp tỉnh)	1539/QĐ-BTP	Bồi thường nhà nước
881	1.000544	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam	4508/QĐ-BVHTTDL	Thể dục thể thao
882	1.000485	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	5001/QĐ-BVHTTDL	Thể dục thể thao
883	1.000883	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn	4508/QĐ-BVHTTDL	Thể dục thể thao
884	1.000871	Thủ tục xét tặng "Giải thưởng Hồ Chí Minh" về văn học, nghệ thuật	1158/QĐ-BVHTTDL	Thi đua – Khen thưởng
885	1.000904	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate	5001/QĐ-BVHTTDL	Thể dục thể thao
886	1.000842	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	5001/QĐ-BVHTTDL	Thể dục thể thao
887	1.000830	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Diều bay	4508/QĐ-BVHTTDL	Thể dục thể thao
888	1.000983	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	775/QĐ-BVHTTDL	Thể dục thể thao
889	1.000971	Thủ tục xét tặng danh hiệu Nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	305/QĐ-BVHTTDL	Thi đua – Khen thưởng
890	1.001082	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	4184/QĐ-BVHTTDL	Hợp tác quốc tế
891	1.001147	Thủ tục thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	3684/QĐ-BVHTTDL	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm
892	1.001108	Thủ tục xét tặng danh hiệu "Nghệ sĩ ưu tú" (đối với Hội đồng cấp cơ sở tại địa phương)	1739/QĐ-BVHTTDL	Thi đua – Khen thưởng
893	1.001195	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	5001/QĐ-BVHTTDL	Thể dục thể thao
894	1.001032	Thủ tục xét tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	305/QĐ-BVHTTDL	Thi đua – Khen thưởng
895	1.001091	Thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	4184/QĐ-BVHTTDL	Hợp tác quốc tế

896	1.001056	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	4508/QĐ-BVHTTDL	Thể dục thể thao
897	1.001229	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	4508/QĐ-BVHTTDL	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm
898	1.001106	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định di vật, cổ vật	4884/QĐ-BVHTTDL	Di sản văn hóa
899	1.001123	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định di vật, cổ vật	4884/QĐ-BVHTTDL	Di sản văn hóa
900	1.001211	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	3684/QĐ-BVHTTDL	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm
901	1.001213	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển	4508/QĐ-BVHTTDL	Thể dục thể thao
902	1.001517	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	4508/QĐ-BVHTTDL	Thể dục thể thao
903	1.001440	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	1225/QĐ-BVHTTDL	Du lịch
904	1.001704	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao)	12/QĐ-BVHTTDL	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm
905	1.001376	Thủ tục xét tặng danh hiệu "Nghệ sĩ nhân dân" (đối với Hội đồng cấp cơ sở tại địa phương)	1739/QĐ-BVHTTDL	Thi đua – Khen thưởng
906	1.001738	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc	999/QĐ-BVHTTDL	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm
907	1.001755	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	3684/QĐ-BVHTTDL	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm
908	1.001778	Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	3684/QĐ-BVHTTDL	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm
909	1.001455	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	1225/QĐ-BVHTTDL	Du lịch
910	1.001671	Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao)	12/QĐ-BVHTTDL	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm
911	1.001801	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	4508/QĐ-BVHTTDL	Thể dục thể thao

912	1.001837	Thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	3684/QĐ-BVHTTDL	Du lịch
913	1.001809	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	3684/QĐ-BVHTTDL	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm
914	1.002001	Cấp giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (địa phương)	353/QĐ-BTTTT	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
915	1.001822	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích	4884/QĐ-BVHTTDL	Di sản văn hóa
916	1.001976	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (địa phương)	353/QĐ-BTTTT	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
917	1.001833	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	3684/QĐ-BVHTTDL	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm
918	1.001782	Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	3684/QĐ-BVHTTDL	Thể dục thể thao
919	1.002003	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích	4884/QĐ-BVHTTDL	Di sản văn hóa
920	1.002013	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức	3684/QĐ-BVHTTDL	Thể dục thể thao
921	1.002022	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức	3684/QĐ-BVHTTDL	Thể dục thể thao
922	1.002396	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	4508/QĐ-BVHTTDL	Thể dục thể thao
923	1.002445	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	4508/QĐ-BVHTTDL	Thể dục thể thao
924	1.003002	Thủ tục gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	77/QĐ-BVHTTDL	Du lịch
925	1.003240	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện	77/QĐ-BVHTTDL	Du lịch

926	1.003275	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy	77/QĐ-BVHTTDL	Du lịch
927	1.003384	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	1759/QĐ-BVHTTDL	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
928	1.003441	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận	775/QĐ-BVHTTDL	Thể dục thể thao
929	1.003483	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm	893/QĐ-BVHTTDL	Xuất Bản, In và Phát hành
930	1.003490	Thủ tục công nhận khu du lịch cấp tỉnh	2069/QĐ-BVHTTDL	Du lịch
931	1.003560	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu	1122/QĐ-BVHTTDL	Hoạt động mua bán quốc tế chuyên ngành văn hóa
932	1.003654	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	2069/QĐ-BVHTTDL	Văn hóa
933	1.003676	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	2069/QĐ-BVHTTDL	Văn hóa
934	1.003717	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	77/QĐ-BVHTTDL	Du lịch
935	1.003784	Thủ tục thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm (trừ di vật, cổ vật) không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh	999/QĐ-BVHTTDL	Hoạt động mua bán quốc tế chuyên ngành văn hóa
936	1.003738	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề kinh doanh di vật, cổ vật	4884/QĐ-BVHTTDL	Di sản văn hóa
937	1.003743	Thủ tục kiểm tra chuyên ngành văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh trước khi xuất khẩu	999/QĐ-BVHTTDL	Văn hóa
938	1.003793	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	4884/QĐ-BVHTTDL	Di sản văn hóa
939	1.003838	Thủ tục cho phép người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương	2114/QĐ-BVHTTDL	Di sản văn hóa
940	1.003901	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích	4884/QĐ-BVHTTDL	Di sản văn hóa
941	1.003888	Thủ tục trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài (địa phương)	682/QĐ-BVHTTDL	Thông tin đối ngoại

942	1.004104	Thủ tục công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình	1122/QĐ-BVHTTDL	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
943	1.004250	Thủ tục gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng	999/QĐ-BVHTTDL	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
944	1.004503	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	1225/QĐ-BVHTTDL	Du lịch
945	1.004508	Thủ tục cấp Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	353/QĐ-BTTTT	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
946	1.004528	Thủ tục công nhận điểm du lịch	3684/QĐ-BVHTTDL	Du lịch
947	1.004572	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	1225/QĐ-BVHTTDL	Du lịch
948	1.004551	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	1225/QĐ-BVHTTDL	Du lịch
949	1.004580	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	1225/QĐ-BVHTTDL	Du lịch
950	1.004605	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế	5001/QĐ-BVHTTDL	Du lịch
951	1.004594	Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch	77/QĐ-BVHTTDL	Du lịch
952	1.004645	Thủ tục thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	1326/QĐ-BVHTTDL	Quảng cáo
953	1.004650	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn	190/QĐ-BVHTTDL	Quảng cáo
954	1.005162	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	5001/QĐ-BVHTTDL	Thể dục thể thao
955	1.006412	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	4184/QĐ-BVHTTDL	Hợp tác quốc tế
956	1.005357	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí	4508/QĐ-BVHTTDL	Thể dục thể thao
957	1.005452	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	999/QĐ-BVHTTDL	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
958	1.009374	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản bản tin	2149/QĐ-BVHTTDL	Báo chí
959	1.009386	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin	2149/QĐ-BVHTTDL	Báo chí

960	1.009397	Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật	1874/QĐ-BVHTTDL	Nghệ thuật biểu diễn
961	1.009403	Thủ tục ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu	1874/QĐ-BVHTTDL	Nghệ thuật biểu diễn
962	1.009398	Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan	1874/QĐ-BVHTTDL	Nghệ thuật biểu diễn
963	1.009399	Thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu	1874/QĐ-BVHTTDL	Nghệ thuật biểu diễn
964	1.011452	Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim tại Việt Nam	1122/QĐ-BVHTTDL	Điện ảnh
965	1.011454	Thủ tục cấp Giấy phép phân loại phim (cấp tỉnh)	895/QĐ-BVHTTDL	Điện ảnh
966	1.012081	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	3657/QĐ-BVHTTDL	Gia đình
967	1.012082	Thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	776/QĐ-BVHTTDL	Gia đình
968	1.012080	Thủ tục cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	776/QĐ-BVHTTDL	Gia đình
969	1.013699	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	893/QĐ-BVHTTDL	Xuất Bản, In và Phát hành
970	1.013456	Thủ tục cấp phép nhập khẩu di vật, cổ vật không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh	759/QĐ-BVHTTDL	Di sản văn hóa
971	1.013781	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép hoạt động báo chí in, giấy phép hoạt động báo chí điện tử đối với cơ quan báo chí của địa phương	2149/QĐ-BVHTTDL	Báo chí
972	1.013698	Thủ tục cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	2069/QĐ-BVHTTDL	Xuất Bản, In và Phát hành
973	1.013782	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí đối với cơ quan báo chí của địa phương	2149/QĐ-BVHTTDL	Báo chí
974	1.013784	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí đối với cơ quan báo chí của địa phương	2149/QĐ-BVHTTDL	Báo chí
975	1.013785	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương	2149/QĐ-BVHTTDL	Báo chí

976	1.013788	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản đặc san đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp của địa phương	2149/QĐ-BVHTTDL	Báo chí
977	1.013790	Thủ tục đăng ký danh mục báo chí nhập khẩu	2149/QĐ-BVHTTDL	Báo chí
978	1.013789	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản đặc san đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp của địa phương	2149/QĐ-BVHTTDL	Báo chí
979	1.013801	Thủ tục cho phép người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu, sưu tầm di sản tư liệu (địa phương)	2114/QĐ-BVHTTDL	Di sản văn hóa
980	1.014144	Thủ tục điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	77/QĐ-BVHTTDL	Du lịch
981	1.014217	Thủ tục lấy ý kiến đối với việc sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong khu vực bảo vệ di tích, di sản thế giới (trường hợp không cấp giấy phép xây dựng)	2906/QĐ-BVHTTDL	Di sản văn hóa
982	1.014218	Thủ tục lấy ý kiến đối với việc xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích, nằm ngoài vùng đệm của khu vực di sản thế giới có khả năng tác động tiêu cực đến yếu tố gốc cấu thành di tích, cảnh quan văn hóa của di tích, di sản thế giới (trường hợp không cấp giấy phép xây dựng)	2906/QĐ-BVHTTDL	Di sản văn hóa
983	1.014608	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyên gia giám định di vật, cổ vật	4884/QĐ-BVHTTDL	Di sản văn hóa
984	1.014611	Thủ tục cấp giấy phép làm bản sao di vật, cổ vật	4884/QĐ-BVHTTDL	Di sản văn hóa
985	1.014609	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận chuyên gia giám định di vật, cổ vật	4884/QĐ-BVHTTDL	Di sản văn hóa
986	1.014615	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư kinh doanh di vật, cổ vật	4884/QĐ-BVHTTDL	Di sản văn hóa
987	1.014614	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư kinh doanh di vật, cổ vật	4884/QĐ-BVHTTDL	Di sản văn hóa
988	1.014612	Thủ tục cấp giấy phép làm bản sao di sản tư liệu được ghi vào Danh mục quốc gia về di sản tư liệu (cấp tỉnh)	4884/QĐ-BVHTTDL	Di sản văn hóa
989	1.014613	Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	4884/QĐ-BVHTTDL	Di sản văn hóa
990	1.014610	Thủ tục bồi hoàn chi phí thực hiện việc đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia có nguồn gốc Việt Nam từ nước ngoài về nước (cấp tỉnh)	4884/QĐ-BVHTTDL	Di sản văn hóa

991	1.014629	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành, giải thể hoặc phá sản	5001/QĐ-BVHTTDL	Du lịch
992	1.014616	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề kinh doanh di vật, cổ vật	4884/QĐ-BVHTTDL	Di sản văn hóa
993	2.001098	Thủ tục cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	999/QĐ-BVHTTDL	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
994	2.001091	Thủ tục gia hạn Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	999/QĐ-BVHTTDL	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
995	2.001168	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội	999/QĐ-BVHTTDL	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
996	2.001169	Thủ tục gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội	999/QĐ-BVHTTDL	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
997	2.001496	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu nhằm mục đích kinh doanh	1122/QĐ-BVHTTDL	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm
998	2.001564	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài (địa phương)	893/QĐ-BVHTTDL	Xuất Bản, In và Phát hành
999	2.001591	Thủ tục cấp phép khai quật khảo cổ khẩn cấp	4884/QĐ-BVHTTDL	Di sản văn hóa
1000	2.001584	Thủ tục cấp lại Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	1122/QĐ-BVHTTDL	Xuất Bản, In và Phát hành
1001	2.001594	Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	1122/QĐ-BVHTTDL	Xuất Bản, In và Phát hành
1002	2.001641	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích	4884/QĐ-BVHTTDL	Di sản văn hóa
1003	2.001631	Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật	4884/QĐ-BVHTTDL	Di sản văn hóa
1004	2.001737	Thủ tục xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in (cấp tỉnh)	1198/QĐ-BVHTTDL	Xuất Bản, In và Phát hành
1005	2.001740	Thủ tục xác nhận đăng ký hoạt động in (cấp tỉnh)	1198/QĐ-BVHTTDL	Xuất Bản, In và Phát hành
1006	2.001628	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	1225/QĐ-BVHTTDL	Du lịch
1007	2.001765	Thủ tục cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	1759/QĐ-BVHTTDL	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
1008	2.002188	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng	5001/QĐ-BVHTTDL	Thể dục thể thao
1009	2.002738	Gia hạn giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (địa phương)	353/QĐ-BTTTT	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
1010	2.002739	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	353/QĐ-BTTTT	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
1011	2.002773	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	2069/QĐ-BVHTTDL	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

1012	2.002772	Thủ tục cấp giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	2069/QĐ-BVHTTDL	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
1013	2.002840	Thủ tục hỗ trợ sáng tác tác phẩm văn học (cấp tỉnh)	143/QĐ-BVHTTDL	Văn học
1014	2.002839	Thủ tục lựa chọn đề cương để hỗ trợ viết, sáng tác tác phẩm văn học (cấp tỉnh)	143/QĐ-BVHTTDL	Văn học
1015	1.000028	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ	891/QĐ-BXD	Đường bộ
1016	1.000294	Bãi bỏ đường ngang	933/QĐ-BXD	Đường sắt
1017	1.000302	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia	52/QĐ-BGTVT	Đường bộ
1018	1.000321	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia	52/QĐ-BGTVT	Đường bộ
1019	1.000314	Chấp thuận vị trí đấu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	1139/QĐ-BXD	Đường bộ
1020	1.000344	Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng trên đường thủy nội địa	1136/QĐ-BXD	Hàng hải và đường thủy nội địa
1021	1.000660	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	822/QĐ-BXD	Đường bộ
1022	1.000703	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ	662/QĐ-BXD	Đường bộ
1023	1.001023	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	461/QĐ-BXD	Đường bộ
1024	1.000672	Công bố lại bến xe khách	822/QĐ-BXD	Đường bộ
1025	1.001223	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải	55/QĐ-BXD	Hàng hải và đường thủy nội địa
1026	1.001061	Cấp phép thi công nút giao đấu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	2503/QĐ-BXD	Đường bộ
1027	1.001046	Chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	2503/QĐ-BXD	Đường bộ
1028	1.001623	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo và thay đổi địa điểm đào tạo	891/QĐ-BXD	Đường bộ
1029	1.001322	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	821/QĐ-BXD	Đăng kiểm
1030	1.001577	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	461/QĐ-BXD	Đường bộ
1031	1.001296	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	821/QĐ-BXD	Đăng kiểm
1032	1.001319	Cấp mới Chứng chỉ đăng kiểm viên phương tiện giao thông đường bộ	1063/QĐ-BXD	Đăng kiểm

1033	1.001751	Cấp bổ sung xe tập lái, cấp lại Giấy phép xe tập lái	891/QĐ-BXD	Đường bộ
1034	1.001737	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	461/QĐ-BXD	Đường bộ
1035	1.001765	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	891/QĐ-BXD	Đường bộ
1036	1.002046	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS	461/QĐ-BXD	Đường bộ
1037	1.002063	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	461/QĐ-BXD	Đường bộ
1038	1.001777	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe, cấp Giấy phép xe tập lái	891/QĐ-BXD	Đường bộ
1039	1.002268	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	461/QĐ-BXD	Đường bộ
1040	1.002286	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	461/QĐ-BXD	Đường bộ
1041	1.002334	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc	461/QĐ-BXD	Đường bộ
1042	1.002381	Giới thiệu đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại D cho phương tiện của Việt Nam	461/QĐ-BXD	Đường bộ
1043	1.002357	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam	461/QĐ-BXD	Đường bộ
1044	1.002374	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại D cho phương tiện của Trung Quốc	461/QĐ-BXD	Đường bộ
1045	1.002372	Xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải	461/QĐ-BXD	Hàng hải và đường thủy nội địa
1046	1.002551	Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên cho các cá nhân thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng	984/QĐ-BXD	Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động
1047	1.002693	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	1813/QĐ-BXD	Hạ tầng kỹ thuật

1048	1.002636	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho các tổ chức gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho các tổ chức thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng	648/QĐ-BXD	Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động
1049	1.002829	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS	52/QĐ-BGTVT	Đường bộ
1050	1.002856	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	461/QĐ-BXD	Đường bộ
1051	1.002798	Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trước khi đưa đường cao tốc vào khai thác; Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trong thời gian khai thác	1139/QĐ-BXD	Đường bộ
1052	1.002861	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	461/QĐ-BXD	Đường bộ
1053	1.002847	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào	52/QĐ-BGTVT	Đường bộ
1054	1.002771	Phê duyệt phương án trục vớt tài sản chìm đắm	55/QĐ-BXD	Hàng hải và đường thủy nội địa
1055	1.002817	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD	52/QĐ-BGTVT	Đường bộ
1056	1.002877	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	461/QĐ-BXD	Đường bộ
1057	1.003135	Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	461/QĐ-BXD	Hàng hải và đường thủy nội địa
1058	1.003640	Gia hạn thời gian lưu lại lãnh thổ Việt Nam cho phương tiện vận tải thủy của Campuchia	461/QĐ-BXD	Hàng hải và đường thủy nội địa
1059	1.003570	Phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	1136/QĐ-BXD	Hàng hải và đường thủy nội địa
1060	1.003897	Cấp lại Giấy phép lái tàu	933/QĐ-BXD	Đường sắt
1061	1.003930	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	461/QĐ-BXD	Hàng hải và đường thủy nội địa
1062	1.003970	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	461/QĐ-BXD	Hàng hải và đường thủy nội địa
1063	1.004002	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	461/QĐ-BXD	Hàng hải và đường thủy nội địa

1064	1.004047	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	461/QĐ-BXD	Hàng hải và đường thủy nội địa
1065	1.004036	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	461/QĐ-BXD	Hàng hải và đường thủy nội địa
1066	1.004088	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	461/QĐ-BXD	Hàng hải và đường thủy nội địa
1067	1.004239	Phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	1136/QĐ-BXD	Hàng hải và đường thủy nội địa
1068	1.004681	Gia hạn giấy phép kết nối, bãi bỏ kết nối các tuyến đường sắt	2267/QĐ-BXD	Đường sắt
1069	1.004685	Cấp Giấy phép kết nối các tuyến đường sắt	2267/QĐ-BXD	Đường sắt
1070	1.004844	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	933/QĐ-BXD	Đường sắt
1071	1.005021	Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưỡi chở hành khách và xe ô tô	822/QĐ-BXD	Đường bộ
1072	1.005040	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	461/QĐ-BXD	Hàng hải và đường thủy nội địa
1073	1.004993	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	891/QĐ-BXD	Đường bộ
1074	1.005210	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi về tên của cơ sở đào tạo	891/QĐ-BXD	Đường bộ
1075	1.005058	Gia hạn Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	933/QĐ-BXD	Đường sắt
1076	1.005071	Sát hạch cấp giấy phép lái tàu	933/QĐ-BXD	Đường sắt
1077	1.005126	Cấp Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	933/QĐ-BXD	Đường sắt
1078	1.005134	Cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu, dùng chung với đường sắt	2267/QĐ-BXD	Đường sắt
1079	1.005123	Gia hạn giấy phép xây dựng công trình thiết yếu, dùng chung với đường sắt	2267/QĐ-BXD	Đường sắt
1080	1.006391	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	461/QĐ-BXD	Hàng hải và đường thủy nội địa
1081	1.007765	Cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu nhà nước	837/QĐ-BXD	Nhà ở và công sở
1082	1.009459	Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương	1136/QĐ-BXD	Hàng hải và đường thủy nội địa

1083	1.009451	Cho ý kiến đối với phương án thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa	1136/QĐ-BXD	Hàng hải và đường thủy nội địa
1084	1.009448	Cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng khu neo đậu	1136/QĐ-BXD	Hàng hải và đường thủy nội địa
1085	1.009449	Công bố hoạt động khu neo đậu	1136/QĐ-BXD	Hàng hải và đường thủy nội địa
1086	1.009460	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng	1136/QĐ-BXD	Hàng hải và đường thủy nội địa
1087	1.009465	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa	1136/QĐ-BXD	Hàng hải và đường thủy nội địa
1088	1.009464	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa	1136/QĐ-BXD	Hàng hải và đường thủy nội địa
1089	1.009479	Xét cấp giấy phép lái tàu	933/QĐ-BXD	Đường sắt
1090	1.009791	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	1092/QĐ-BXD	Quản lý chất lượng công trình xây dựng
1091	1.009794	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương	1092/QĐ-BXD	Quản lý chất lượng công trình xây dựng
1092	1.010000	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	933/QĐ-BXD	Đường sắt
1093	1.010702	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN	871/QĐ-BXD	Đường bộ
1094	1.010707	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	461/QĐ-BXD	Đường bộ
1095	1.010704	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN	871/QĐ-BXD	Đường bộ
1096	1.012883	Chuyển đổi công năng nhà ở đối với nhà ở xây dựng trong dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	651/QĐ-BXD	Nhà ở và công sở
1097	1.012890	Gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài	651/QĐ-BXD	Nhà ở và công sở
1098	1.012882	Thông báo đủ điều kiện được huy động vốn thông qua việc góp vốn, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh, liên doanh, liên kết của các tổ chức và cá nhân để phát triển nhà ở	891/QĐ-BXD	Nhà ở và công sở
1099	1.012886	Điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư làm chủ đầu tư đối với dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công	891/QĐ-BXD	Nhà ở và công sở

1100	1.012887	Đề xuất cơ chế ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 198 của Luật Nhà ở 2023	651/QĐ-BXD	Nhà ở và công sở
1101	1.012885	Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư làm chủ đầu tư đối với dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công	651/QĐ-BXD	Nhà ở và công sở
1102	1.012902	Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp thay đổi thông tin của sàn)	843/QĐ-BXD	Kinh doanh bất động sản
1103	1.012893	Bán nhà ở cũ thuộc tài sản công	651/QĐ-BXD	Nhà ở và công sở
1104	1.012892	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp chưa có hợp đồng thuê nhà ở	651/QĐ-BXD	Nhà ở và công sở
1105	1.012905	Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua	1649	Kinh doanh bất động sản
1106	1.012891	Cho thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương	891/QĐ-BXD	Nhà ở và công sở
1107	1.012896	Cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội do Nhà nước đầu tư xây dựng bằng vốn đầu tư công	891/QĐ-BXD	Nhà ở và công sở
1108	1.012903	Thông báo quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong dự án bất động sản đủ điều kiện chuyển nhượng cho cá nhân tự xây dựng nhà ở	843/QĐ-BXD	Kinh doanh bất động sản
1109	1.012898	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp ký lại hợp đồng thuê	651/QĐ-BXD	Nhà ở và công sở
1110	1.012895	Thẩm định giá bán, giá thuê mua nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân	891/QĐ-BXD	Nhà ở và công sở
1111	1.012901	Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy, bị tiêu hủy, bị hỏng)	843/QĐ-BXD	Kinh doanh bất động sản
1112	1.012894	Giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung của nhà ở cũ thuộc tài sản công	651/QĐ-BXD	Nhà ở và công sở
1113	1.012900	Cấp giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản	843/QĐ-BXD	Kinh doanh bất động sản
1114	1.012897	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp nhận chuyển quyền thuê nhà ở	651/QĐ-BXD	Nhà ở và công sở
1115	1.012910	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (trong trường hợp chứng chỉ cũ đã hết hạn hoặc gần hết hạn)	843/QĐ-BXD	Kinh doanh bất động sản
1116	1.012906	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.	843/QĐ-BXD	Kinh doanh bất động sản

1117	1.013061	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	2503/QĐ-BXD	Đường bộ
1118	1.013071	Cấp lại Chứng chỉ đăng kiểm viên phương tiện giao thông đường bộ	1063/QĐ-BXD	Đăng kiểm
1119	1.012907	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (trong trường hợp chứng chỉ bị cháy, bị mất, bị rách, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng khác)	843/QĐ-BXD	Kinh doanh bất động sản
1120	1.013110	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	821/QĐ-BXD	Đăng kiểm
1121	1.013217	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	1077/QĐ-BXD	Hoạt động xây dựng
1122	1.013105	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	821/QĐ-BXD	Đăng kiểm
1123	1.013219	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	1077/QĐ-BXD	Hoạt động xây dựng
1124	1.013231	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	1077/QĐ-BXD	Hoạt động xây dựng
1125	1.013224	Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài..	1077/QĐ-BXD	Hoạt động xây dựng
1126	1.013230	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	1077/QĐ-BXD	Hoạt động xây dựng
1127	1.013233	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/sửa chữa, cải tạo/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	1077/QĐ-BXD	Hoạt động xây dựng
1128	1.013222	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài..	1077/QĐ-BXD	Hoạt động xây dựng

1129	1.013235	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/sửa chữa, cải tạo/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án)	1077/QĐ-BXD	Hoạt động xây dựng
1130	1.013236	Cấp giấy phép xây dựng mới công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	1077/QĐ-BXD	Hoạt động xây dựng
1131	1.013274	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	1139/QĐ-BXD	Đường bộ
1132	1.013259	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	662/QĐ-BXD	Đường bộ
1133	1.013237	Cấp mới chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	1077/QĐ-BXD	Hoạt động xây dựng
1134	1.013238	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	1077/QĐ-BXD	Hoạt động xây dựng
1135	1.013260	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	662/QĐ-BXD	Đường bộ
1136	1.013276	Chấp thuận bổ sung vị trí nút giao đấu nối vào đường cao tốc	1139/QĐ-BXD	Đường bộ
1137	1.013239	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	1077/QĐ-BXD	Hoạt động xây dựng
1138	1.013261	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	1744/QĐ-BGTVT	Đường bộ
1139	1.013277	Chấp thuận đấu nối đối với trường hợp kết nối với đường bộ không có trong các quy hoạch	1139/QĐ-BXD	Đường bộ
1140	1.013769	Chuyển đổi công năng nhà ở không thuộc tài sản công	872/QĐ-BXD	Nhà ở và công sở
1141	1.013466	Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn	647/QĐ-BXD	Hàng hải và đường thủy nội địa

1142	1.013467	Phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động	647/QĐ-BXD	Hàng hải và đường thủy nội địa
1143	1.013468	Chấm dứt hoạt động tàu lặn	55/QĐ-BXD	Hàng hải và đường thủy nội địa
1144	1.014783	Cấp giấy phép lưu thông vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy	649/QĐ-BXD	Vật liệu xây dựng
1145	1.014159	Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	898/QĐ-BXD	Quy hoạch đô thị và nông thôn
1146	1.014158	Thủ tục phê duyệt, chấp thuận quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	709/QĐ-BXD	Quy hoạch đô thị và nông thôn
1147	1.014156	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	1218/QĐ-BXD	Quy hoạch đô thị và nông thôn
1148	1.014157	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	975/QĐ-BXD	Quy hoạch đô thị và nông thôn
1149	1.014155	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	898/QĐ-BXD	Quy hoạch đô thị và nông thôn
1150	1.013777	Cho phép chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản	843/QĐ-BXD	Kinh doanh bất động sản
1151	2.000795	Đăng ký vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo	461/QĐ-BXD	Hàng hải và đường thủy nội địa
1152	2.000769	Cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ (trường hợp cơ sở bồi dưỡng đã cấp chứng chỉ không còn hoạt động)	891/QĐ-BXD	Đường bộ
1153	2.001711	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	461/QĐ-BXD	Hàng hải và đường thủy nội địa
1154	2.001802	Chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển	647/QĐ-BXD	Hàng hải và đường thủy nội địa
1155	2.002285	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định	662/QĐ-BXD	Đường bộ

1156	2.001921	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	1139/QĐ-BXD	Đường bộ
1157	2.001219	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải	461/QĐ-BXD	Hàng hải và đường thủy nội địa
1158	2.002001	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	55/QĐ-BXD	Hàng hải và đường thủy nội địa
1159	2.001659	Xóa đăng ký phương tiện	461/QĐ-BXD	Hàng hải và đường thủy nội địa
1160	2.002287	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	461/QĐ-BXD	Đường bộ
1161	2.002286	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi	662/QĐ-BXD	Đường bộ
1162	2.002615	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa	647/QĐ-BXD	Hàng hải và đường thủy nội địa
1163	2.002624	Chấp thuận đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương	647/QĐ-BXD	Hàng hải và đường thủy nội địa
1164	2.002616	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	647/QĐ-BXD	Hàng hải và đường thủy nội địa
1165	2.002288	Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải	461/QĐ-BXD	Đường bộ
1166	2.002617	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa do bị mất, bị hỏng	647/QĐ-BXD	Hàng hải và đường thủy nội địa
1167	2.002625	Công bố khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ	647/QĐ-BXD	Hàng hải và đường thủy nội địa

1168	3.000506	Thủ tục giao chủ đầu tư không thông qua đấu thầu đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc có văn bản pháp lý tương đương	1065/QĐ-BXD	Nhà ở và công sở
1169	3.000508	Thủ tục điều chỉnh quyết định giao chủ đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội	1065/QĐ-BXD	Nhà ở và công sở
1170	3.000507	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội chưa được chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc chưa có văn bản pháp lý tương đương	1065/QĐ-BXD	Nhà ở và công sở
1171	1.003006	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	1292/QĐ-BYT	Thiết bị y tế
1172	1.003039	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D	1292/QĐ-BYT	Thiết bị y tế
1173	1.003029	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế thuộc loại A, B	2962/QĐ-BYT	Thiết bị y tế
1174	1.006424	Đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe	2078/QĐ-BYT	An toàn thực phẩm
1175	1.008398	Cấp lại Giấy chứng nhận dược liệu đạt GACP trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	1803/QĐ-BYT	Y Dược cổ truyền
1176	1.008395	Đánh giá việc đáp ứng Thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác dược liệu tự nhiên (GACP)	1803/QĐ-BYT	Y Dược cổ truyền
1177	1.008397	Đánh giá thay đổi, bổ sung việc đáp ứng Thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác dược liệu tự nhiên (GACP)	1803/QĐ-BYT	Y Dược cổ truyền
1178	1.008396	Đánh giá định kì việc duy trì đáp ứng Thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác dược liệu tự nhiên (GACP)	1803/QĐ-BYT	Y Dược cổ truyền
1179	1.009407	Công bố đáp ứng tiêu chuẩn chế biến, bào chế thuốc cổ truyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền trực thuộc quản lý của Sở Y tế	1145/QĐ-BYT	Y Dược cổ truyền
1180	1.013855	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	2076/QĐ-BYT	An toàn thực phẩm

1181	3.000448	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với thiết bị y tế loại A, B	2075/QĐ-BYT	Thiết bị y tế
1182	3.000447	Tiếp tục cho lưu hành thiết bị y tế trong trường hợp chủ sở hữu thiết bị y tế không tiếp tục sản xuất hoặc phá sản, giải thể đối với thiết bị y tế loại A, B	2075/QĐ-BYT	Thiết bị y tế
1183	3.000449	Công bố đối với nguyên liệu sản xuất thiết bị y tế, chất ngoại kiểm chứa chất ma túy và tiền chất	2075/QĐ-BYT	Thiết bị y tế
1184	1.004614	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	1225/QĐ-BVHTTDL	Du lịch
1185	1.004623	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	1225/QĐ-BVHTTDL	Du lịch
1186	1.004628	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	1225/QĐ-BVHTTDL	Du lịch
1187	2.002850	Cấp lại văn bằng, chứng chỉ	754/QĐ-BGDĐT	Văn bằng, chứng chỉ
1188	2.002848	Hủy đăng ký tín chỉ các-bon tự nguyện	1847/QĐ-BNNMT	Biến đổi khí hậu
1189	2.002849	Chuyển quyền sở hữu hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon ngoài hệ thống giao dịch các-bon	1847/QĐ-BNNMT	Biến đổi khí hậu
1190	1.014986	Thủ tục đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới tạo ra tại Việt Nam từ kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo	2080/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
1191	1.010774	Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước	556/QĐ-BNV	Người có công
1192	1.001432	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	1225/QĐ-BVHTTDL	Du lịch
1193	1.003868	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	2302/QĐ-BVHTTDL	Xuất Bản, In và Phát hành
1194	1.014967	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 1 (trừ vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ), 2, 3, 4, 9	1213/QĐ-BCT	Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm
1195	1.014968	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 1 (trừ vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ), 2, 3, 4, 9	1213/QĐ-BCT	Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm
1196	1.014969	Thủ tục cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 1 (trừ vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ), 2, 3, 4, 9	1213/QĐ-BCT	Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm
1197	1.002099	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	1262/QĐ-BTP	Luật sư

1198	1.003976	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng	361/QĐ-BTP	Nuôi con nuôi
1199	1.014662	Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử	3172/QĐ-BKHCN	An toàn bức xạ và hạt nhân
1200	1.014987	Thủ tục thẩm định công nghệ trong trường hợp đặc thù.	2080/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
1201	1.014988	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	2580	Hoạt động khoa học và công nghệ
1202	1.014989	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	2580	Hoạt động khoa học và công nghệ
1203	1.014990	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	2080/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
1204	1.014991	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	2580	Hoạt động khoa học và công nghệ
1205	1.014992	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	2580	Hoạt động khoa học và công nghệ
1206	1.014993	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	2080/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
1207	1.014965	Thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên trong trường hợp thôi hành nghề Quản tài viên theo nguyện vọng cá nhân	813/QĐ-BTP	Quản tài viên
1208	1.014966	Cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên trong trường hợp bị thu hồi chứng chỉ hành nghề	813/QĐ-BTP	Quản tài viên
1209	1.014916	Đề nghị thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên)	2636/QĐ-BKHCN	Công nghiệp công nghệ số, công nghệ thông tin, điện tử
1210	1.014917	Đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên)	2636/QĐ-BKHCN	Công nghiệp công nghệ số, công nghệ thông tin, điện tử
1211	1.014918	Đề nghị kết thúc thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên)	2636/QĐ-BKHCN	Công nghiệp công nghệ số, công nghệ thông tin, điện tử
1212	1.014919	Đề nghị điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên)	2636/QĐ-BKHCN	Công nghiệp công nghệ số, công nghệ thông tin, điện tử

1213	1.014920	Đề nghị thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)	1406/QĐ-BKHCN	Công nghiệp công nghệ số, công nghệ thông tin, điện tử
1214	1.014921	Đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)	1406/QĐ-BKHCN	Công nghiệp công nghệ số, công nghệ thông tin, điện tử
1215	1.014922	Đề nghị kết thúc thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)	1406/QĐ-BKHCN	Công nghiệp công nghệ số, công nghệ thông tin, điện tử
1216	1.014923	Đề nghị điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)	1406/QĐ-BKHCN	Công nghiệp công nghệ số, công nghệ thông tin, điện tử
1217	1.014948	Chấp thuận trao đổi quốc tế nguồn gen giống vật nuôi quý, hiếm của Việt Nam cho bên thứ ba	1829/QĐ-BNNMT	Chăn nuôi
1218	1.114998	Chấp thuận đề nghị đấu nối vào đường tỉnh	1603/QĐ-UBND	Đường bộ
1219	1.014412	Chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối vào đường tỉnh, đường đô thị và đường khác do Sở Xây dựng quản lý	1603/QĐ-UBND	Đường bộ
1220	1.014413	Cấp phép thi công nút giao đấu nối vào đường tỉnh, đường đô thị và đường khác do Sở Xây dựng quản lý	1603/QĐ-UBND	Đường bộ
1221	1.014952	Cấp mã số định danh cơ sở chăn nuôi	1878/QĐ-BNNMT	Chăn nuôi
1222	1.014951	Thông báo phương án chăn nuôi, phương án quản lý và kiểm soát nguy cơ rủi ro trong hoạt động chăn nuôi ruồi lính đen	1878/QĐ-BNNMT	Chăn nuôi
1223	1.014954	Cấp lại mã số định danh cơ sở chăn nuôi	1878/QĐ-BNNMT	Chăn nuôi
1224	1.015014	Thủ tục công nhận cơ sở đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp	2735/QĐ-BKHCN	Sở hữu trí tuệ
1225	1.015016	Thủ tục giải quyết khiếu nại liên quan đến sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)	2113/QĐ-BKHCN	Sở hữu trí tuệ
1226	1.115115	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập	641/QĐ-BNV	Quản lý lao động ngoài nước
1227	1.115116	Đề nghị sử dụng kinh phí từ Quỹ Bảo trợ trẻ em cho người chưa thành niên là bị hại	1294/QĐ-BYT	Trẻ em
1228	1.115117	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu UAE-VN	1553/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
1229	1.115134	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ	2527/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet

1230	1.115135	Hoàn trả mã mạng di động H2H, số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch vụ tin nhắn ngắn được phân bổ theo phương thức đấu giá	2527/QĐ-BKHCN	Viễn thông và Internet
1231	1.115143	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng chưa tổ chức lựa chọn nhà đầu tư hoặc chưa lựa chọn được nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh	1165/QĐ-BTC	Đầu tư tại Việt nam
1232	1.115144	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng chưa tổ chức lựa chọn nhà đầu tư hoặc chưa lựa chọn được nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc thẩm quyền của Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế	1165/QĐ-BTC	Đầu tư tại Việt nam
1233	1.115145	Thủ tục điều chỉnh Quyết định chấp thuận nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của Ban quản lý khu kinh tế	1165/QĐ-BTC	Đầu tư tại Việt nam
1234	1.115146	Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	1165/QĐ-BTC	Đầu tư tại Việt nam
1235	1.115147	Thủ tục áp dụng biện pháp bảo đảm đầu tư	1165/QĐ-BTC	Đầu tư tại Việt nam
1236	3.000574	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép mở chuyên trang của báo chí điện tử đối với cơ quan báo chí của địa phương	2149/QĐ-BVHTTDL	Báo chí
1237	3.000575	Thủ tục chấp thuận thay đổi biểu tượng ghi trong giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trong nước (cho cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình cấp tỉnh)	2044/QĐ-BVHTTDL	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
1238	1.115137	Gia hạn Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát nơtron, electron và hạt mang điện khác; thay đổi quy mô và phạm vi hoạt động của cơ sở bức xạ; chấm dứt hoạt động của cơ sở bức xạ	3172/QĐ-BKHCN	An toàn bức xạ và hạt nhân
1239	2.002884	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật	1181/QĐ-BGDĐT	Giáo dục nghề nghiệp

1240	1.115138	Sửa đổi Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát nơtron, electron và hạt mang điện khác; thay đổi quy mô và phạm vi hoạt động của cơ sở bức xạ; chấm dứt hoạt động của cơ sở bức xạ.	3172/QĐ-BKHCN	An toàn bức xạ và hạt nhân
1241	1.115139	Bổ sung Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát nơtron, electron và hạt mang điện khác.	3172/QĐ-BKHCN	An toàn bức xạ và hạt nhân
1242	1.115141	Sửa đổi Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - dịch vụ Lắp đặt nguồn phóng xạ; Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị bức xạ; Thử nghiệm thiết bị bức xạ; Tẩy xạ; Đánh giá hoạt độ phóng xạ; Hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ	3172/QĐ-BKHCN	An toàn bức xạ và hạt nhân
1243	2.002885	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1181/QĐ-BGDĐT	Giáo dục nghề nghiệp
1244	2.002886	Cho phép giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1181/QĐ-BGDĐT	Giáo dục nghề nghiệp
1245	2.002887	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp, trường trung học nghề	1578/QĐ-BGDĐT	Giáo dục nghề nghiệp
1246	2.002888	Giải thể phân hiệu của trường trung cấp, trường trung học nghề	1578/QĐ-BGDĐT	Giáo dục nghề nghiệp
1247	2.002889	Đổi tên trường trung cấp, trường trung học nghề	1578/QĐ-BGDĐT	Giáo dục nghề nghiệp
1248	2.002890	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp	1823/QĐ-BGDĐT	Giáo dục nghề nghiệp
1249	1.115148	Thủ tục tính hoặc tính lại tiền sử dụng đất theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 12 Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ	1037/QĐ-BTC	Tài chính đất đai
1250	1.115159	Công bố năng lực của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 1, chuẩn đo lường không dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	2669/QĐ-BKHCN	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng

1251	1.115160	Điều chỉnh nội dung của bản công bố năng lực của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 1, chuẩn đo lường không dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	2669/QĐ-BKHCN	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
1252	1.115161	Hủy bỏ bản công bố năng lực đã được ghi nhận của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 1, chuẩn đo lường không dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	2669/QĐ-BKHCN	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
1253	1.115162	Công bố năng lực tư vấn đối với chuyên gia tư vấn độc lập	2669/QĐ-BKHCN	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
1254	1.115163	Công bố năng lực đánh giá đối với tổ chức chứng nhận	2669/QĐ-BKHCN	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
1255	1.115164	Điều chỉnh Bản công bố năng lực tư vấn, đánh giá	2669/QĐ-BKHCN	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
1256	1.115165	Công bố năng lực đào tạo	2669/QĐ-BKHCN	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
1257	1.115166	Điều chỉnh Bản công bố năng lực đào tạo	2669/QĐ-BKHCN	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
1258	1.115169	Cấp phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp tại phân hiệu của trường trung cấp, trường trung học nghề	1578/QĐ-BGDĐT	Giáo dục nghề nghiệp
1259	1.115167	Công bố năng lực tư vấn đối với tổ chức tư vấn	2669/QĐ-BKHCN	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
1260	1.115184	Kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu có mức độ rủi ro cao (địa phương)	2839/QĐ-BKHCN	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
1261	1.115235	Hủy đăng ký dự án các-bon rừng	2334/QĐ-BNNMT	Lâm nghiệp và Kiểm lâm
1262	1.115237	Cấp tín chỉ các-bon rừng	2334/QĐ-BNNMT	Lâm nghiệp và Kiểm lâm
1263	1.115239	Đăng ký, điều chỉnh dự án các-bon rừng	2334/QĐ-BNNMT	Lâm nghiệp và Kiểm lâm
1264	1.115397	Phê duyệt đề xuất hỗ trợ đối với Thành viên của Hệ sinh thái tận dụng các FTA	1546/QĐ-BCT	Hội nhập kinh tế quốc tế
1265	1.115398	Phê duyệt đề xuất sửa đổi hoặc ngừng thực hiện đề xuất hỗ trợ của Thành viên của Hệ sinh thái tận dụng các FTA	1546/QĐ-BCT	Hội nhập kinh tế quốc tế
1266	1.115399	Thành lập Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng	1546/QĐ-BCT	Xúc tiến thương mại
1267	1.115400	Chấm dứt hoạt động của Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng	1546/QĐ-BCT	Xúc tiến thương mại
1268	2.002897	Thủ tục phát hành, phổ biến phim phục vụ nhiệm vụ chính trị không phát sinh doanh thu (cấp tỉnh)	1447/QĐ-BVHTTDL	Điện ảnh
1269	2.002898	Thủ tục phát hành, phổ biến phim phục vụ nhiệm vụ chính trị có phát sinh doanh thu (cấp tỉnh)	1447/QĐ-BVHTTDL	Điện ảnh

1270	1.115407	Kiểm tra chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu có mức độ rủi ro cao	1095/QĐ-BXD	Vật liệu xây dựng
1271	1.115417	Thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến	1617/QĐ-BCT	Thương mại điện tử
1272	1.115418	Sửa đổi, bổ sung thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến	1617/QĐ-BCT	Thương mại điện tử
1273	1.115419	Chấm dứt thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến	1617/QĐ-BCT	Thương mại điện tử
1274	1.115420	Cấp phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại	1617/QĐ-BCT	Thương mại điện tử
1275	1.115421	Sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại	1617/QĐ-BCT	Thương mại điện tử
1276	1.115422	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại	1617/QĐ-BCT	Thương mại điện tử
1277	1.115699	Thủ tục công nhận Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược (Cấp tỉnh)	3110/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
1278	1.115700	Thủ tục xác nhận doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao (Cấp tỉnh)	3110/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
1279	1.115701	Thủ tục xác nhận doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ chiến lược (Cấp tỉnh)	3110/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
1280	1.115702	Thủ tục xác nhận sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, sản phẩm công nghệ chiến lược (Cấp tỉnh)	3110/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
1281	1.115703	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược, ươm tạo doanh nghiệp công	3110/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
1282	1.115704	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược (Cấp tỉnh)	3110/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
1283	1.115705	Thủ tục xác nhận dự án đầu tư đáp ứng tiêu chí thực hiện hoạt động công nghệ cao, công nghệ chiến lược đầu tư vào khu công nghệ cao (Cấp tỉnh)	3110/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
1284	1.115947	Cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa	1136/QĐ-BXD	Hàng hải và đường thủy nội địa
1285	1.115948	Công bố mở cảng thủy nội địa	1136/QĐ-BXD	Hàng hải và đường thủy nội địa

1286	1.115949	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	1595/QĐ-BXD	Hàng hải và đường thủy nội địa
1287	3.000619	Chấp thuận nhà đầu tư dự án lưới điện	1787/QĐ-BCT	Điện lực
1288	3.000620	Điều chỉnh Quyết định chấp thuận nhà đầu tư dự án lưới điện	1787/QĐ-BCT	Điện lực
1289	1.116089	Thái Nguyên - Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư	2198/QĐ-UBND	Đất đai
1290	1.116090	Thái Nguyên (cấp tỉnh) - Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích	2198/QĐ-UBND	Đất đai
1291	1.116091	Thái Nguyên - Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở của tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật về nhà ở nội dung đã đăng ký	2198/QĐ-UBND	Đất đai
1292	1.116092	Thái Nguyên - Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp	2198/QĐ-UBND	Đất đai
1293	1.116093	Thái Nguyên - Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất (Trường hợp sử dụng đất theo hình thức quy định tại Điều 119 và Điều 120 Luật Đất đai)	2198/QĐ-UBND	Đất đai
1294	1.116094	Thái Nguyên - Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư	2198/QĐ-UBND	Đất đai
1295	1.116113	Thái Nguyên - Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	2198/QĐ-UBND	Đất đai
1296	1.116114	Thái Nguyên - Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng	2198/QĐ-UBND	Đất đai
1297	1.116115	Thái Nguyên - Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất	2198/QĐ-UBND	Đất đai
1298	1.116117	Thái Nguyên - Đăng ký biến động chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	2198/QĐ-UBND	Đất đai
1299	1.116118	Thái Nguyên - Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ trên Giấy chứng nhận đã cấp	2198/QĐ-UBND	Đất đai

1300	1.116119	Thái Nguyên - Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai hoặc bản án, quyết định của Tòa án, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành; quyết định hoặc phán quyết của Trọng tài thương mại Việt Nam về giải quyết tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý	2198/QĐ-UBND	Đất đai
1301	1.116120	Thái Nguyên - Đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cấp Giấy chứng nhận cho từng thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết cho chủ đầu tư dự án có nhu cầu	2198/QĐ-UBND	Đất đai
1302	1.116121	Thái Nguyên - Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp	2198/QĐ-UBND	Đất đai

1303	1.116122	Thái Nguyên (cấp tỉnh) - Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp (Trường hợp thửa đất gốc đã có Giấy chứng nhận, phần diện tích đất tăng thêm do nhận chuyển quyền sử dụng một phần thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận)	2198/QĐ-UBND	Đất đai
1304	1.116124	Thái Nguên - Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	2198/QĐ-UBND	Đất đai
1305	1.116125	Thái Nguyên - Tách thửa hoặc hợp thửa đất	2198/QĐ-UBND	Đất đai
1306	1.116126	Thái Nguyên - Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm; chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản	2198/QĐ-UBND	Đất đai
1307	1.116127	Thái Nguyên - Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	2198/QĐ-UBND	Đất đai
1308	1.116128	Thái Nguyên (cấp tỉnh) - Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	2198/QĐ-UBND	Đất đai
1309	1.116129	Thái Nguyên (cấp tỉnh) - Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa	2198/QĐ-UBND	Đất đai

1310	1.116130	Thái Nguyên (cấp tỉnh) - Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	2198/QĐ-UBND	Đất đai
1311	1.116131	Thái Nguyên (cấp tỉnh) - Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	2198/QĐ-UBND	Đất đai
1312	1.116132	Thái Nguyên (cấp tỉnh) - Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	2198/QĐ-UBND	Đất đai
1313	1.116133	Thái Nguyên - Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	2198/QĐ-UBND	Đất đai
1314	1.116134	Thái Nguyên - Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản	2198/QĐ-UBND	Đất đai
1315	1.116135	Thái Nguyên - Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất	2198/QĐ-UBND	Đất đai
1316	1.116136	Thái Nguyên - Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân cấp tỉnh	2198/QĐ-UBND	Đất đai
1317	1.116137	Thái Nguyên (cấp tỉnh) - Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng	2198/QĐ-UBND	Đất đai
1318	1.116208	Thủ tục chấp thuận thay đổi biểu tượng ghi trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình (cho cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình cấp tỉnh)	2044/QĐ-BVHTTDL	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

1319	1.116487	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động của cơ sở kinh doanh dịch vụ phát hành báo chí nhập khẩu đối với cơ quan báo chí của địa phương	2149/QĐ-BVHTTDL	Báo chí
1320	1.000482	Chuyển đổi trường trung học nghề tư thục, trường trung cấp tư thục, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục sang trường học nghề tư thục, trường trung cấp tư thục, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	843/QĐ-BGDĐT	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06)
1321	1.000729	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên	1823/QĐ-BGDĐT	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
1322	1.001714	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	2108/QĐ-BGDĐT	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
1323	1.002982	Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người	2108/QĐ-BGDĐT	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
1324	1.004889	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam	2710/QĐ-BGDĐT	Văn bằng, chứng chỉ
1325	1.005095	Phúc khảo bài thi tốt nghiệp trung học phổ thông	1584/QĐ-BGDĐT	Thi, tuyển sinh
1326	1.005090	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	2108/QĐ-BGDĐT	Thi, tuyển sinh
1327	1.005098	Xét đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông	1584/QĐ-BGDĐT	Thi, tuyển sinh
1328	1.008720	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	1823/QĐ-BGDĐT	Giáo dục mầm non
1329	1.008723	Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư; cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	843/QĐ-BGDĐT	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài

1330	1.008721	Chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	843/QĐ-BGDĐT	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài
1331	1.009394	Đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển	985/QĐ-BGDĐT	Thi, tuyển sinh
1332	1.009002	Đăng ký hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt đối với sinh viên học các ngành đào tạo giáo viên tại các đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng được phép đào tạo giáo viên	3227/QĐ-BGDĐT	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
1333	1.012944	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	1425/QĐ-BGDĐT	Giáo dục trung học
1334	1.012955	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	1425/QĐ-BGDĐT	Giáo dục trung học
1335	1.012953	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục	1425/QĐ-BGDĐT	Giáo dục trung học
1336	1.012956	Giải thể trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	1425/QĐ-BGDĐT	Giáo dục trung học
1337	1.012988	Giải thể trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	1181/QĐ-BGDĐT	Giáo dục thường xuyên
1338	1.013754	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thục	1181/QĐ-BGDĐT	Giáo dục thường xuyên
1339	1.013757	Sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thục	1181/QĐ-BGDĐT	Giáo dục thường xuyên
1340	1.013751	Cho phép thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thục	1181/QĐ-BGDĐT	Giáo dục thường xuyên
1341	1.013755	Cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thục	1181/QĐ-BGDĐT	Giáo dục thường xuyên
1342	1.013753	Sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thục	1181/QĐ-BGDĐT	Giáo dục thường xuyên
1343	1.013758	Giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thục (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập)	1181/QĐ-BGDĐT	Giáo dục thường xuyên

1344	1.013338	Xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông	420/QĐ-BGDĐT	Thi, tuyển sinh
1345	1.014333	Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học công lập	2624/QĐ-BGDĐT	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
1346	1.014334	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong trường trung học phổ thông tư thục, cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục, trường trung học phổ thông trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu	2624/QĐ-BGDĐT	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
1347	1.013767	Giải thể, chấm dứt hoạt động cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ thành lập	1649/QĐ-BGDĐT	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài
1348	2.000632	Công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục	683/QĐ-BGDĐT	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06)
1349	2.000545	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ	1181/QĐ-BGDĐT	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài
1350	2.001959	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	683/QĐ-BGDĐT	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06)
1351	2.002593	Đề nghị đánh giá, công nhận Đơn vị học tập cấp tỉnh	98/QĐ-BGDĐT	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
1352	2.002813	Chấm dứt hoạt động của Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài	2750/QĐ-BGDĐT	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
1353	3.000181	Tuyển sinh trung học phổ thông	2108/QĐ-BGDĐT	Giáo dục trung học
1354	3.000317	Sáp nhập, chia, tách trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	1181/QĐ-BGDĐT	Giáo dục thường xuyên
1355	3.000315	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	1181/QĐ-BGDĐT	Giáo dục thường xuyên
1356	3.000466	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	985/QĐ-BGDĐT	Văn bằng, chứng chỉ
1357	1.013955	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp	2075/QĐ-BKHCN	Sở hữu trí tuệ
1358	1.013972	Thủ tục cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.	2075/QĐ-BKHCN	Sở hữu trí tuệ

1359	1.013966	Thủ tục cấp phó bản văn bằng bảo hộ và cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ	2075/QĐ-BKHCN	Sở hữu trí tuệ
1360	1.013974	Thủ tục yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc	2075/QĐ-BKHCN	Sở hữu trí tuệ
1361	1.013970	Thủ tục ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	2075/QĐ-BKHCN	Sở hữu trí tuệ
1362	1.014525	Thủ tục xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (cấp tỉnh)	4063/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
1363	1.014526	Thủ tục thực hiện điều chỉnh, chấm dứt thực hiện hợp đồng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (cấp tỉnh)	4063/QĐ-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ
1364	1.014676	Sửa đổi Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp)	3172/QĐ-BKHCN	An toàn bức xạ và hạt nhân
1365	1.014679	Gia hạn Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp).	3172/QĐ-BKHCN	An toàn bức xạ và hạt nhân
1366	1.014677	Bổ sung Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp)	3172/QĐ-BKHCN	An toàn bức xạ và hạt nhân
1367	1.000047	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	379/QĐ-BNNMT	Kiểm lâm
1368	1.000058	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	1637/QĐ-BNNMT	Lâm nghiệp và Kiểm lâm
1369	1.000071	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	379/QĐ-BNNMT	Lâm nghiệp và Kiểm lâm

1370	1.000081	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ, thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	QĐ/0001-NNPTNT	Lâm nghiệp và Kiểm lâm
1371	1.000084	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	379/QĐ-BNNMT	Lâm nghiệp và Kiểm lâm
1372	1.000987	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh)	379/QĐ-BNNMT	Khí tượng, thủy văn
1373	1.002373	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y trong trường hợp bị sai sót, thay đổi thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký	379/QĐ-BNNMT	Thú y
1374	1.001686	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	1649/QĐ-BNNMT	Thú y
1375	1.002549	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	1649/QĐ-BNNMT	Thú y
1376	1.002409	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	1649/QĐ-BNNMT	Thú y
1377	1.002996	Miễn kiểm tra giám sát cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm	379/QĐ-BNNMT	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản
1378	1.003058	Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	1908/QĐ-BNNMT	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản
1379	1.003111	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	1908/QĐ-BNNMT	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản
1380	1.003082	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025: 2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025: 2005	1908/QĐ-BNNMT	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản
1381	1.002432	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin) trong trường hợp bị sai sót, thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký	379/QĐ-BNNMT	Thú y
1382	1.003397	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp tỉnh)	379/QĐ-BNNMT	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn
1383	1.003486	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu	379/QĐ-BNNMT	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn
1384	1.003695	Công nhận làng nghề	379/QĐ-BNNMT	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn
1385	1.003727	Công nhận làng nghề truyền thống	379/QĐ-BNNMT	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn
1386	1.003712	Công nhận nghề truyền thống	379/QĐ-BNNMT	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn

1387	1.003741	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá (đối với cơ sở đăng kiểm tàu cá trên địa bàn quản lý trừ cơ sở đăng kiểm tàu cá thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý)	379/QĐ-BNNMT	Thủy sản
1388	1.003851	Cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (để mục đích bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu hoặc để hợp tác quốc tế)	379/QĐ-BNNMT	Thủy sản
1389	1.004122	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	379/QĐ-BNNMT	Tài nguyên nước
1390	1.004179	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 12 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP)	379/QĐ-BNNMT	Tài nguyên nước
1391	1.004167	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển	379/QĐ-BNNMT	Tài nguyên nước
1392	1.004683	Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản	2085/QĐ-BNNMT	Thủy sản
1393	1.004839	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	379/QĐ-BNNMT	Thú y
1394	1.004918	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thuỷ sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ)	379/QĐ-BNNMT	Thủy sản
1395	1.004915	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	379/QĐ-BNNMT	Thủy sản
1396	1.004943	Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản	2085/QĐ-BNNMT	Thủy sản
1397	1.005189	Cấp giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh)	379/QĐ-BNNMT	Biển và hải đảo
1398	1.007918	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư	379/QĐ-BNNMT	Lâm nghiệp và Kiểm lâm
1399	1.007926	Cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón	2286/QĐ-BNNMT	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

1400	1.008003	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính	379/QĐ-BNNMT	Trồng trọt
1401	1.007994	Cấp phép xuất khẩu giống cây trồng và hạt lai của giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành và không thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế không vì mục đích thương mại.	174/QĐ-BNN-BVTV	Trồng trọt
1402	1.007999	Cấp phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế (bao gồm cả giống cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định lưu hành giống cây trồng).	174/QĐ-BNN-BVTV	Trồng trọt
1403	1.008126	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn (trừ trường hợp cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi xuất khẩu theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	1649/QĐ-BNNMT	Chăn nuôi
1404	1.008128	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	1649/QĐ-BNNMT	Chăn nuôi
1405	1.010090	Công nhận các tiêu chuẩn Thực hành nông nghiệp tốt khác (GAP khác) cho áp dụng để được hưởng chính sách hỗ trợ trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	419/QĐ-BNN-TT	Trồng trọt
1406	1.011031	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	1649/QĐ-BNNMT	Chăn nuôi
1407	1.011647	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	1738/QĐ-BNNMT	Khoa học và Công nghệ
1408	1.012063	Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	1674/QĐ-BNNMT	Trồng trọt
1409	1.012070	Chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc	1674/QĐ-BNNMT	Trồng trọt
1410	1.012687	Điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	379/QĐ-BNNMT	Lâm nghiệp và Kiểm lâm

1411	1.012689	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức	379/QĐ-BNNMT	Kiểm lâm
1412	1.012690	Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý	379/QĐ-BNNMT	Kiểm lâm
1413	1.012692	Điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	379/QĐ-BNNMT	Kiểm lâm
1414	1.012921	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	379/QĐ-BNNMT	Lâm nghiệp và Kiểm lâm
1415	1.013799	Lấy ý kiến về tác động của công trình khai thác nước	248/QĐ-BNNMT	Tài nguyên nước
1416	1.013827	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa.	2304/QĐ-BNNMT	Đất đai
1417	1.013826	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư	2304/QĐ-BNNMT	Đất đai
1418	1.013945	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư	2304/QĐ-BNNMT	Đất đai
1419	1.013828	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển	2304/QĐ-BNNMT	Đất đai
1420	1.013946	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích	2304/QĐ-BNNMT	Đất đai
1421	1.013861	Phê duyệt nội dung trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên đối với thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu trong địa giới hành chính của tỉnh	1345/QĐ-BNNMT	Khí tượng, thủy văn

1422	1.013977	Đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cấp Giấy chứng nhận cho từng thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết cho chủ đầu tư dự án có nhu cầu	2304/QĐ-BNNMT	Đất đai
1423	1.013988	Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ trên Giấy chứng nhận đã cấp	2304/QĐ-BNNMT	Đất đai
1424	1.013994	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất	2304/QĐ-BNNMT	Đất đai
1425	1.014779	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	1649/QĐ-BNNMT	Thú y
1426	1.014777	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin)	1649/QĐ-BNNMT	Thú y
1427	1.014778	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	1649/QĐ-BNNMT	Thú y
1428	1.014838	Chuyển loại rừng đối với khu rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	364/QĐ-BNNMT	Lâm nghiệp và Kiểm lâm
1429	1.014836	Điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	364/QĐ-BNNMT	Lâm nghiệp và Kiểm lâm
1430	2.001241	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc Phiếu kiểm soát thu hoạch) cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ	3279/QĐ-BNN-VP	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản
1431	2.001254	Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước	1908/QĐ-BNNMT	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản
1432	2.001726	Sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	379/QĐ-BNNMT	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản
1433	2.001730	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1908/QĐ-BNNMT	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản
1434	2.001738	Gia hạn giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	379/QĐ-BNNMT	Tài nguyên nước
1435	2.001827	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	1908/QĐ-BNNMT	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản

1436	2.001838	Cấp đổi Phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ	3279/QĐ-BNN-VP	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản
1437	2.001850	Thẩm định, phê duyệt phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện	379/QĐ-BNNMT	Tài nguyên nước
1438	2.002750	Công bố Danh mục khu đất dự kiến thực hiện dự án thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất	629/QĐ-BNNMT	Đất đai
1439	3.000152	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	379/QĐ-BNNMT	Kiểm lâm
1440	3.000159	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	379/QĐ-BNNMT	Kiểm lâm
1441	3.000160	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ	379/QĐ-BNNMT	Kiểm lâm
1442	3.000436	Sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh	2084/QĐ-BNNMT	Biển và hải đảo
1443	3.000501	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là tổ chức thuộc địa phương quản lý dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là tổ chức thuộc địa phương quản lý	2653/QĐ-BNNMT	Lâm nghiệp và Kiểm lâm
1444	1.001257	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	320/QĐ-BNV	Người có công
1445	1.010775	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh thuộc các trường hợp quy định tại Điều 14 Pháp lệnh nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 01 tháng 01 năm 1995 đến ngày 30 tháng 9 năm 2006	556/QĐ-BNV	Người có công
1446	1.010788	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	556/QĐ-BNV	Người có công

1447	1.010777	Cấp đổi Bằng "Tổ quốc ghi công"	556/QĐ-BNV	Người có công
1448	1.010783	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Nội vụ quản lý	556/QĐ-BNV	Người có công
1449	1.010801	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	320/QĐ-BNV	Người có công
1450	1.010802	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	556/QĐ-BNV	Người có công
1451	1.010805	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	556/QĐ-BNV	Người có công
1452	1.010807	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương và điều chỉnh chế độ đối với trường hợp không tại ngũ, công tác trong quân đội, công an	556/QĐ-BNV	Người có công
1453	1.010809	Giải quyết chế độ đối với thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động	320/QĐ-BNV	Người có công
1454	1.010806	Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	556/QĐ-BNV	Người có công
1455	1.010812	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	556/QĐ-BNV	Người có công
1456	1.010808	Giải quyết hưởng thêm một chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	556/QĐ-BNV	Người có công
1457	1.010814	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	556/QĐ-BNV	Người có công
1458	1.010811	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	556/QĐ-BNV	Người có công
1459	1.010813	Đưa người có công đối với trường hợp đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình	320/QĐ-BNV	Người có công
1460	1.010810	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	556/QĐ-BNV	Người có công

1461	1.010816	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	556/QĐ-BNV	Người có công
1462	1.010815	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng.	556/QĐ-BNV	Người có công
1463	1.010818	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	556/QĐ-BNV	Người có công
1464	1.010820	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	556/QĐ-BNV	Người có công
1465	1.010819	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	556/QĐ-BNV	Người có công
1466	1.010821	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	320/QĐ-BNV	Người có công
1467	1.010822	Giải quyết phụ cấp đặc biệt hằng tháng đối với thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	320/QĐ-BNV	Người có công
1468	1.010824	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	320/QĐ-BNV	Người có công
1469	1.010823	Hưởng lại chế độ ưu đãi	320/QĐ-BNV	Người có công
1470	1.010827	Di chuyển hồ sơ khi người hưởng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi thường trú	320/QĐ-BNV	Người có công
1471	1.012927	THỦ TỤC CÔNG NHẬN BAN VẬN ĐỘNG THÀNH LẬP HỘI (Cấp tỉnh).	780/QĐ-BNV	Quản lý nhà nước về hội, quỹ
1472	1.012942	THỦ TỤC BÁO CÁO TỔ CHỨC ĐẠI HỘI THÀNH LẬP, ĐẠI HỘI NHIỆM KỲ, ĐẠI HỘI BẤT THƯỜNG CỦA HỘI (CẤP TỈNH)	780/QĐ-BNV	Quản lý nhà nước về hội, quỹ
1473	1.012929	THỦ TỤC THÀNH LẬP HỘI (CẤP TỈNH).	780/QĐ-BNV	Quản lý nhà nước về hội, quỹ
1474	1.012943	THỦ TỤC THÔNG BÁO KẾT QUẢ ĐẠI HỘI VÀ PHÊ DUYỆT ĐỔI TÊN HỘI, PHÊ DUYỆT ĐIỀU LỆ HỘI (CẤP TỈNH)	780/QĐ-BNV	Quản lý nhà nước về hội, quỹ
1475	1.012945	THỦ TỤC CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT HỘI (CẤP TỈNH).	780/QĐ-BNV	Quản lý nhà nước về hội, quỹ
1476	1.012946	THỦ TỤC HỘI TỰ GIẢI THỂ (CẤP TỈNH).	780/QĐ-BNV	Quản lý nhà nước về hội, quỹ
1477	1.012947	THỦ TỤC CHO PHÉP HỘI ĐẶT CHI NHÁNH HOẶC VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN (CẤP TỈNH).	780/QĐ-BNV	Quản lý nhà nước về hội, quỹ
1478	1.012948	THỦ TỤC CHO PHÉP HỘI HOẠT ĐỘNG TRỞ LẠI SAU KHI BỊ ĐÌNH CHỈ CÓ THỜI HẠN (CẤP TỈNH)	780/QĐ-BNV	Quản lý nhà nước về hội, quỹ

1479	1.013744	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng thuộc diện Trung ương quản lý	639/QĐ-BNV	Người có công
1480	1.013937	Công nhận tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt.	647/QĐ-BNV	Văn thư và Lưu trữ nhà nước
1481	1.013749	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng	639/QĐ-BNV	Người có công
1482	2.001396	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	320/QĐ-BNV	Người có công
1483	2.001157	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	320/QĐ-BNV	Người có công
1484	2.001683	Thủ tục xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh	631/QĐ-BNV	Công tác thanh niên và Bình đẳng giới
1485	2.002343	Hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp	323/QĐ-BNV	An toàn, vệ sinh lao động
1486	1.000091	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	2179/QĐ-BYT	Phòng, chống tệ nạn xã hội
1487	1.001138	Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	2796/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh
1488	1.001386	Xác định trường hợp được bồi thường do xảy ra tai biến trong tiêm chủng	2001/QĐ-BYT	Phòng bệnh
1489	1.001806	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	970/QĐ-BYT	Bảo trợ xã hội
1490	1.002238	Xác nhận Đơn hàng nhập khẩu mỹ phẩm dùng cho nghiên cứu, kiểm nghiệm	745/QĐ-BYT	Mỹ phẩm
1491	1.002600	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước	745/QĐ-BYT	Mỹ phẩm
1492	1.003055	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	745/QĐ-BYT	Mỹ phẩm
1493	1.003064	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	745/QĐ-BYT	Mỹ phẩm

1494	1.003073	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	4708/QĐ-BYT	Mỹ phẩm
1495	1.003068	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 11 Thông tư 04/2018/TT-BYT	5229/QĐ-BYT	Dược phẩm
1496	1.003580	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II	433/QĐ-BYT	
1497	1.004539	Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố	5125/QĐ-BYT	Đào tạo và Nghiên cứu khoa học
1498	1.004944	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	1095/QĐ-BYT	Trẻ em
1499	1.006780	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng	2796/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh
1500	1.004946	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	1095/QĐ-BYT	Trẻ em
1501	1.009249	Xét tặng giải thưởng Hải Thượng Lãn Ông về công tác y dược cổ truyền	4942/QĐ-BYT	Thi đua, khen thưởng
1502	1.009346	Xét tặng giải thưởng Đặng Văn Ngữ trong lĩnh vực Y tế dự phòng	5444/QĐ-BYT	Thi đua, khen thưởng
1503	1.009566	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu	1907/QĐ-BYT	Mỹ phẩm
1504	1.012257	Cho phép tổ chức hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo đợt, khám bệnh, chữa bệnh lưu động thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 79 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc cá nhân khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo	443/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh
1505	1.012261	Đề nghị thực hiện thí điểm khám bệnh, chữa bệnh từ xa	443/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh
1506	1.012258	Cho phép người nước ngoài vào Việt Nam chuyển giao kỹ thuật chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh hoặc hợp tác đào tạo về y khoa có thực hành khám bệnh, chữa bệnh	443/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh
1507	1.012260	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám bệnh, chữa bệnh từ xa	2976/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh
1508	1.012256	Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành	1629/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh

1509	1.012271	Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	2495/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh
1510	1.012262	Xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	443/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh
1511	1.012273	Gia hạn giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	2976/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh
1512	1.012280	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	1629/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh
1513	1.012272	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	2495/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh
1514	1.012281	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS	1330/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh
1515	1.012278	Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	1629/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh
1516	1.012275	Đăng ký hành nghề	443/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh
1517	1.012276	Thu hồi giấy phép hành nghề đối với trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh	1629/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh
1518	1.012279	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	1629/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh
1519	1.012292	Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	1629/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh
1520	1.012289	Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	1629/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh
1521	1.012290	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	1629/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh

1522	1.012291	Gia hạn giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	1629/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh
1523	1.012418	Cấp giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	2495/QĐ-BYT	Y Dược cổ truyền
1524	1.012415	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	2495/QĐ-BYT	Y Dược cổ truyền
1525	1.012990	Cấp giấy xác nhận quá trình thực hành công tác xã hội	970/QĐ-BYT	Bảo trợ xã hội
1526	1.012993	Đăng ký hành nghề công tác xã hội tại Việt Nam đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài	970/QĐ-BYT	Bảo trợ xã hội
1527	1.012419	Cấp lại giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	1463/QĐ-BYT	Y Dược cổ truyền
1528	1.012417	Cấp lại giấy chứng nhận lương y	1463/QĐ-BYT	Y Dược cổ truyền
1529	1.012416	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 4, 5 và khoản 6 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	2495/QĐ-BYT	Y Dược cổ truyền
1530	1.012422	Đề nghị xét tặng Danh hiệu “Thầy thuốc Nhân dân”, “Thầy thuốc Ưu tú”	2077/QĐ-BYT	Thi đua, khen thưởng
1531	1.013034	Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng	3555/QĐ-BYT	Phòng bệnh
1532	1.013035	Thu hồi Thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng đối với trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng không tiếp tục tham gia thực hiện các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV	3555/QĐ-BYT	Phòng bệnh
1533	1.013037	Hủy hồ sơ công bố đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	3555/QĐ-BYT	
1534	1.013036	Công bố cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	3555/QĐ-BYT	
1535	1.013817	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội	2072/QĐ-BYT	Bảo trợ xã hội
1536	1.013838	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế.	2076/QĐ-BYT	An toàn thực phẩm

1537	1.013829	Cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu.	2076/QĐ-BYT	An toàn thực phẩm
1538	1.013844	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã đoợc tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận noớc ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nhiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Doơng đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025	2076/QĐ-BYT	An toàn thực phẩm
1539	1.013824	Cấp giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đủ điều kiện kiểm tra và công nhận biết tiếng Việt thành thạo hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác hoặc đủ trình độ phiên dịch trong khám bệnh, chữa bệnh.	2081/QD-BYT	Đào tạo và Nghiên cứu khoa học
1540	1.013841	Miễn kiểm tra giám sát đối với cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã đoợc tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận noớc ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nhiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Doơng đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025.	2076/QĐ-BYT	An toàn thực phẩm
1541	1.013850	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.	2076/QĐ-BYT	An toàn thực phẩm
1542	1.013847	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế (CFS).	2076/QĐ-BYT	An toàn thực phẩm
1543	1.013854	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.	2076/QĐ-BYT	An toàn thực phẩm
1544	1.013864	Cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	2093/QĐ-BYT	Phòng bệnh
1545	1.013860	Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	2093/QĐ-BYT	Phòng bệnh
1546	1.013857	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.	2076/QĐ-BYT	An toàn thực phẩm

1547	1.013851	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dọỊỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	2076/QĐ-BYT	An toàn thực phẩm
1548	1.013870	Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .	1684/QĐ-BYT	Phòng bệnh
1549	1.013867	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tên, địa chỉ liên lạc của đơn vị đăng ký, đơn vị sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .	1684/QĐ-BYT	Phòng bệnh
1550	1.013858	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dọỊỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	2076/QĐ-BYT	An toàn thực phẩm
1551	1.013866	Đăng ký lưu hành mới chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế..	1684/QĐ-BYT	Phòng bệnh
1552	1.013865	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do thay đổi tên của cơ sở xét nghiệm.	2495/QĐ-BYT	
1553	1.013862	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.	2076/QĐ-BYT	An toàn thực phẩm
1554	1.013855	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	2076/QĐ-BYT	An toàn thực phẩm
1555	1.013869	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính.	2093/QĐ-BYT	
1556	1.013868	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tác dụng, liều lượng sử dụng, phương pháp sử dụng, hàm lượng hoạt chất, hàm lượng phụ gia cộng hưởng, dạng chế phẩm, hạn sử dụng, nguồn hoạt chất.	1684/QĐ-BYT	Phòng bệnh
1557	1.013871	Bổ nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần.	2077/QĐ-BYT	Giám định
1558	1.013873	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính.	2093/QĐ-BYT	

1559	1.013874	Gia hạn số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .	1684/QĐ-BYT	Phòng bệnh
1560	1.013875	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế để nghiên cứu .	1684/QĐ-BYT	Phòng bệnh
1561	1.013872	Thông báo thay đổi nội dung, hình thức nhãn chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .	1684/QĐ-BYT	Phòng bệnh
1562	1.013876	Miễn nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần.	2077/QĐ-BYT	Giám định
1563	1.013880	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế phục vụ mục đích viện trợ .	1684/QĐ-BYT	Phòng bệnh
1564	1.013884	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do hết hạn.	2495/QĐ-BYT	
1565	1.013890	Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động	2093/QĐ-BYT	Phòng bệnh
1566	1.013889	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu	2495/QĐ-BYT	Phòng bệnh
1567	1.013881	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế là quà biếu, cho, tặng .	1684/QĐ-BYT	Phòng bệnh
1568	1.013878	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III.	2495/QĐ-BYT	
1569	1.013879	Điều chỉnh giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính.	2093/QĐ-BYT	
1570	1.013883	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế do trên thị trường không có sản phẩm hoặc phương pháp sử dụng phù hợp với nhu cầu của tổ chức, cá nhân xin nhập khẩu .	1684/QĐ-BYT	Phòng bệnh
1571	1.013886	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu	2495/QĐ-BYT	Phòng bệnh

1572	1.013892	Đình chỉ lưu hành, thu hồi số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	2093/QĐ-BYT	Phòng bệnh
1573	1.013887	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi quyền sở hữu số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .	1684/QĐ-BYT	Phòng bệnh
1574	1.013891	Đăng ký lưu hành bổ sung do đổi tên chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .	1684/QĐ-BYT	Phòng bệnh
1575	1.014010	Cấp Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân	2179/QĐ-BYT	Phòng, chống tệ nạn xã hội
1576	1.013895	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất, thay đổi cơ sở sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .	1684/QĐ-BYT	Phòng bệnh
1577	1.013893	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do bị hỏng, bị mất.	2495/QĐ-BYT	
1578	1.014011	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân	2179/QĐ-BYT	Phòng, chống tệ nạn xã hội
1579	1.014069	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kệ thuốc.	2257/QĐ-BYT	Dược phẩm
1580	1.014037	Thủ tục công bố tiêu chuẩn chất lượng vị thuốc cổ truyền, dược liệu	2237/QĐ-BYT	Y Dược cổ truyền
1581	1.014076	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	2014/QĐ-BYT	Dược phẩm
1582	1.014078	Cho phép nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc có hạn dùng còn lại tại thời điểm thông quan ngắn hơn quy định	2278/QĐ-BYT	Dược phẩm
1583	1.014087	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	2278/QĐ-BYT	Dược phẩm
1584	1.014092	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược cho người bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề dược theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật Dược) theo hình thức xét hồ sơ	2278/QĐ-BYT	Dược phẩm

1585	1.014090	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh	2278/QĐ-BYT	Dược phẩm
1586	1.014099	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược	2278/QĐ-BYT	Dược phẩm
1587	1.014101	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	2278/QĐ-BYT	Dược phẩm
1588	1.014102	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động	2014/QĐ-BYT	Dược phẩm
1589	1.014100	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)	2278/QĐ-BYT	Dược phẩm
1590	1.014104	Cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	2278/QĐ-BYT	Dược phẩm
1591	1.014105	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt	2278/QĐ-BYT	Dược phẩm
1592	2.000025	Cấp Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	2179/QĐ-BYT	Phòng, chống tệ nạn xã hội
1593	2.000286	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	970/QĐ-BYT	Bảo trợ xã hội
1594	2.000282	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	970/QĐ-BYT	Bảo trợ xã hội
1595	2.000027	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	2179/QĐ-BYT	Phòng, chống tệ nạn xã hội
1596	2.000477	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	970/QĐ-BYT	Bảo trợ xã hội
1597	2.000552	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm	2796/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh
1598	2.000655	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng	433/QĐ-BYT	
1599	2.000559	Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	2796/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh

1600	2.000993	Kiểm dịch y tế đối với phương tiện vận tải	2001/QĐ-BYT	Phòng bệnh
1601	2.000972	Kiểm dịch y tế đối với thi thể, hài cốt, tro cốt	2001/QĐ-BYT	Phòng bệnh
1602	2.000981	Kiểm dịch y tế đối với hàng hóa	2001/QĐ-BYT	Phòng bệnh
1603	2.001661	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	2179/QĐ-BYT	Phòng, chống tệ nạn xã hội
1604	1.014958	Thông báo phương án chăn nuôi, phương án quản lý và kiểm soát nguy cơ rủi ro trong hoạt động chăn nuôi bò cạp	1878/QĐ-BNNMT	Chăn nuôi
1605	1.014957	Tuyển sinh vào trường phổ thông nội trú	624/QĐ-BGDĐT	Thi, tuyển sinh
1606	1.014936	THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ CÔNG NHẬN ĐIỀU LỆ QUỸ (Cấp tỉnh)	217/QĐ-BNV	Quản lý nhà nước về hội, quỹ
1607	1.014939	THỦ TỤC CHO PHÉP QUỸ HOẠT ĐỘNG TRỞ LẠI SAU KHI BỊ ĐÌNH CHỈ CÓ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG (Cấp tỉnh)	217/QĐ-BNV	Quản lý nhà nước về hội, quỹ
1608	1.014938	THỦ TỤC CÔNG NHẬN ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG) QUỸ; ĐỔI TÊN QUỸ (Cấp tỉnh)	217/QĐ-BNV	Quản lý nhà nước về hội, quỹ
1609	1.014937	THỦ TỤC CÔNG NHẬN QUỸ ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG VÀ CÔNG NHẬN HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ; CÔNG NHẬN HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ KHI THAY ĐỔI, BỔ SUNG THÀNH VIÊN HOẶC HẾT NHIỆM KỲ (Cấp tỉnh)	217/QĐ-BNV	Quản lý nhà nước về hội, quỹ
1610	1.010774	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước	556/QĐ-BNV	Người có công
1611	1.014940	THỦ TỤC HỢP NHẤT, SÁP NHẬP, CHIA, TÁCH, MỞ RỘNG PHẠM VI HOẠT ĐỘNG QUỸ (Cấp tỉnh)	217/QĐ-BNV	Quản lý nhà nước về hội, quỹ
1612	1.014111	Thi tuyển công chức	958/QĐ-BNV	Công chức, viên chức
1613	1.014941	THỦ TỤC QUỸ TỰ GIẢI THỂ (Cấp tỉnh)	217/QĐ-BNV	Quản lý nhà nước về hội, quỹ

1614	1.014203	Thẩm định điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự và đánh giá đáp ứng thực hành tốt đối với cơ sở có hoạt động phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc không vì mục đích thương mại (trường hợp cơ sở có đề nghị); Đánh giá định kỳ, đánh giá kiểm soát thay đổi về điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự đối với cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc, cơ sở bán lẻ thuốc.	2546/QĐ-BYT	Dược phẩm
1615	1.014675	Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp)	3172/QĐ-BKHCN	An toàn bức xạ và hạt nhân
1616	1.115140	Gia hạn Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - dịch vụ Lắp đặt nguồn phóng xạ; Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị bức xạ; Thử nghiệm thiết bị bức xạ; Tẩy xạ; Đánh giá hoạt độ phóng xạ; Hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ	3172/QĐ-BKHCN	An toàn bức xạ và hạt nhân
1617	1.115185	Chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp lần đầu (địa phương)	2839/QĐ-BKHCN	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
1618	1.115186	Đăng ký thay đổi, bổ sung Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp (địa phương)	2839/QĐ-BKHCN	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
1619	1.116116	Thái Nguyên - Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014	2198/QĐ-UBND	Đất đai
1620	1.116123	Thái Nguyên - Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên	2198/QĐ-UBND	Đất đai

1621	1.116129	Thái Nguyên (cấp tỉnh) - Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa	2198/QĐ-UBND	Đất đai
1622	1.116130	Thái Nguyên (cấp tỉnh) - Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	2198/QĐ-UBND	Đất đai
1623	1.116131	Thái Nguyên (cấp tỉnh) - Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	2198/QĐ-UBND	Đất đai
1624	1.116137	Thái Nguyên (cấp tỉnh) - Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng	2198/QĐ-UBND	Đất đai
1625	1.000678	Cấp giấy phép quá cảnh đối với hàng hóa thuộc danh mục cấm Campuchia	1213/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
1626	1.001051	Cấp giấy phép quá cảnh đối với mặt hàng gỗ các loại đã qua xử lý	1213/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
1627	1.001379	Gia hạn thời gian quá cảnh hàng hóa của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	1213/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
1628	1.002808	Thủ tục sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy phép gia công quân phục và Giấy phép nhập khẩu quân phục để làm mẫu	2040/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
1629	1.012168	Cấp Giấy phép nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương	1040/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
1630	1.012527	Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương	1040/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
1631	1.013771	Thủ tục cấp Giấy phép gia công hàng hóa thuộc diện hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu	2040/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu

1632	1.013982	Gia hạn giấy phép quá cảnh hàng hóa của nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào qua lãnh thổ Việt Nam	1213/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
1633	2.000006	Cấp phép quá cảnh hàng hoá của Công hoà dân chủ nhân dân Lào qua lãnh thổ Việt Nam	1213/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
1634	2.000521	Cấp giấy phép quá cảnh đối với hàng hóa thuộc danh mục cấm của Việt Nam nhưng không thuộc danh mục cấm của Campuchia	1213/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
1635	2.000517	Cấp phép tiêu thụ hàng hóa quá cảnh	1213/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
1636	2.000578	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp	1213/QĐ-BCT	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ
1637	2.000654	Thay đổi cửa khẩu xuất khẩu, nhập khẩu quá cảnh hàng hóa của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	1213/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
1638	2.001192	Thủ tục cấp Giấy phép gia công quân phục xuất khẩu cho các lực lượng vũ trang nước ngoài	2040/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
1639	1.011671	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	379/QĐ-BNNMT	Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý
1640	1.014256	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản (cấp Tỉnh)	1245/QĐ-BNNMT	Địa chất và khoáng sản
1641	1.014264	Điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp Tỉnh)	1877/QĐ-BNNMT	Địa chất và khoáng sản
1642	1.014257	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh)	279/QĐ-BNNMT	Địa chất và khoáng sản
1643	1.014265	Cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh)	279/QĐ-BNNMT	Địa chất và khoáng sản
1644	1.014261	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp Tỉnh)	279/QĐ-BNNMT	Địa chất và khoáng sản
1645	1.014268	Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp Tỉnh)	1877/QĐ-BNNMT	Địa chất và khoáng sản
1646	1.014262	Cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp Tỉnh)	1877/QĐ-BNNMT	Địa chất và khoáng sản
1647	1.014260	Lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh)	279/QĐ-BNNMT	Địa chất và khoáng sản
1648	1.014270	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh)	279/QĐ-BNNMT	Địa chất và khoáng sản
1649	1.014266	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh)	279/QĐ-BNNMT	Địa chất và khoáng sản
1650	1.014271	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (cấp Tỉnh)	1877/QĐ-BNNMT	Địa chất và khoáng sản
1651	1.014274	Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (cấp Tỉnh)	1877/QĐ-BNNMT	Địa chất và khoáng sản

1652	1.014273	Thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản (cấp Tỉnh)	1877/QĐ-BNNMT	Địa chất và khoáng sản
1653	1.014263	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp Tỉnh)	1877/QĐ-BNNMT	Địa chất và khoáng sản
1654	1.014269	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh)	279/QĐ-BNNMT	Địa chất và khoáng sản
1655	1.014267	Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh)	279/QĐ-BNNMT	Địa chất và khoáng sản
1656	1.014277	Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản (cấp Tỉnh)	1877/QĐ-BNNMT	Địa chất và khoáng sản
1657	1.014280	Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	279/QĐ-BNNMT	Địa chất và khoáng sản
1658	1.014279	Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	279/QĐ-BNNMT	Địa chất và khoáng sản
1659	1.014272	Cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh)	279/QĐ-BNNMT	Địa chất và khoáng sản
1660	1.014276	Điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt (cấp Tỉnh)	1877/QĐ-BNNMT	Địa chất và khoáng sản
1661	1.014278	Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản (cấp Tỉnh)	1877/QĐ-BNNMT	Địa chất và khoáng sản
1662	1.014281	Điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	1245/QĐ-BNNMT	Địa chất và khoáng sản
1663	1.014292	Chấp thuận thăm dò, khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản (cấp Tỉnh)	1877/QĐ-BNNMT	Địa chất và khoáng sản
1664	1.014295	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh)	279/QĐ-BNNMT	Địa chất và khoáng sản
1665	1.014291	Bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn (cấp Tỉnh)	1877/QĐ-BNNMT	Địa chất và khoáng sản
1666	1.014283	Chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản	279/QĐ-BNNMT	Địa chất và khoáng sản
1667	1.014282	Trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	279/QĐ-BNNMT	Địa chất và khoáng sản
1668	1.014290	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV	279/QĐ-BNNMT	Địa chất và khoáng sản
1669	1.014289	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	279/QĐ-BNNMT	Địa chất và khoáng sản
1670	1.014294	Chấp thuận nội dung đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc thực hiện dự án đầu tư tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia	1877/QĐ-BNNMT	Địa chất và khoáng sản
1671	1.014346	Giao nộp, thu nhận thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản (cấp tỉnh)	279/QĐ-BNNMT	Địa chất và khoáng sản

1672	1.014466	Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản (cấp Tỉnh)	1245/QĐ-BNNMT	Địa chất và khoáng sản
1673	1.014786	Khai thác thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản (cấp Tỉnh)	279/QĐ-BNNMT	Địa chất và khoáng sản
1674	1.014787	Chấp thuận việc lấy mẫu để nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ chế biến khoáng sản (cấp Tỉnh)	1583/QĐ-BNNMT	Địa chất và khoáng sản
1675	1.014789	Chấp thuận thay đổi nội dung đề án thăm dò khoáng sản (cấp Tỉnh)	1877/QĐ-BNNMT	Địa chất và khoáng sản
1676	1.014788	Lựa chọn tổ chức, cá nhân để nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh)	279/QĐ-BNNMT	Địa chất và khoáng sản
1677	2.002761	Thủ tục xác nhận cán bộ Quân đội nghỉ hưu mắc bệnh hiểm nghèo	5132/QĐ-BQP	Chính sách BQP
1678	1.001664	Giải ngân khoản vốn hỗ trợ cho doanh nghiệp (cấp tỉnh)	1474/QĐ-BTC	Đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn
1679	1.007623	Thủ tục cấp phát kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị trực thuộc địa phương	2070/QĐ-BTC	Tài chính doanh nghiệp
1680	1.009492	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án, điều chỉnh dự án áp dụng loại hợp đồng BT không yêu cầu thanh toán (cấp tỉnh)	3199/QĐ-BTC	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư
1681	1.009491	Trình tự chuẩn bị dự án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất (cấp tỉnh)	3199/QĐ-BTC	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư
1682	1.012744	Điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	1917/QĐ-BTC	Quản lý giá
1683	1.012995	Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	2589/QĐ-BTC	Tài chính đất đai
1684	1.012996	Thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ	2589/QĐ-BTC	Tài chính đất đai
1685	1.012994	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	2589/QĐ-BTC	Tài chính đất đai
1686	1.013655	Thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành biên lai.	1913/QĐ-BTC	Hải quan
1687	1.013654	Thông báo phát hành biên lai đặt in/tự in.	1913/QĐ-BTC	Hải quan
1688	1.013657	Tiêu hủy biên lai.	1913/QĐ-BTC	Hải quan
1689	1.013653	Đăng ký/Thay đổi thông tin sử dụng chứng từ điện tử/Ủy nhiệm lập biên lai điện tử	1913/QĐ-BTC	Hải quan
1690	1.014316	Hỗ trợ chi phí	3083/QĐ-BTC	Hỗ trợ đầu tư
1691	1.014566	Đăng ký tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký, chấm dứt kinh doanh của tổ chức khoa học và công nghệ, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	4245/QĐ-BTC	Khoa học công nghệ

1692	2.000765	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ (Cấp tỉnh)	1474/QĐ-BTC	Đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn
1693	2.000746	Nghiệm thu hoàn thành các hạng mục đầu tư hoặc toàn bộ dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ (cấp tỉnh)	1474/QĐ-BTC	Đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn
1694	2.002603	Công bố dự án đầu tư kinh doanh (gồm dự án đầu tư có sử dụng đất) đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất (cấp tỉnh)	2452/QĐ-BTC	Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư
1695	2.002667	Đăng ký lại chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của công ty nhà nước và công ty con chưa chuyển đổi	1474/QĐ-BTC	Chuyển đổi công ty nhà nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tổ chức và hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp
1696	3.000256	Chuyển giao công trình điện là hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong các dự án khu đô thị, khu dân cư và dự án khác do chủ đầu tư phải bàn giao lại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật	337/QĐ-BTC	Quản lý công sản
1697	3.000410	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế	1327/QĐ-BTC	Quản lý công sản
1698	1.003091	Yêu cầu thi hành án dân sự	1966/QĐ-BTP	Thi hành án dân sự
1699	1.000922	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	5037/QĐ-BVHTTDL	
1700	1.001029	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	776/QĐ-BVHTTDL	
1701	1.001008	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	776/QĐ-BVHTTDL	
1702	1.003922	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan	999/QĐ-BVHTTDL	
1703	1.004233	Thủ tục gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	1759/QĐ-BVHTTDL	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
1704	1.004321	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	1759/QĐ-BVHTTDL	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

1705	1.014191	Thủ tục cấp đổi biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa (thẩm quyền của Sở Xây dựng).	3253/QĐ-BVHTTDL	Du lịch
1706	1.014190	Thủ tục cấp biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa (thẩm quyền của Sở Xây dựng)	3253/QĐ-BVHTTDL	Du lịch
1707	1.014192	Thủ tục cấp lại biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa (thẩm quyền của Sở Xây dựng).	3253/QĐ-BVHTTDL	Du lịch
1708	1.014193	Thủ tục khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế	2555/QĐ-BYT	Bảo hiểm y tế
1709	3.000164	Đăng ký nhận các thông báo, văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử	01/QĐCB	Tòa án
1710	1.115009	Thu hồi mã số định danh cơ sở chăn nuôi	1878/QĐ-BNNMT	Chăn nuôi
1711	1.116541	Đề nghị hỗ trợ phát triển nhân lực công nghiệp công nghệ số đối với doanh nghiệp thực hiện dự án nghiên cứu, sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, chip bán dẫn, hệ thống trí tuệ nhân tạo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	2405/QĐ-UBND	Công nghiệp công nghệ số, công nghệ thông tin, điện tử
1712	1.116542	Đề nghị hỗ trợ đầu tư đối với các dự án sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ công nghệ số đối với doanh nghiệp thực hiện dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	2405/QĐ-UBND	Công nghiệp công nghệ số, công nghệ thông tin, điện tử
1713	1.116543	Thủ tục đề nghị hỗ trợ đối với dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	2405/QĐ-UBND	Công nghiệp công nghệ số, công nghệ thông tin, điện tử
1714	1.116544	Thủ tục đề nghị hỗ trợ đối với doanh nghiệp thực hiện dự án thiết kế chip bán dẫn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	2405/QĐ-UBND	Công nghiệp công nghệ số, công nghệ thông tin, điện tử
1715	1.116545	Thủ tục đề nghị hỗ trợ đối với doanh nghiệp thực hiện dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn và dự án sản xuất thiết bị điện tử trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	2405/QĐ-UBND	Công nghiệp công nghệ số, công nghệ thông tin, điện tử
1716	1.116546	Bổ nhiệm lại và cấp thẻ giám định viên tư pháp	1998/QĐ-BTP	Giám định tư pháp
1717	1.116547	Công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc	1998/QĐ-BTP	Giám định tư pháp
1718	1.116548	Hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc	1998/QĐ-BTP	Giám định tư pháp

1719	1.116549	Công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc	1998/QĐ-BTP	Giám định tư pháp
1720	1.116550	Hủy bỏ công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc	1998/QĐ-BTP	Giám định tư pháp
1721	1.116562	Thủ tục xác nhận nhập khẩu kim cương thô theo Quy chế chứng nhận KP.	2195/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
1722	1.116563	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại do mất, thất lạc, hư hỏng Giấy chứng nhận KP theo Quy chế Chứng nhận KP	2195/QĐ-BCT	Xuất nhập khẩu
1723	1.116644	Lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	2329/QĐ-BCT	Địa chất và khoáng sản
1724	1.116645	Lựa chọn tổ chức, cá nhân để nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	2329/QĐ-BCT	Địa chất và khoáng sản
1725	1.116646	Chấp thuận thay đổi nội dung đề án thăm dò khoáng sản, xác định trữ lượng khoáng sản đi kèm	2329/QĐ-BCT	Địa chất và khoáng sản
1726	1.116647	Chấp thuận việc lấy mẫu để nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ chế biến khoáng sản	2329/QĐ-BCT	Địa chất và khoáng sản
1727	1.116648	Chấp thuận thăm dò, khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản	2329/QĐ-BCT	Địa chất và khoáng sản
1728	1.116649	Thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản	2329/QĐ-BCT	Địa chất và khoáng sản
1729	1.116651	Bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn	2329/QĐ-BCT	Địa chất và khoáng sản
1730	1.116653	Cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản	2329/QĐ-BCT	Địa chất và khoáng sản
1731	1.116654	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản	2329/QĐ-BCT	Địa chất và khoáng sản
1732	1.116656	Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản	2329/QĐ-BCT	Địa chất và khoáng sản
1733	1.116666	Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản	2329/QĐ-BCT	Địa chất và khoáng sản
1734	1.116668	Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	2329/QĐ-BCT	Địa chất và khoáng sản
1735	1.116669	Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	2329/QĐ-BCT	Địa chất và khoáng sản
1736	1.116671	Trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	2329/QĐ-BCT	Địa chất và khoáng sản
1737	1.116672	Chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản	2329/QĐ-BCT	Địa chất và khoáng sản
1738	1.116674	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	2329/QĐ-BCT	Địa chất và khoáng sản

1739	1.116675	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	2329/QĐ-BCT	Địa chất và khoáng sản
1740	1.116676	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV	2329/QĐ-BCT	Địa chất và khoáng sản
1741	1.116677	Chấp thuận nội dung đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc thực hiện dự án đầu tư tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia	2329/QĐ-BCT	Địa chất và khoáng sản
1742	1.116680	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	2329/QĐ-BCT	Địa chất và khoáng sản